

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Mùa Vu Lan Báo Hiếu/Pitié filiale Ullumbana

Địa
Ngục
Chẳng
Không
Thê
Không
Thành
Phật



Chúng
Sinh
Độ
Hết
Mới
Chứng
Bồ
Đề

Namo Bodhisattva Ksitigarbha

**Hoa trồng do nhờ đất
Từ đất giống hoa sinh
Nếu không người gieo giống
Hoa đất đều không sinh.**

Đông độ tam tổ Tăng Xán đại sư

Quoique grâce à la terre
Poussent des semences donnant des fleurs
Mais s'il n'y avait pas la main de l'homme
Pas de fleurs, ni de terre.

3^{ème} patriarche chinois : Vénérable Tang-Tsan



Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

Kinh Hoa Nghiêm

Đại Phương Quảng Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**Quá khứ Phật tu hạnh Bồ đề
Cúng dường tất cả Phật mười
phương**

**Mỗi chỗ đức Phật đều phát nguyện
Tối Thắng Quang Vương đại hoan hỷ.**

“Quá khứ Phật tu hạnh Bồ đề.” Phật Thích Ca khi còn ở tại nhân địa thì rộng tu hạnh Bồ đề, hành Bồ Tát đạo. Hạnh Bồ đề là gì? Tức là hạnh nguyện giác đạo, đó là:

“Tự tánh chúng sinh thế nguyện độ,
Tự tánh phiền não thế nguyện đoạn,
Tự tánh pháp môn thế nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thế nguyện thành.”

Bồ Tát đạo là gì? Tức là hành vi bỏ mình cứu người, “Ngoài thì thí đất nước vợ con, trong thì thí đầu mắt tủy não.” Phải có tinh thần bố thí như thế mới hành Bồ Tát đạo được. Khi Phật tại nhân địa thì tu vạn hạnh, tập thiền định, do đó: “Siêng tu giới định huệ, sẽ diệt tham sân si.” Vun bồi công đức, khi phước huệ đầy đủ thì mới thành Phật.

“Cúng dường tất cả Phật mười phương.” Vì Phật tu đạo Bồ đề, trên thì cầu thành Phật, dưới thì độ chúng sinh, không tiếc thân mạng, cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương, hà huống là vật ngoài thân càng không tiếc. Mỗi hạt bụi trên thế

giới này đều là chỗ của chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại và chư Phật vị lai bỏ thân mạng.

“Mỗi chỗ chư Phật đều phát nguyện.” Phật ở trước mỗi vị Phật đều phát đại thế nguyện, cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương. Trong quá khứ hạnh lực và nguyện lực của Phật đều vĩ đại cho nên mới thành tựu. Chúng ta là người học đạo phải phát đại nguyện lực, tất cả đều vì chúng sinh, mà chẳng vì chính mình. Nếu chỉ có tâm tu hành mà chẳng có tâm phát nguyện thì cũng giống như hoa nở mà chẳng kết trái, chẳng thành tựu được.

“Tối Thắng Quang Vương đại hoan hỷ.” Cảnh giới này vị Tối Thắng Tịnh Quang Thiên Vương minh bạch được, cho nên vị này sanh đại tâm hoan hỷ.



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

Ở trên là mười bài kệ của Quang Âm Thiên Vương Trời Nhị Thiên thuộc về sắc giới nói ra, tán thán công đức của Phật. Dưới đây là kệ của Đại Phạm Thiên Vương Trời Sơ Thiên nói.

**Lại nữa, Thi
Khí Phạm
Vương được**

**môn giải thoát, thuyết pháp khắp
các đạo tràng trong mười phương,
mà các sở hành thủy đều thanh
tĩnh không nhiễm trước.**

Đạo lý ở trên chưa nói hết, bây giờ lại tiếp tục.

Vị Thi Khí Phạm Vương này là Đại Phạm Thiên trên cõi Sơ Thiên thuộc về sắc giới. Vị này nói về pháp thanh tịnh của mình tu hành khắp hết tất cả đạo tràng trong mười phương. Pháp thanh tịnh là gì ? Tức là không ích kỷ, không tự lợi, không đố kỵ, không chướng ngại, không có ô nhiễm tham sân si ba thứ độc.

Tất cả Phật ở đời hiện tại đều kiến lập đạo tràng. Đạo tràng là gì ? Tức là chỗ tu đạo. Phật Thích Ca nói Kinh Hoa Nghiêm Đại Phương Quảng Phật ở tại bảy đạo tràng :

1. Bồ Đề Đạo Tràng.
2. Điện Phổ Quang Minh.
3. Cung trời Đạo Lợi.
4. Cung trời Dạ Ma.
5. Cung trời Đâu Suất.
6. Cung trời Tha Hóa.
7. Rừng Thệ Đa.

Phàm là chỗ nào có giảng Kinh thuyết pháp đều gọi là đạo tràng, giảng Kinh gì thì gọi là pháp hội đó, ví như pháp hội Hoa Nghiêm, pháp hội Pháp Hoa .v.v...

Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát không nhiễm không ngại.

Huệ Quang Phạm Vương được môn giải thoát, khiến cho tất cả chúng sinh nhập thiền định tam muội.

Vị Huệ Quang Phạm Vương này, có trí huệ quang khiến cho tất cả chúng sinh nhập thiền định tam muội. Thiền dịch là tĩnh lặng; tĩnh tức là chỉ túc, lự tức là tư lự. Tóm lại tức là ngưng bật tất cả mọi sự suy nghĩ vọng tưởng. Tam muội dịch là định, cho nên danh từ Thiền định này nửa là tiếng Phạn, nửa là tiếng Tàu.

Vọng tưởng là mây trôi, chân tâm là mặt trời. Mây che lấp mặt trời, cho nên ánh sáng mặt trời không hiển được. Thiền định là gió, thổi tan sạch mây trôi. Mây bay đi rồi thì ánh sáng hiện ra. Tu thiền định tức là ngưng bật vọng tưởng, không có vọng tưởng thì trí huệ hiện tiền, tức cũng là khai ngộ. Do đó :

“ Vọng niệm không sinh là thiền,
Ngồi thấy bản tánh là định.”

Vị Thiên Vương này minh bạch được cảnh giới này, vị này ở trong tam muội, thiền duyệt vi thực, pháp hỷ sung mãn, đắc được môn giải thoát như thế.

Thiện Tử Huệ Quang Minh Phạm Vương được môn giải thoát, vào khắp tất cả các pháp không nghĩ bàn.

Vị Thiện Tử Huệ Quang Minh Phạm Vương này có văn huệ, tư huệ, tu huệ, ba thứ trí huệ. Văn là nghe pháp có thể đắc được trí huệ. Tư là tư duy, cũng có thể đắc được trí huệ. Tu là tu hành, càng có thể đắc được trí huệ. Đây là ba yếu tố trí huệ. Ba huệ này là hậu đắc trí, do học mà biết. Thiền định là căn bản trí sinh mà có.

Ba thứ trí huệ này phóng ra một thứ quang minh, chiếu khắp tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng đắc được lợi ích ba thứ trí huệ. Vị này đắc được pháp môn giải thoát nhập vào khắp tất cả các pháp diệu không thể nói. Thứ diệu pháp này nói cũng không ra lời, nghĩ cũng không ra, do đó “Như người uống nước, nóng lạnh tự biết.” Cảnh giới này cần tu hành thì tự mình thể hội, liễu ngộ, mới có thể sinh ra vô sinh pháp nhẫn.

Tối Thắng Niệm Trí Thiên Vương được môn giải thoát, khiến cho kiếp thành trụ hoại không của tất cả thế gian, thấy đều thanh tịnh như hư không.

Vị Tối Thắng Niệm Trí Thiên Vương này đắc được cảnh giới, khiến cho tất cả kiếp : Thành, trụ, hoại, không, của tất cả thế gian, hoàn toàn thanh tịnh như hư không.

Thế giới có thành trụ hoại không bốn trung kiếp (một trung kiếp có hai mươi tiểu kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp). Kiếp là đơn vị tính thời gian, lại dịch là tai nạn. Cuối thời kỳ diệt kiếp của mỗi tiểu kiếp ở trong trụ kiếp có ba tiểu tai :

1. Nạn đói.
2. Nạn dịch.
3. Nạn binh đao.

Thời kỳ bây giờ là diệt kiếp trong tiểu kiếp thứ chín của trụ kiếp. Lúc Phật Thích Ca ra đời thì tuổi thọ con người là một trăm tuổi. Từ khi Đức Phật nhập Niết Bàn gần khoảng ba ngàn năm, cho nên bây giờ tuổi thọ của con người khoảng bảy mươi tuổi. Nếu qua bốn ngàn năm thì tuổi thọ con người

giảm còn ba mươi tuổi thì sẽ bắt đầu phát sinh ba tiểu tai.

1. Nạn đói : Nguyên thủy đại địa thanh tịnh, nhân dân hòa lạc, sau đó từ từ phát sinh các điều ác như giết hại, trộm cắp, tà dâm và nói dối, đợi đến khi tuổi thọ con người còn khoảng ba mươi tuổi thì tâm con người chẳng như xưa, tà kiến điên đảo làm đủ mười điều ác. Trời rỗng đại nộ mà không mưa xuống, chẳng có cây cỏ, ngũ cốc, thậm chí người ăn người. Trải qua bảy năm bảy tháng bảy ngày nhân loại chết đói phân nửa, đó là nạn đói.

2. Nạn ôn dịch : Tuổi thọ của con người vào khoảng hai mươi tuổi thì tâm con người ác đến cực điểm, bèn phát sinh bệnh ôn dịch, ai bị cũng chết, chẳng có thuốc trị được. Bệnh ôn dịch này truyền nhiễm nhanh chóng, xương khô phơi đầy đồng. Trải qua bảy tháng bảy ngày mới hết, nhân loại chết gần hết, chỉ còn lại một phần mười.

3. Nạn đao binh : Khi tuổi thọ con người còn khoảng mười tuổi, thì thân cao chỉ được một thước (kiếp diệt thì một tuổi giảm một tấc, kiếp tăng thì một tuổi tăng lên một tấc), con người đều chẳng hiếu chẳng kính, hổ tương giết hại, không cha mẹ, không vợ chồng, không con cái, không nhìn nhận lục thân quyến thuộc. Vì nghiệp lực sở cảm, cỏ cây có thể dùng vũ khí mà giết chết người. Ai ai cũng cho rằng mình không giết chết họ thì họ giết mình, cho nên thấy người thì giết, gặp người thì chém, chém giết vô số, trải qua bảy ngày nhân loại chết hết khoảng chín mươi chín phần trăm. Còn lại chẳng bao nhiêu người. Người còn lại không bị giết thì chạy vào núi trốn, có thiện thần bảo hộ. Sau đó tai nạn qua rồi, họ từ trong núi đi ra, gặp người thì ôm nhau khóc lóc, vui mừng an ủi với nhau, kết làm thân hữu. Lúc bấy giờ ai cũng sinh tâm hổ thẹn, cải ác làm lành, có quan niệm luân lý, đạo đức, từ bi, nhân quả .v.v... từ từ tăng trưởng hướng thượng, ai ai cũng hòa bình tương xử, nói nhân nghĩa, nói đạo đức, cảm tình dung hợp, chẳng có tư tưởng ích kỷ tư lợi, chẳng có hành vi xấu ác. Lúc



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

bấy giờ sinh sống an định, cơm no áo ấm, ai ai cũng có tâm từ bi hỷ xả tứ vô lượng tâm, ai ai cũng tin chân lý nhân quả báo ứng.

Khi hoại kiếp ở trong mỗi đại kiếp phải phát sinh một lần đại hỏa tai. Trải qua bảy lần đại hỏa tai rồi, thì có một lần đại thủy tai. Trải qua bảy lần đại thủy tai rồi, thì có một lần đại phong tai. Có năm mươi sáu lần đại hỏa tai, có bảy lần đại thủy tai, có một lần đại phong tai. Tóm lại, trong sáu mươi bốn đại kiếp, thì phát sinh ba đại tai. Đại hỏa tai thì thiêu hủy đến trời Sơ Thiên, đại thủy tai thì ngập đến trời Nhị Thiên, đại phong tai thì thổi đến trời Tam Thiên. Trừ khi tu đến trời Tứ Thiên thì mới thoát khỏi sự uy hiếp của ba đại tai này.

Pháp tính về kiếp số : Bắt đầu từ tuổi thọ con người, mỗi một trăm năm thì tăng thêm một tuổi, tăng đến bốn vạn tám ngàn tuổi thì ngừng. Rồi lại cứ một trăm năm giảm xuống một tuổi, giảm đến mười tuổi thì ngừng. Một tăng một giảm như vậy thì là một tiểu kiếp. Công thức tính là : $(84.000 - 10)$

$\times 100 \times 2 = 16,798,000$ năm (mười sáu triệu, bảy trăm chín mươi tám ngàn năm) đó là số mục một tiểu kiếp. Một trung kiếp thì gấp hai mươi lần tiểu kiếp ($16,798,000 \times 20 = 335,960,000$ năm. Ba trăm ba mươi lăm triệu chín trăm sáu chục ngàn năm). Một đại kiếp thì gấp bốn lần trung kiếp ($335,960,000 \times 4 = 1,343,840,000$ năm). Một tỷ ba trăm bốn mươi ba triệu tám trăm bốn chục ngàn năm).

Thế giới thành : Trong hai mươi tiểu kiếp không, thì thế giới chẳng có gì. Đến khi kiếp thành thì đầu tiên trời đổ mưa to, nước dâng đến Đại Phạm Thiên, từ từ hết mưa nước rút, gió thổi mà thành thế giới. Thế giới thành thì có chúng sinh và thực vật sinh trưởng, dần dần có bộ lạc, có văn hóa, có quốc gia, có chiến tranh. Từ trụ kiếp diễn biến đến hoại kiếp; hoại kiếp qua rồi thì kiếp không; kiếp không qua rồi thì đến kiếp thành. Cứ hết rồi lại bắt đầu, tuần hoàn không ngừng. (còn tiếp)

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cửu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Xá Lợi Phất ! Như Lai dùng đủ thủ sự khác biệt, khéo léo nói các pháp, lời lẽ êm dịu, khiến cho vừa lòng đại chúng. Xá Lợi Phất ! Nói tóm lại những pháp chính yếu có vô lượng vô biên chưa từng có, Phật đều đã thành tựu.

Xá Lợi Phất ! Phật dùng đủ thủ trí, rộng phân biệt diễn nói, những gì nói ra hợp cơ gọi là khéo, pháp nghĩa chẳng phải một nên gọi là khác, lời lẽ êm dịu cho nên lợi lạc tất cả các chúng sinh. Khéo nói các pháp đối với các pháp, khéo phân biệt, khéo nói thật tướng của các pháp. Pháp là phương pháp, nếu khéo léo nói pháp, thì khiến cho mọi người hoan hỷ tin thọ, đó là khéo nói các pháp.

Lục Tổ Huệ Năng tuy chẳng biết chữ, nhưng khéo nói các pháp. Một lần nọ, có hai vị Tăng tranh chấp về việc gió thổi lá phương động.

- Một ông nói : "Tôi nói đó là gió động."

- Ông kia nói : "Chẳng phải, đó là phương động."

Hai người tranh luận không ngừng, đều chẳng chịu thua, lúc đó Ngài Huệ Năng vừa đến đó, bèn giải thích cho họ nghe :

- "Chẳng phải gió động, cũng chẳng phải phương động, chính là tâm của hai vị động !" Trong tâm của bạn cảm thấy động thì nó động, nếu tâm không động thì tất cả chẳng động. Đó cũng là khéo nói các pháp. Nếu ai hiểu được sự tu đạo, thì làm gì cũng đều là tu đạo, đều ở trong định.

Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ như thế nào ? Khi Ngài chưa xuất gia làm nghề đốn củi, tuy nhiên đời sống vất vả nhưng Ngài không quên việc hiếu thảo với mẹ già. Sau đó, Ngài đến chỗ Ngũ Tổ, Ngũ Tổ bảo làm công việc giã gạo. Ngài sớm tối giã gạo chẳng ngừng nghỉ, tức chẳng có dịp ngồi thiền, cũng chẳng có thời giờ nghiên cứu Kinh điển,

càng chẳng niệm câu Chú nào. Song, Ngài cánh nhiên khai ngộ ! Đó là nguyên nhân gì ? Vì bất cứ Ngài làm gì, cũng chuyên tâm nhất chí, thanh tịnh vọng niệm. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng :

"Cuồng tâm hết sạch, tức là bồ đề."

Tức cũng là thiền định giải thoát tam muội. Do đó, nếu ngộ được ý bên trong, thì suốt ngày làm việc bình thường sẽ có thể lãnh hội.

"Khéo nói các pháp, lời lẽ êm dịu". Pháp của Phật nói, đều khiến cho tâm của chúng sinh an lạc vui vẻ.

Đức Phật lại nói : Xá Lợi Phất ! Nói tóm lại những pháp vi diệu chính yếu có vô lượng vô



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

biên chưa từng có, ta đã hoàn toàn thành tựu chứng hết.

Thôi, Xá Lợi Phất ! Đừng nói nữa. Vì sao ? Vì pháp của Phật thành tựu ít có, khó hiểu bậc nhất. Chỉ có Phật với Phật, mới thấu triệt được thật tướng của các pháp. Đó là : Tướng của các pháp như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, làm như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn cứu kính như vậy .v.v...

Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:

Thôi, là ngừng lại chẳng nói nữa. Tại sao Đức Phật không muốn nói nữa ? Vì Kinh này vi diệu thâm áo, chẳng phải một số người hiểu được, nói ra sợ làm cho chúng sinh sinh ra tâm nghi ngờ phỉ báng mà tạo các nghiệp ác. Cho nên đức Phật yên lặng lâu, chẳng nói pháp ít có, khó tin bậc nhất này.

Pháp đệ nhất nghĩa, tức là pháp môn không hai, cho nên gọi là đệ nhất. Pháp môn không hai, tức là không có hai không có ba, là tuyệt đối đăi, độc nhất vô nhị. Ít có là chưa từng nghe. Khó hiểu tức là lý sâu pháp diệu, ý nghĩa thâm sâu, cho nên khó hiểu. Pháp ít có này, khó thấy khó tin, chỉ có Phật với chư Phật, mới thấu triệt được thật tướng của các pháp là vô tướng mà vô sở bất tướng.

Các pháp tức là tất cả pháp, quy nạp lại không ra ngoài mười như vậy. Tóm lại, tức là mười pháp giới :

1. Pháp giới của Phật.
2. Pháp giới của Bồ Tát.
3. Pháp giới của Duyên Giác.
4. Pháp giới của Thanh Văn.
5. Pháp giới của chư Thiên.
6. Pháp giới của loài người.
7. Pháp giới của A Tu La.
8. Pháp giới của súc sinh.
9. Pháp giới của ngạ quỷ.
10. Pháp giới của địa ngục.

Bốn pháp giới trước là pháp giới của bậc Thánh, sáu pháp giới sau là pháp giới của phàm phu, cộng lại là mười pháp giới. Trong mười pháp giới, mỗi một giới lại có mười như vậy, cộng lại thành trăm giới. Mà trong trăm giới, mỗi một giới lại có mười như vậy, do đó gọi là ngàn như vậy.

Bây giờ, lược giảng về mười như vậy.

1. **Tướng như vậy** : Tướng tức là tướng mạo. Tướng mạo này có chân, có vọng. Chân, thì thường trụ chẳng biến đổi, không sinh không diệt, chân như thật tướng. Do đó, diện mạo chân thật, bản địa phong quang, là chỉ thường trụ chân tâm, tánh tịnh minh thể của chúng ta. Thường trụ này chẳng biến đổi mà tùy duyên, tùy duyên mà chẳng biến đổi, như như bất động. Thường trụ là không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Nói tóm lại, thường trụ tức là chân như thật tướng. Song, chân như thật tướng này, chẳng phải ai ai cũng thấu rõ, cho nên nói chỉ có Phật với Phật mới thấu triệt được thật tướng của các pháp. Như Lai thấy rõ, chẳng có lầm lẫn, như lý chân thật gọi là tướng như vậy.

Tướng hư vọng ra sao ? Tức là tướng chẳng chân thật, tức là vô minh, có sinh diệt, có tăng giảm, có dơ sạch. Vô minh này chẳng có thật thể, chỉ là một giả danh mà thôi. Như trong Kinh này có nói : Thấy các chúng sinh vì sinh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não, giống như ở trong nước sôi lửa nóng, chịu đựng mọi sự thiêu đốt bức bách khó chịu.

2. **Tánh như vậy** : Nghiệp chẳng tự sinh, thật là do tánh khởi. Tâm vốn có đủ tánh thiện và ác, tùy theo nhân duyên mà có đủ thứ khác nhau. Trung Quốc có bộ Tam Tụ Kinh, mỗi em bé đầu tiên vào nhập học thì phải học qua. Sách này trước hết nói : "Nhân chi sơ tánh bản thiện." Nghĩa là : Tánh của con người từ lúc sơ khai vốn là thiện. Thiện tức là Phật tánh. Song, tánh tương cận tập tương viễn, tâm vốn gần gũi với Phật, nhưng từ vô thủy đến nay đã nhiễm các tập ác, do đó từ từ xa lìa Phật tánh, chẳng biết bản lai diện mục (mặt mũi thật của mình), cho nên có phân ra tánh thiện và tánh ác. Tánh thiện và tánh ác biểu hiện ra như thế nào ?

Tánh như vậy, ở đây có một ví dụ, giống như gỗ, bên trong đều có tánh lửa, nhưng nếu bỏ tánh lửa này không dùng, thì vĩnh viễn không thể sinh ra lửa, phải mượn một nhân duyên khác thì nó mới sinh ra lửa. Ví như xưa kia loài người chưa phát hiện được lửa, thì vật gì cũng đều ăn sống, khi phát hiện lấy lửa được ở cây, thì sau này mới dùng lửa để nấu chín đồ ăn. Từ đó về sau con người mới hiểu cách thức dùng gỗ để dẫn ra tánh lửa.

Đây cũng giống như chúng ta tạo ra nghiệp thiện ác, phải mượn cái tánh này hiển ra. Tánh này nếu làm thiện mà phát thì gọi là trí huệ quang; nếu làm ác mà phát lửa vô minh thì biến thành lửa độc. Thứ lửa độc này hay thành tựu vọng duyên, mà tánh của chúng ta giống như đạo lý gỗ vừa nói ở trên, bản tánh là không. Bên trong tuy có thiện có ác, nhưng phải mượn nhân duyên mới hiển ra được. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói về bốn đại : đất, nước, gió, lửa, khi tả về lửa thì nói : Lửa không tánh, gởi nơi các duyên. Tánh lửa chẳng có ngã, đủ nhân duyên hòa hợp mới sinh ra lửa, đó là đạo lý tánh như vậy.

3. Thể như vậy : Thể này tức là thân thể của chúng ta, cũng là hình thể của tất cả. Thể này phân tích ra thì có ba:

- Thứ nhất : Là phàm phu và Thánh nhân vốn bình đẳng, thể này vốn chẳng có phàm, cũng chẳng có Thánh, là một dạng, đây gọi là dùng lý làm thể. Thể này là Phật tánh vốn có, lại gọi là lý (đạo lý).
- Thứ hai : Nếu có người từ phàm phu tu thành đạo nghiệp, đây gọi là thể vô lậu, là chúng quả Thánh nhân.
- Thứ ba : Một số phàm phu có đủ thân huyễn năm uẩn, tức là năm ấm : sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Tứ đại: Đất, nước, gió, lửa, hòa hợp mà thành thân thể này, tức là thể hữu lậu.

4. Lực như vậy : Lực này tức là xuất lực. Lúc trước tôi đã từng nói với các vị, tôi có vị sư huynh xuất gia. Ông ta vốn học qua đạo lý giảng Kinh thuyết pháp. Ông ta thường thường giảng Kinh, nhất là thích giảng về tám thức, tức là : Nhân, nhĩ, tì, thiệt, thân, ý, và thức Mạt na thứ bảy, thức A lại da thứ tám. Người Trung Quốc gần đến Tết thì thích biên câu đối, dùng giấy đỏ biên dán lên tường, cho rằng là cát tường, cũng có ý nghĩa là tị tà, ở trong chùa cũng có phong khí này.

Vào năm đó, tôi biên mấy chữ như thế này: "Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sinh, thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải." Vị sư huynh của tôi thấy mấy chữ này rất lấy làm hoan hỉ, do đó đọc không ngừng "Trí huệ như hải, trí huệ như hải..." Tôi thấy ông ta đọc chẳng biết bao nhiêu lần, mới cười ông ta và nói : "Tôi thấy sư huynh là nghiệp lực như hải !" Ông ta vừa nghe được thì nổi giận mắng : "Ông nương tựa vào đâu mà nói tôi là nghiệp lực như hải ?" Tôi mới cười nói với ông ta : "Tôi bảo đảm sư huynh sẽ hoan hỉ. Nghiệp lực có thiện có ác, tôi nói sư huynh nghiệp thiện như hải, sư huynh nhận thấy thế nào ?" Lần này ông ta chẳng có lời gì để nói, tức khắc chuyển giận thành vui. Bạn thấy đó ! Con người thật là kì quái, chỉ sai có một chữ thì họ đã nổi giận. Bạn dịch chữ nghiệp là nghiệp thiện, thì sự nóng giận của họ chẳng biết chạy đi đâu mất. Bạn nói có diệu chăng ? Cho nên lực này tức là nghiệp lực. Nghiệp cũng là một thể, là một sức lực ở trong nghiệp thể. Tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc, sâm la vạn tượng ở trong mười pháp giới, đâu chẳng phải từ nghiệp lực của chúng sinh thị hiện. Thân của chúng sinh gọi là chánh báo, tất cả sâm la vạn tượng gọi là y báo. Y, chánh hai báo đều từ nghiệp lực sinh ra, cho nên gọi là lực như vậy.

5. Làm như vậy : Làm tức là tạo tác, làm nên. Tạo ra tất cả nghiệp thiện ác khác nhau. Trồng nhân thiện thì kết quả thiện, trồng nhân ác thì kết quả ác. Tạo này tức là hãy xem bạn tạo cái gì, cho nên nói : Thiện ác là hai con đường, tu thì tu, tạo thì tạo. Ai tu thiện thì có phước đức, ai tạo ác thì chịu hoạn nạn.

6. Nhân như vậy : Nhân này là chỉ tâm của chúng ta chúng sinh, tâm này lại gọi là tâm địa, giống như một miếng đất, bất cứ bạn trồng hạt giống thiện hoặc ác, thì tương lai sẽ kết quả. Tất cả đều do tâm tạo, thiện ác báo ứng đều từ trong tâm của bạn tạo thành. Nhân này tức là hạt giống, trồng ở trong đất tâm của bạn, mà thiện ác cũng tùy theo nhân này mà hiển hiện.

(còn tiếp)

Chú Lăng Nghiêm

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

99. Tát La Bà.

Kệ : Đại Phật tuyên vật hoá quần luân
Nhất thiết mật bí chúng thần linh
Hộ trì chánh pháp thường trụ thế
Ma Ha Bát Nhã giác hữu tình.

Tạm dịch :

Thế Phật tuyên dương hóa quần sinh
Tất cả bí mật chúng thần linh
Hộ trì chánh pháp thường trụ thế
Bát Nhã trí huệ giác hữu tình.

Giảng giải : Tát La Bà dịch là "tất cả", tất cả các thần, tất cả Kim Cang Mật Tích Hộ Pháp thiện thần. Những vị Hộ Pháp thiện thần này, là hàng phục thiên ma ngoại đạo, cũng là thế Phật tuyên dương Phật pháp, giáo hóa tất cả chúng sinh. Cho nên nói : *"Thế Phật tuyên dương hóa quần sinh."* Giáo hóa tất cả quần sinh.

"Tất cả bí mật chúng thần linh." Tất cả Kim Cang Mật Tích, Hộ Pháp thần linh.

"Hộ trì chánh pháp thường trụ thế." Bảo hộ chánh pháp thường trụ ở thế gian.

"Bát Nhã trí huệ giác hữu tình." Dùng đại trí huệ để giáo hóa tất cả chúng sinh, giác ngộ tất cả hữu tình chúng sinh, khiến họ đồng lên bờ kia, đắc được vô thượng chánh đẳng chánh giác.

100. Bộ Đa Yết La Ha.

Kệ : Đại thừa Phật đánh chùng tánh căn
Quảng độ hàm thức xuất khổ luân
Hư không hữu tận nguyện vô tận
Đồng đẳng bỉ ngạn Bát Nhã thâm.

Tạm dịch :

Trùng căn tánh Đại thừa Phật đánh
Rộng độ hàm thức thoát biển khổ
Hư không hữu tận nguyện vô tận

Đồng lên bờ kia trí Bát Nhã.

Giảng giải : Bộ Đa là "đại Phật đánh". Yết La Ha là "chùng tánh căn". Cho nên nói : *"Trùng căn tánh đại thừa Phật đánh."* Đây là đại thừa, chẳng phải là tiểu thừa. Pháp này là tối cao vô thượng, cho nên gọi là Phật đánh. Chùng tánh căn cũng là giống tánh căn đại thừa.

"Rộng độ hàm thức thoát biển khổ." Đại thừa là gì ? Đại thừa tức là xả mình vì người, quên mất chính mình để rộng độ tất cả. Hàm thức tức là chúng sinh có huyết có khí, làm cho họ thoát khỏi biển khổ trầm luân.

"Hư không hữu tận nguyện vô tận." Nguyện của người đại thừa phát ra, là hư không có thể có bờ mé, chứ nguyện lực thì không bờ mé, hư không có thể không còn, nhưng nguyện lực giáo hóa chúng sinh thì không có lúc nào cùng tận.

"Đồng lên bờ kia trí Bát Nhã." Nguyện cho hết thảy chúng sinh đồng lên bờ Niết Bàn bên kia, đắc được thâm Bát Nhã, đắc được trí huệ Bát Nhã rốt ráo.

101. Ni Yết La Ha.

Kệ : Lãnh tụ tam thừa thú chân như
Chúng trung thượng thủ tuyển Phật đồ
Nhẫn nhục tinh tấn Thánh chùng tánh
Viên mãn bất thoái quả thành thực.

Tạm dịch :

Lãnh đạo ba thừa hướng chân như
Thượng thủ trong chúng tuyển Phật trường
Nhẫn nhục tinh tấn trông giống Thánh
Viên mãn không lùi quả thành thực.

Giảng giải : *"Lãnh đạo ba thừa hướng chân như."* Ni dịch là "lãnh tụ" tức cũng là Phật thừa,

Bồ Tát thừa, Thanh Văn thừa, ba thừa. Hưởng chân như thì đều được cứu kính thực tướng lý thể.

“*Thượng thủ trong chúng tuyền Phật trường.*”

Đây là lãnh tụ thượng thủ ở trong đại chúng ba thừa, tuyền bạt Phật.

“*Nhẫn nhục tinh tấn trông giống Thánh.*” Nhẫn nhục và tinh tấn là Thánh chủng tính Bồ Tát, có căn lành lớn.

“*Viên mãn không lùi quả thành thực.*” Các bậc ấy công tròn quả đầy, được quả vị bất thoái chuyển thì quả vị Phật sẽ thành thực.

Học Phật phải tu pháp môn căn bản, tức là tài bồi căn lành, bồi nguyên cố bản. Bồi nguyên tức là bồi dưỡng nguyên khí. Cố bản tức là khiến cho gốc rễ kiên cố. Nguyên là gì? Bản là gì? Nguyên là nguyên khí. Chúng ta ai ai cũng cần gốc. Gốc tức là gốc rễ, tức là cha mẹ. Cha mẹ sinh chúng ta ra, chúng ta phải hiếu thuận. Hiếu thuận cha mẹ mới là người chân chánh tin Phật, không hiếu thuận cha mẹ, chẳng phải là người tin Phật. Trên thế giới này cần phải hiếu thuận cha mẹ, nhất cử nhất động đều phải nghĩ đến lợi ích cho thế giới, thì sẽ có một sức lực ảnh hưởng. Nếu người hiếu thuận cha mẹ thì chánh khí trời đất tồn tại, không hiếu thuận cha mẹ thì trong trời đất tràn ngập tà khí. Hiếu thuận cha mẹ thì phải thành tâm thành ý, tất cung tất kính. Đối với cha mẹ phải cung kính kính, cha mẹ tức là Phật sống hiện tiền. Cho nên chúng ta thường cúng dường cha mẹ là một việc hạnh phúc và may mắn nhất. Hiếu thuận cha mẹ phải dưỡng chí. Dưỡng chí tức là việc mà cha mẹ hoan hỷ thì làm nhiều một chút, việc mà cha mẹ không hoan hỷ thì làm ít một chút. Đừng làm cha mẹ buồn phiền đau khổ, luôn luôn làm cho tâm của cha mẹ vui vẻ. Tóm lại, hiếu thuận cha mẹ là căn bản của con người. Không biết hiếu thuận cha mẹ là quên mất gốc rễ. Chúng ta bất cứ vị nào cha mẹ còn sống thì nên hiếu thuận cha mẹ, mỗi người đều phải hiếu thuận cha mẹ, như vậy so với cuối đầu lạy sư phụ còn tốt hơn nhiều.

Khi tôi ở tại Đông Bắc nước Tàu (Manchuria) làm Sa Di, thì có rất nhiều người quy y với tôi, tại sao họ quy y với tôi? Vì thấy tôi có vẻ không giống như người khác. Lúc đó có nhiều sự việc buồn cười. Mùa Đông thì tôi không mang giày, cũng không mang tất, đi trên tuyết, chuyện kỳ lạ như

thế, lúc đó không mản là trời lạnh hay không, chỉ mặc ba lớp vải bố. Vì vậy cho nên phần đông nhìn thấy thời tiết âm dưới -34, -35 độ C, cũng lạnh không chết tôi, họ cảm thấy rất đặc biệt, cho nên nhiều người quy y với tôi, nhưng quy y với tôi có một điều kiện, phàm là đệ tử quy y với tôi, mỗi ngày đều phải lạy cha mẹ. Vì tôi là như thế, mười hai tuổi thì lạy cha lạy mẹ, cung kính cha mẹ. Cho nên tôi hoan hỷ nhất là ai ai cũng đều hiếu thuận với cha mẹ. Đừng đợi cha mẹ chết rồi, có muốn hiếu thuận cũng chẳng còn kịp nữa! Đừng đợi đến lúc:

“*Cây muốn đứng yên mà gió chẳng dừng,
Con muốn nuôi dưỡng mà cha mẹ không còn.*”

Cây muốn thanh tĩnh đứng yên, không giao động, nhưng gió luôn luôn thổi, làm cho cây giao động. Làm con muốn cúng dường phụng dưỡng cha mẹ, nhưng cha mẹ đã qua đời rồi. Các bạn, phàm là người còn cha mẹ, nên cung kính đối với cha mẹ. Còn chúng ta là người xuất gia, nói là không ở nhà, có cha mẹ nhưng làm thế nào? Chỉ cần bạn từ từ tu hành, tu hành cho tốt, thì đó là báo ân cha mẹ, tức là hiếu thuận. Nếu không tu hành đó là khinh thường cha mẹ, cho nên xuất gia tu đạo tức cũng là hành hiếu đạo, tu hành cho tốt tức là hiếu thuận cha mẹ, đừng làm việc ác, không nói dối, đó đều là hiếu thuận cha mẹ một khía cạnh. Làm một người con tốt cho cha mẹ, trong vô hình cha mẹ đắc được cảm ứng đạo giao, đó đều là biểu hiệu hiếu thuận cha mẹ. Cho nên nói:

“*Trời đất trọng hiếu, hiếu làm đầu,
Một chữ hiếu cả nhà yên.
Hiếu thuận thì sinh con hiếu thuận,
Con cái hiếu thuận tất người hiền.*”

Người học Phật phải hiếu thuận với cha mẹ, đây là một sức lực ảnh hưởng rất lớn, sức lực ảnh hưởng lớn thì người tin Phật sẽ nhiều. Bạn và người khác tin Phật chẳng có gì khác biệt. Người khác ăn cơm, bạn cũng ăn cơm, họ mặc đồ bạn cũng mặc đồ, họ ngủ bạn cũng ngủ, với người khác đều giống nhau. Chúng ta tin Phật chủ yếu là hiếu thuận cha mẹ, hiếu thuận cha mẹ tức là hiếu thuận trời Phật. (còn tiếp)

Kinh Bát Nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

"Vô khổ tập diệt đạo, (không có khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế)".

*"Chư khổ bức bách các tương công
Tụ tập chiêu cảm tụ bất đồng
Duy diệt khả chứng cứu cánh lạc
Thị đạo ưng tu ngộ pháp không
Tam chuyển tứ đế pháp luân vận
Thất giác bát chánh ý niệm cần
Nhất đản quán thông thành thánh quả
Thiên chân hữu dư nãi hóa thành"*

Dịch:

*Bao khổ bức bách cùng công kích
Tụ tập chiêu cảm tụ không đồng
Tánh diệt khả chứng tột an lạc
Là đạo nên tu ngộ pháp không
Chuyển ba lần xe pháp tứ đế
Bảy giác tám chánh ý niệm cần
Một lần quán thông thành chánh quả
Lịch chân hữu dư vẫn hoá thành"*

Câu: "Không khổ tập diệt đạo", là pháp tu hành của Thanh Văn, tức là pháp Tứ Đế. Sao gọi là Thanh Văn? Thanh Văn tức nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, nên gọi là Thanh Văn. Đây là những vị được Phật giáo hóa đầu tiên nhất, vì là những vị có cơ duyên tiêu thừa. Khi Phật vừa mới thành đạo, Ngài thuyết kinh Hoa Nghiêm, nhưng những người tiêu thừa tuy có mắt mà không thấy được, có tai mà không nghe được. Tại sao có mắt mà không thấy được? Vì pháp này rất vi diệu, cao siêu, quảng đại. Vì quá vi diệu nên người nhị thừa không thể hiểu rõ diệu pháp này. Do đó, bảo rằng thật không thể nghĩ bàn. Khi ấy Phật Thích Ca Mâu Ni hiện thân Phật Tỳ Lô Giá Na cao ngàn thước. Người nhị thừa như những đứa bé nhỏ, vì thân Phật quá cao nên họ không thể thấy được. Do đó "Ngưỡng chi di cao, toàn chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu", nghĩa là ngẩng đầu lên nhìn không thấy tới đâu, khoan xống nhưng quá cứng, nhìn thấy hiện đằng trước nhưng đột nhiên lại thấy chạy đằng sau. Ánh sáng từ đằng sau chiếu đến mà họ lại chạy đuổi theo đằng trước. Ánh sáng chiếu bên trái, lại chạy qua bên phải. Giống như hào quang của Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng qua bên trái, ngài A Nan

chạy qua bên phải xem. Phật phóng hào quang qua bên phải thì ngài A Nan lại chạy qua bên trái mà xem. Nhìn thấy ánh sáng đằng trước, nhưng đột nhiên lại hiện ra đằng sau. Vì pháp này thật không thể nghĩ bàn, người nhị thừa không có cách gì để chiếu cố (chấp nhận), hay hiểu rõ. Do đó, có tai mà không nghe được pháp viên đốn, vì quá thâm sâu, nên không thể minh bạch. Đức Phật ẩn pháp đại thừa mà thị hiện pháp tiểu thừa, nên chỉ hiện thân lão tỳ kheo một thước sáu tấc để thuyết pháp Tứ Diệu Đế. Pháp Tứ Diệu Đế là khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế. Phật ba lần chuyển pháp luân Tứ Đế. Lần thứ nhất là thị chuyển. Lần thứ hai là khuyến chuyển. Lần thứ ba là chứng chuyển. Chuyển tức là vận chuyển, như bánh xe luân hồi trong sáu đường, chuyển đến chuyển lui, nên gọi là ba lần chuyển pháp Tứ Diệu Đế. Ba chuyển, lần thứ nhất là thị chuyển, tức Phật nói đây là khổ, tánh bức bách, đây là tập, tánh chiêu cảm, đây là diệt, tánh có thể chứng, đây là đạo, tánh có thể tu.

Lần thứ hai là khuyến chuyển, đây là khổ, các con nên biết, đây là tập, các con nên đoạn, đây là diệt, các con nên chứng, đây là đạo, các con nên tu.

Lần thứ ba là chứng chuyển, đây là khổ, các con nên biết, ta đã biết, không cần phải biết thêm nữa. Các con phải biết, còn Ta đã từng biết qua rồi. Ta không cần đem đầu mà đặt lên đầu nữa. Đây là tập, các con nên đoạn; Ta đã đoạn rồi, không cần phải đoạn thêm nữa. Ta bảo các con nên đoạn, còn Ta đã đoạn hết rồi, không cần phải đoạn thêm nữa. Đây là diệt, các con nên tu chứng; Ta đã chứng rồi, không cần phải chứng nữa; Ta đã chứng được diệt, và pháp Niết Bàn an lạc rồi, không cần phải chứng thêm nữa, chỉ đợi các con chứng lấy. Đây là đạo, các con nên tu; Ta đã tu rồi, không cần tu nữa. Đây là chứng chuyển, chứng minh tự Đức Phật đã chứng đạt, nên Ngài bảo chúng ta phải y theo đó mà tu hành. Nếu tự chính Ngài chưa chứng đắc thì không thể bảo chúng ta tu hành.

Tứ Diệu Đế. Thứ nhất là khổ đế. Chư vị hãy nói xem khổ có thật hay là giả? Đế nghĩa là chân thật; khổ là chân thật. Như một đệ tử của tôi nói:

"Này các khách trần! Các người hãy mau đi khỏi! Nếu các người không đi, Ta thật rất khổ."

Khách trần nếu không đi khỏi thì mình phải chịu khổ. Khách trần nếu đi khỏi thì khổ giảm thiểu dần dần.

Khổ có ba loại khổ, tức khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Lại có tám khổ, tức sanh già bệnh chết khổ (bốn loại khổ này từ thân phát xuất). Bên ngoài cũng có bốn loại khổ tức là khổ vì thương nhau mà xa lìa, khổ vì gần những người mình oán ghét, khổ vì cầu không được, khổ vì năm ấm tăng giảm hừng thạnh. Ảnh hưởng cảnh bên ngoài lại có vô số khổ đau.

"Chư khổ bức bách các tương công".

Khổ đế thật rất nhiều, chúng luôn công kích, gây chiến tranh, nên khiến cho con người bị bức bách không thể nhẫn chịu được, cơ hồ khí lực đều bị khổ chặt đứt đoạn. Khách trần đến, cái gì cũng đến, bảy tầng tám lớp. Sáu trần bên ngoài cùng sáu thức bên trong đồng đến tấn công chư vị. Mỗi việc khổ đều khiến chư vị quá khổ rồi, mà khổ lại chồng chất lên khổ. Ba loại khổ cũng đến bức bách, vô số khổ cũng đến bức bách. Tất cả khổ đều đến bức bách con người, nên gọi là "chư khổ bức bách các tương công, (bao khổ bức bách đồng công kích)".

Tập đế là tập hợp tất cả phiền não. Phiền não so với khách trần còn lợi hại hơn nhiều. Khách trần chỉ là hình thức khiến chúng ta thọ khổ bên ngoài thôi, nhưng chúng có thể khiến cho phiền não công kích chúng ta từ bên trong. Tại sao có phiền não? Phiền não vốn là ông chủ của chúng ta, hiện nay đang điều động. Bị gì mà điều động? Phiền não bị khách trần làm nao động. Lại vì không biết ông chủ của mình, nên phát khởi bực tức nóng giận, tức là phiền não. Chư vị hãy nói xem phiền não có lợi hại hơn khách trần không? Chư vị có thể nói: "Này khách trần! Các người hãy đi khỏi mau lên! Nếu các người không đi, Ta thật quá khổ!"

Chư vị có thể đuổi chúng ra ngoài. Ông chủ phiền não này, chư vị muốn đuổi hẳn đi chỗ nào, đến chỗ

nào? Đuổi mãi mà hẳn không đi vì hẳn vẫn còn ở trong nhà của chư vị. Thế nên bảo rằng hẳn thật là lợi hại.

Tôi không muốn giảng về phiền não. Tại sao? Vì nếu tôi giảng thì chư vị sẽ thấy phiền não sao quá nhiều. Lúc không giảng, chư vị không biết phiền não có ít hay nhiều, lại vì không biết nên phiền não tùy tiện phát khởi, không biết không rõ để cho chúng đi qua. Nếu tôi giảng rõ, thì chư vị nói: "Đấy là phiền não à!"

Chính là chúng. Phiền não này chồng chất lên phiền não khác. Vì vậy, tuy giảng giải và thuyết pháp đã lâu mà tôi ít giảng về phiền não. Tôi đã từng nghe chư vị giảng về phiền não rồi. Có phải chư vị bảo là có tám muôn bốn ngàn phiền não

không? Không sai! Tôi cũng đã giảng qua tám muôn bốn ngàn phiền não rồi. Tám muôn bốn ngàn phiền não thật quá nhiều, mà tôi chưa giảng từng danh tự của mỗi phiền não. Nay, tôi sẽ kể rõ danh tự của phiền não cho chư vị nghe. Chư vị nghe danh tự, tên của chúng rồi thì sẽ dễ dàng sanh phiền não. Sanh phiền não dễ

dàng hơn trước khi nghe về phiền não, nên tôi không muốn giảng, sợ chư vị phát khởi phiền não dễ dàng.

Nhưng nay đã đến lúc phải giảng, cơ duyên thành thực rồi. Hôm nay tôi sẽ giảng từng chi tiết về tên của phiền não. Phiền não có ít hay nhiều? Có hai mươi loại phiền não. Hai mươi loại phiền não này gọi là tùy phiền não. Tùy tức là căn tùy (đi theo). Đi theo ai? Chúng đi theo tôi và chư vị. Tôi và chư vị đi đâu thì chúng đi theo đó. Lại nữa, có sáu phiền não. Chúng là gì? Tức là sáu phiền não căn bản. Hai mươi tùy phiền não cũng là tiểu phiền não, trung phiền não, và đại phiền não. Tiểu phiền não có nhiều hay ít? Có mười loại. Trung phiền não có hai. Đại phiền não có tám. Đối với hai mươi loại phiền não này, chư vị hãy nói xem chúng là nhiều hay ít? Chư vị muốn nhiều thì tôi cho nhiều. Chư vị muốn có một loại thì tôi cho một loại, muốn mười loại thì tôi cho mười loại, muốn mười lăm thì tôi cho mười lăm, muốn hai mươi thì tôi cho hai mươi. (còn tiếp)



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

B. Hạ thủ công phu.

a. Phải nhận rõ chủ khách.

Hạ thủ công phu như thế nào? Trong pháp hội Lăng Nghiêm, tôn giả Kiều Trần Như có nói đến hai chữ "Khách Trần", đó chính là nơi sơ tâm hạ thủ dụng công của chúng ta. Tôn Giả nói:

- Ví như hành khách nương ở lữ quán, hoặc ngủ hoặc ăn uống. Ăn uống ngủ nghỉ xong liền thu xếp hành lý, tiếp tục cất bước, không nhàn rỗi ở lại. Nếu thật là chủ nhân thì tự không đến đi. Suy nghĩ như thế, không trụ là khách, trụ lại gọi là chủ nhân. Lại nữa, ví như sau cơn mưa mặt trời mọc lên, ánh sáng chiếu soi khắp hư không, thấy rõ tướng của bụi bặm. Bụi bặm tánh vốn dao động. Hư không tánh vốn tịch tĩnh an nhiên. Lắng đọng tịch tĩnh gọi là hư không. Dao động gọi là bụi bặm, khách trần.

Khách trần tức là bụi bặm, dụ cho vọng tưởng. Hư không tức là chủ, dụ cho tự tánh. Thường trụ chính là chủ nhân, vốn không như lữ khách lúc đến lúc đi. Chủ nhân dụ cho tự tánh thường trụ, vốn không tùy theo vọng tưởng mà chợt sanh chợt diệt. Vì vậy bảo rằng nếu vô tâm nơi muôn vật, thì sợ gì muôn vật quấy nhiễu làm trở ngại mình.

Chất trần, tức bụi bặm tự dao động, vốn làm chướng ngại hư không tịch tĩnh vô trước. Ví như vọng tưởng, vốn tự sanh diệt nhưng không ngăn ngại tự tánh vô trước, như như bất động. Thế nên bảo rằng một niệm không sanh, muôn pháp chẳng lỗi.

Trong đây chữ "Khách" là nghĩa thô, còn chữ "Trần" là nghĩa vi tế. Người sơ phát tâm tu đạo, đầu tiên phải cần nhận thức hai chữ "Chủ" và "Khách" thì không còn bị vọng tưởng trói buộc lôi kéo. Tiến thêm một bước nữa là phải hiểu rõ hai chữ "Không" và "Trần" thì vọng tưởng không thể làm trở ngại. Vì thế bảo rằng nhận rõ thì không còn là oán thù. Nếu lãnh hội rõ ràng được như thế thì công phu tu đạo đã đi quá nửa đường rồi.

b. Thoại đầu cùng nghi tình.

Lịch đại Tổ Sư luôn chỉ thẳng vào tâm, để thấy tánh thành Phật. Như pháp "An Tâm" của Đạt Ma Tổ Sư hay "Luận Kiến Tánh" của Lục Tổ; điều trọng yếu là phải thừa nhận lãnh hội, mà không cần khán thoại đầu. Tâm người hiện đời không giống như tâm người xưa, không thể quyết tâm đập đất, chỉ đùa giỡn khinh lờn; ai ai cũng lo đếm châu báu cho kẻ khác, rồi lại cho rằng những châu báu đó là của mình. Vì thế chư Tổ sư, mỗi vị đều xuất thủ nhân, lập ra tông môn pháp thức, như pháp khán thoại đầu, để khiến người học đạo biết cách tu hành.

Thoại đầu có rất nhiều, như "Muôn pháp quy về một. Một quy về nơi nào?" "Bản lai diện mục của chúng ta trước khi được cha mẹ sanh như thế nào?", v.v... Tuy nhiên, câu "niệm Phật là ai" là phổ thông nhất.

Tại sao gọi thoại đầu? Thoại là lời nói. "Đầu" là đầu tiên; tức là tâm niệm thanh tịnh sẵn có, trước khi khởi vọng niệm rồi phát ra lời nói. Tâm niệm trước khi khởi câu "A Di Đà Phật", được gọi là thoại đầu. Một niệm chưa sanh, gọi là thoại đầu. Niệm đã sanh rồi thì gọi là thoại đuôi. Niệm chưa sanh gọi là không sanh, không trạo cử, không hôn trầm, không đắm trước vào cảnh tịnh, không lạc vào trầm không, hay cũng gọi là không diệt. Thời thời khắc khắc, luôn luôn nhất niệm, xoay lại phản chiếu vào cái "không sanh không diệt", nên được gọi là khán thoại đầu, hay chiếu cố thoại đầu.

Đối với việc khán thoại đầu, đầu tiên phải phát khởi nghi tình. Nghi tình là cây tích trượng của quán thoại đầu. Sao gọi là nghi tình? Như hỏi "Niệm Phật là ai", thì ai ai cũng biết người niệm chính là mình. Tuy nhiên, chúng ta dùng miệng niệm hay dùng tâm niệm? Nếu dùng miệng niệm thì khi ngủ, miệng vẫn còn đó, sao lại không niệm? Nếu dùng tâm niệm, thì tâm này hình dạng như thế nào? Không thể nắm bắt sờ mó tâm này được. Vì không hiểu rõ như thế, nên ngay chữ "Ai" phát khởi niệm nghi ngờ nhẹ nhàng. Tuy nhiên, chớ đề khởi quá thô. Phải đề khởi càng vi tế chừng nào thì càng hay chừng đó. Tùy thời tùy nơi, mãi mãi chiếu cố vào nghi niệm này, giống như nước suối chảy mãi không ngừng, mà chẳng sanh hai niệm. Nếu đã khởi nghi niệm lên, chớ động đến. Nghi niệm chưa có, phải nên nhẹ nhàng đề khởi. Người sơ phát tâm, tu hành trong tịnh để đặc thọ dụng hơn trong động, nhưng điều thiết yếu là chớ sanh khởi tâm phân biệt. Không để ý có định lực hay không định lực, và mình đang ở trong tịnh hay trong động, mà chỉ nhất tâm nhất ý hạ thủ công phu là đủ rồi.

Trong bốn chữ: "Niệm Phật là ai", thì chữ "Ai" là quan trọng nhất. Ba chữ kia, bất quá chỉ là ngôn từ mà thôi, như tự hỏi ăn cơm mặc áo là ai? Đi đại tiểu tiện là ai? Khởi vô minh phiền não là ai? Thường biết thường giác là ai? Lúc đi đứng nằm ngồi, phải luôn đề khởi chữ "Ai" thì mới phát khởi được nghi niệm dễ dàng. Chớ suy lường xét đoán khởi ý có hoặc không. Chữ "Ai" của câu thoại đầu thật là diệu pháp của việc tham thiền, nhưng chớ niệm chữ "Ai" hay bốn chữ "niệm Phật là ai" như niệm danh hiệu Phật, hoặc chớ suy lường xét đoán, xem coi ai là người niệm Phật, rồi gọi đó là nghi tình. Nếu đem bốn chữ "Niệm Phật là ai" mà dùng miệng niệm mãi không ngừng thì không thể nào bằng công đức niệm một câu "A Di Đà Phật".

Có người hàm hồ suy nghĩ loạn động, tìm đông kiếm tây, rồi cho đó là nghi tình. Phải nên biết, càng suy tưởng thì vọng niệm càng khởi lên nhiều. Muốn thắng nhưng ngược lại bị đọa. Điều này người tu hành phải nên biết đến.

Người sơ cơ phát khởi nghi tình rất thô thiển. Lúc dứt đoạn, lúc liên tục, lúc thuần, lúc không thuần, thì chưa được tính là khởi được nghi tình, mà chỉ gọi là khởi vọng tưởng. Tuy nhiên, tu càng lâu thì tâm cuồng loạn từ từ sẽ được điều phục, và niệm đầu cũng có nơi trụ được đôi chút. Lúc ấy mới gọi là tham thiền. Công phu từ từ thuần thực; không khởi nghi tình mà vẫn tự nghi, lại cũng không biết ngồi nơi nào, và cũng không biết đến thân, tâm, thể giới. Niệm nghi đơn độc sẽ từ từ hiển hiện, không gián đoạn; đó gọi là khởi nghi tình. Thật tình mà nói, lúc đầu dụng công chỉ toàn là vọng tưởng nổi lên. Đến khi nghi tình chân thật hiện ra thì lúc đó mới chân thật là dụng công. Khi ấy, dễ dàng vượt qua cửa ải lớn để rẽ vào chánh lộ.

- Thứ nhất, sẽ đạt đến cảnh giới thanh tịnh khinh an vô hạn. Nếu bỏ mất công phu giác chiếu, liền nhập vào trạng thái hôn trầm nhẹ nhàng. Nếu có vị minh nhãn thiện tri thức ở kế bên, biết được cảnh giới này của mình, dùng cây hương bấn đập cho một hèo, thì mây mù che đầy trời đất liền tản mát. Ngay nơi đó, rất có nhiều cơ hội ngộ đạo.

- Thứ hai, lúc thanh tịnh, không không động động, nếu nghi tình mất đi, thì đó là vô ký, tức ngồi trên cây khô đá cứng, hoặc gọi là "băng đóng quanh tảng đá". Đến lúc đó phải đề khởi nghi tình. Đề khởi nghi tình tức là giác chiếu. Giác tức là không mê muội, và là trí huệ. Chiếu tức là không loạn động, và là định. Đơn độc trụ

nơi một niệm; trầm nhiên mà tịch chiếu, như như bất động, linh linh bất muội, liễu liễu thường tri, như khói nóng xông lên, như xoay một cuộn tơ mãi không dừng. Dụng công đến đây, phải có đầy đủ mắt thanh tịnh kim cương, mà không cần đề khởi nghi tình nữa. Nếu đề khởi tức là đem đầu mà đặt lên đầu. Xưa kia có vị tăng hỏi lão nhân Triệu Châu:

- Không thể đem một vật đến thì làm sao?

Triệu Châu đáp:

- Xả bỏ nó.

- Một vật còn không thể đem đến, thì xả bỏ cái gì?

- Xả bỏ không được, thì đuổi nó đi.

Nói đến việc này, như gió trong ánh sáng, như người uống nước tự biết lạnh nóng, không thể dùng lời nói mà đạt được. Người đạt đến đó, tự nhiên hiểu rõ. Chưa đạt đến thì nói chi cũng vô ích. Vì vậy bảo:

- Trên đường gặp kiếm khách liền trình kiếm. Chẳng phải thi nhân chẳng trình thi.

C. Chiếu cố thoại đầu cùng phản văn văn tự tánh.

Hoặc hỏi:

- Pháp môn phản văn văn tự tánh (nghe lại tánh nghe của mình) của Bồ Tát Quán Âm có phải được xem là pháp môn tham thiền không?

Bản về việc chiếu cố thoại đầu, tức là bảo quý vị thời thời khắc khắc, đơn độc trụ nơi một niệm, hồi quang phản chiếu vào cái "không sanh không diệt (thoại đầu)". Phản văn văn tự tánh (nghe lại tự tánh của mình), tức là bảo quý vị thời thời khắc khắc trụ nơi một niệm để nghe lại tự tánh của mình. "Hồi" tức là xem ngược lại. "Không sanh không diệt" tức là tự tánh. Cái "Nghe" khác với cái "chiếu" tức là khi thuận dòng thì nghe âm thanh, thấy sắc tướng. Tuy nhiên, nghe mà không vượt ngoài âm thanh. Thấy mà không vượt khỏi sắc tướng, hiển nhiên phân biệt rõ ràng. Lúc đi nghịch dòng thì nghe lại tự tánh của mình, không chịu chạy theo âm thanh sắc tướng, để trở về nguồn nhất thể tinh minh (một thể sáng soi). Khi đó, cái "nghe" và cái "chiếu" không còn là hai.

Chúng ta nên biết rằng gọi chiếu cố thoại đầu, hoặc gọi nghe lại tự tánh của mình, tuyệt đối không dùng mắt để thấy, lại cũng không dùng tai để nghe. Nếu dùng mắt để thấy, hoặc dùng tai để nghe, đó là chạy theo âm thanh sắc tướng, tức bị vật chuyển, nên gọi là thuận dòng. Nếu đơn độc trụ nơi một niệm "không sanh không diệt" mà chẳng chạy theo âm thanh sắc tướng, thì gọi đó là

ngịch dòng, và là chiếu cố thoát đầu, hay nghe lại tự tánh của mình.

D. Tâm thiết tha vì việc sanh tử, cùng phát tâm lâu dài.

Đối với việc tham thiền, điều quan trọng là cần có tâm thiết tha vì sanh tử, cùng phát tâm tu hành dài lâu. Nếu không có tâm thiết tha vì sự sanh tử thì nghi tình không thể khởi, và công phu không thể tăng tiến. Nếu không phát tâm tu hành dài lâu, mà một nóng mười lạnh, thì công phu không thể thành phiền. Chỉ trọng yếu có tâm dài lâu thì nghi tình mới có thể đề khởi. Lúc nghi tình chân thật đề khởi được thì phiền não trần lao không ngừng cũng tự ngừng. Lúc đó, tự nhiên nước chảy đến đâu thì thành ngòi rạch đến đó. Nay tôi sẽ kể câu chuyện mắt thấy tai nghe.

Đời Thanh, vào năm 1900, liên quân tám quốc gia tiến vào kinh đô. Khi ấy tôi cùng đi theo đoàn quân hộ giá vua Quang Tự và thái hậu Từ Hi. Đoàn hộ giá phải chạy bộ về hướng tỉnh Xiêm Tây. Mỗi ngày chạy hàng chục dặm. Đôi khi không có thức ăn nước uống. Trên đường dân chúng dâng rau dại khoai rừng cho vua ăn. Vua ăn xong rồi lại hỏi những thứ rau đó là gì mà sao ngon quá vậy! Quý vị xem coi, hoàng đế ngày thường mặc áo long bào, oai phong lẫm liệt. Ông ta có từng chạy bộ trên đường lộ, bị đói lếp bụng, ăn rau dại khoai rừng không? Tuy nhiên, khi chạy lánh nạn, long bào không dám đắp, không còn tỏ vẻ oai phong lẫm liệt, chỉ lẳng xăng chạy trên đường lộ, đói khát phải ăn rau dại khoai rừng. Tại sao xả bỏ được hết? Vì liên quân muốn bắt nhà vua, nên ông phải chú tâm chạy trốn lánh nạn để bảo toàn sanh mạng. Sau khi nghị hòa, nhà vua xa giá hồi kinh, lại đắp long bào, lại tỏ vẻ oai phong lẫm liệt, không thể chạy lẳng xăng trên đường lộ, không còn đói khát. Nếu không phải là những món cao lương mỹ vị, thì không thể nuốt khỏi cổ. Tại sao khi đó không thể xả bỏ được? Vì liên quân không còn tầm nã nhà vua. Ông cũng chẳng có tâm chạy trốn nữa. Nếu nhà vua dùng tâm trạng chạy lánh nạn mà tu đạo thì lo gì không ngộ đạo. Tuy nhiên, tiếc thay nhà vua không có tâm dài lâu. Gặp cảnh thuận thì tánh xưa liền nổi lại. Quý vị đồng tham học! Quý vị thường luôn chờ chờ sanh mạng của chúng ta. Nó không thể "Hòa Nghị" với chúng ta được. Vì vậy, phải mau quyết chí phát tâm dài lâu để chặt đứt dòng sanh tử!

Tổ Cao Phong bảo:

- Nếu muốn tham thiền có kỳ khắc thành tựu, thì phải xả bỏ tất cả như bị té xuống giếng sâu ngàn

thước. Từ sáng đến tối, từ tối đến sáng, gom ngàn tư tưởng, muôn tư tưởng về một tâm cầu ra khỏi dòng sanh tử, mà rốt ráo quyết không khởi hai niệm. Dụng công khấn thành như thế, hoặc ba ngày, hoặc năm ngày, hoặc bảy ngày, nếu không triệt ngộ, Cao Phong tôi hôm nay bị phạm tội đại vọng ngữ, mãi mãi đọa địa ngục cắt lưỡi.

Tổ Cao Phong tâm niệm thiết tha, lòng tràn đầy từ bi, sợ chúng ta không phát tâm dài lâu, nên mới phát thệ nguyện quan trọng như thế.

E. Việc khó và dễ trong khi tu đạo của người mới dụng công và người tu hành lâu năm.

a. Việc khó và dễ của người mới dụng công.

*. Việc khó của người sơ phát tâm tu đạo là tâm vọng không dứt.

Bệnh nặng của người sơ cơ là xả bỏ vọng tưởng và tập khí không nổi. Vô minh, cống cao ngã mạn, ghen ghét, chướng ngại, tham lam, sân hận, tình ái, giải đãi, là những món ăn ngon. Thị phi nhân ngã chứa đầy cả bụng, thì làm sao tương ưng với đạo? Có các vị xuất gia, do xuất thân từ hàng công tử tiểu thư đài các nên khó lòng bỏ tập khí kiêu căng tự thị. Bị oan ức đôi chút, không thể nhẫn nổi, thì nói gì đến việc dụng công tu đạo? Họ chẳng biết rằng Phật Thích Ca Mâu Ni vốn là thái tử, nhưng xả bỏ tất cả để xuất gia tu đạo. Hoặc có vài người biết đôi chút văn tự chữ nghĩa, nghiên tầm văn chương, trích luận kệ cú, giải thích luận bàn thi cú cổ kim. Tuy tự chính mình không thể nào viết lách hay liễu giải được, nhưng lại sanh tâm cống cao ngã mạn. Khi bị bệnh nặng, kêu khổ thấu trời. Hoặc nhằm vào ngày ba mươi tháng chạp, tay run chân loạn; tri giải thường ngày, chẳng dùng được chút nào, hồi hận sao kịp!

Người có chút tâm đạo, nhưng chẳng biết chỗ hạ thủ công phu. Lại có người, rất sợ vọng tưởng; họ cố dẹp trừ mãi mà chẳng được, nên phiền não cả ngày, rồi tự oán than là nghiệp chướng nặng nề, khiến thói tâm tu đạo.

Hoặc có người muốn cùng vọng tưởng thách đấu bỏ mạng, và quyết định tử chiến với chúng, mà hùng hổ cung tay nộ khí, ưỡn ngực trợn mắt, như gần bị giết. Tuy nhiên, không thể nào thí mạng với vọng tưởng được, nên tức giận lồng lộng, hộc máu phát điên cuồng.

Hoặc có người sợ lạc vào không, tức phải nên biết tự chính mình đã phát sanh "con quỷ" chấp không. Muốn không mà không chẳng được. Muốn ngộ mà ngộ cũng chẳng xong.

Hoặc có người mang tâm cầu giác ngộ, nhưng họ nào biết đâu, nếu đem tâm cầu đạo, nghĩ tưởng thành Phật, thì đó là đại vọng tưởng. Cát không thể nấu thành cơm; dầu cầu đến năm con lừa quyết chẳng ngộ đạo được.

Hoặc có người ngồi được một hai cây hương, rồi sanh tâm vui mừng, giống như rùa mù, ngẫu nhiên mà vớt được bọng cây khô trên biển, chứ chẳng phải là công phu chân thật, nên khiến ma vui mừng che lấp tâm tánh.

Hoặc có người vì trong cảnh giới tịch tĩnh, cảm giác rất thanh tịnh, nên không muốn tu lúc ở trong động. Vì vậy, chỉ thích lẫn trốn nơi tịch tĩnh mà tu, nhưng nào biết đã làm quyền thuộc của hai con ma vương chấp động tĩnh.

Những bệnh tật khi tu thiền có rất nhiều loại. Nói chung, người sơ cơ khi chưa đến đầu đường thì thật là khó; như có huệ giác mà không có chiếu soi, thì dễ sanh tán loạn, khiến tâm không thể bình lặng được. Hoặc có chiếu soi mà không có giác, tức là khi ngồi thiền bị nước chết của vô minh xâm nhập giết hại.

*. Việc dễ của người sơ cơ là có thể xả bỏ hết tất cả, chỉ còn một niệm.

Tuy bảo rằng dụng công là khó, nhưng khi đến đầu đường rồi thì rất dễ. Tại sao sơ tâm dụng công dễ dàng? Vì chưa đạt được cảnh giới thiền định chi hết, nên xả bỏ muôn sự rất dễ. Xả bỏ cái gì? Tức là xả bỏ hết vô minh phiền não. Làm thế nào để xả bỏ? Như lúc chư tăng làm lễ cầu vãng sanh cho người quá cố, nếu quý vị chửi mắng vài câu thì từ thi chẳng hề động đậy, nổi khí giận hờn. Hoặc đánh vài gậy, người đó chẳng dùng tay chống cự. Lúc sống, thường khởi vô minh, nhưng ngày nay không còn khởi được nữa. Bình thường thích danh mến lợi, mà nay không còn muốn. Bình thường có bao loại tập khí ô nhiễm, nhưng nay lại không còn. Lại nữa, người đó không còn phân biệt gì cả. Việc gì cũng xả bỏ được hết. Quý vị đồng tham học! Trút hơi thở cuối cùng, thân liền trở thành xác chết. Sở dĩ chúng ta xả bỏ mọi việc không được là vì coi trọng xác thân này, nên sanh thị phi mình người, thương ghét thủ xả. Nếu xem rõ xác thân này như cây chết, không quý mến nó, không cho nó là mình, thì việc gì lại không thể xả bỏ được! Chỉ cần xả bỏ được thân xác này, thì trong mười hai thời, cho dầu đi đứng nằm ngồi, trong những lúc động tịnh bận rộn rảnh rỗi, trong ngoài thân chỉ có một niệm nghi. Bình bình hòa hòa nghi tình không gián đoạn, và không xen lẫn tạp niệm khác lạ. Khi đó, dùng câu thoại đầu, như cầm kiếm thiên trường, ma đến

chém ma, Phật đến chém Phật; không sợ vọng tưởng gì cả thì ai làm trở ngại, ai phân biệt động tĩnh, ai chấp có chấp không? Nếu sợ vọng tưởng thì lại khiến gia tăng thêm một tầng vọng tưởng. Biết thanh tịnh, tức đã không thanh tịnh. Sợ lạc vào không, tức lạc nơi có. Muốn thành Phật thì bị nhập vào đường ma. Vì thế bảo rằng gánh nước chặt củi, không chi là đạo vi diệu. Cuộc đất trồng rau đều là thiên cơ. Không phải xếp bằng ngồi thiền cả ngày mà tính là dụng công tu đạo.

(còn tiếp)

CHƯ TƯỚNG HƯ VỌNG

Thân người từ lúc chưa sanh
Mẹ cha chưa gặp thân mình là không
Sanh ra sống mấy mươi năm
Đến khi nhắm mắt chữ không cũng mình
Luân hồi lúc có lúc không
Hết không rồi có có rồi hoàn không
Ai ơi thôi chớ bận lòng
Lợi danh trần thế cầu mong ích gì
Nhớ lời Phật dạy còn ghi
Chư tướng hư vọng khác chi lời vàng
Sắc hình trong cõi trần gian
Hữu sinh hữu diệt rõ ràng không sai
Người đời muốn ngộ Như Lai
Quán chiếu giả tướng trần ai thấy ngài

Nguyễn Phước Huệ

Ghi lại một chút kỷ niệm những ngày tu học tại
chùa Kim Quang 26/06-04/07/2010

CÒN TRONG KỶ NIỆM

Rồi có ngày :
Tôi là tám hình bốn sáu
Bên vách chùa
Nghe kinh tụng hằng đêm
Thân mục tàn
Ngủ giấc thiên miên
Và vĩnh viễn
Tôi thành người quá khứ !

Nguyễn Phước Huệ-ghi lại một chút kỷ niệm
những ngày tu học tại chùa Kim Quang 26/06-
04/07/2010

Hám Sơn đại sư tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Tháng giêng năm 1575, Ngài cùng thầy Diệu Phong từ Hà Đông đến núi Ngũ Đài. Lúc đến vùng phụ cận tỉnh Bình Dương, đang cười nói thầy Diệu Phong đột nhiên thay đổi sắc mặt, lạnh lùng trầm ngâm. Ngài hỏi han ba câu, thầy Diệu Phong chỉ nói nửa câu. Ngài biết chắc thầy Diệu Phong có nỗi buồn riêng tư gì nên cố hỏi gặng. Cuối cùng, Thầy đành thổ lộ nguyên do. Vì tỉnh Bình Dương là quê cũ của Thầy. Lúc Thầy còn nhỏ, vùng này bị nạn đói vì hạn hán. Lần đó, cha mẹ bị chết vì đói khát, nên Thầy mới vào chùa xuất gia. Xã hội nước Tàu vốn là xã hội nông nghiệp, duy trì cuộc sống chỉ nhờ vào nhu phẩm chính yếu, tức lúa gạo. Nếu năm nào bị thiên tai hạn hán thì người chết đói khát cả hàng muôn vạn. Theo chu kỳ, một trăm năm trước khi có một triều đại nào khai quốc thì trong nước sẽ bị nạn thiên tai hạn hán. Lúc có thiên tai, họa hoạn, dân chúng ăn bất cứ gì có thể ăn được. Cha mẹ của thầy Diệu Phong chẳng hơn gì bao người khác. Sau khi chết, không có đất để chôn cất đàng hoàng, nên làm mồ cho loài thú hoang. Nay trở về cố hương, tuy chẳng có y gấm, nhưng có tiền cúng dường của hoàng tử Sơn Âm cùng hai vị quan thân thuộc, hai ngài dùng số tiền này để mua một khu đất cao ráo, xây lại mộ phần và khắc bia kê cha mẹ thầy Diệu Phong. Tên tục của thầy Diệu Phong là Tích, xưa kia sống tại phía Đông thành phố Bình Dương. Thầy là con cháu của Tích Cúc, thời Xuân Thu Chiến Quốc.

Thái Thú tỉnh Bình Dương, Hồ Thuận Yêm, nghe hai vị danh tăng đến vùng mình cai quản, nên rất vui mừng. Vì biết tin quá muộn, lúc hai ngài rời khỏi thành Bình Dương, ông thái thú mới hay biết. Do lòng chí thành, ông Hồ Thuận Yêm liền tìm lộ trình, đến Linh Thạch mới gặp được hai ngài. Sau khi đàm luận mãn ý, ông ta trở về dinh phủ, nhưng lại phái quân lính đi theo hộ tống hai ngài đến tận núi Ngũ Đài. Đến Ngũ Đài, hai ngài chuẩn bị chuyên tâm nhất ý tu hành trong một

thời gian, chứ không phải đi du ngoạn như lần trước. Vì vậy, hai ngài chọn Long Môn ở Bắc Đài làm nơi cư trú. Địa thế vùng Long Môn rất cao. Tuy là mùa Xuân, nhưng băng tuyết vẫn còn đóng y nguyên. Núi non u tịch, là nơi lý tưởng cho việc tham Thiền tịnh tâm. Mồng Ba tháng Ba, phát hiện dưới đồng tuyết dày có vài am tranh cũ, Ngài dừng lại ở trọ trong đó. Nhìn chung quanh, núi non đất đai trắng xóa, khiến tâm Ngài sùng sốt, nhớ lại cảnh giới Thiên Định khi xưa. Hiện tại Ngài như đang lạc vào cảnh giới Lưu Ly. Đêm nọ, đột nhiên thầy Diệu Phong hứng chí đi dạo Ngũ Đài. Biết thói quen của thầy Diệu Phong, Ngài không màng đến, chỉ một mình đơn độc tịnh tâm Thiền Quán trong am tranh. Đột nhiên gió thổi ào ào, tuyết tan nước chảy ầm ầm, như sấm sét, khiến Ngài ngồi Thiền chẳng yên, nên không thể nhập định. Nửa đêm, gió ngưng thổi, muôn vật bên ngoài đều trở lại tịch tĩnh, khiến nội tâm Ngài an tĩnh, nhưng vẫn còn nghe tiếng động rầm rầm như muôn ngàn binh mã đang giao chiến. Ngài ngồi mỗi một suốt đêm, không nhập định được. Hôm sau, trời hừng sáng, thầy Diệu Phong trở về, thấy sắc mặt Ngài trắng bạch, tâm thô, khí nhược, nên rất ngạc nhiên, không biết việc gì đã xảy ra đêm hôm trước, liền hỏi han. Ngài thuật lại sự tình đêm qua. Nghe xong, thầy Diệu Phong khuyên: “Cảnh từ tâm sanh, chẳng từ ngoài đến. Người xưa bảo rằng trong ba mươi năm nếu không còn nghe nước chảy thì sẽ chứng đắc cảnh giới Quán Âm Viên Thông. Nếu đắc được cảnh giới đó thì không còn bị ngoại cảnh chi phối, phiền muộn gì nữa. Huỳnh tin tưởng là sư đệ sẽ đạt đến cảnh giới đó.”

Ngài vui mừng, bảo: “Câu này đệ thường đọc qua nhiều lần, nhưng chẳng biết tại sao tôi qua không nhớ đến! Thật nguy hiểm, nếu không có thầy hiền bạn tốt hướng dẫn chỉ điểm thì chắc sẽ bị mê mù, đọa lạc vào đường ma rồi.”

Nói xong, Ngài lập tức cử động thân thể, đứng dậy, đi ra ngồi Thiền bên cạnh con suối. Mới đầu, vẫn còn bị động tâm vì tiếng nước chảy róc rách. Nếu tâm động thì nghe tiếng nước chảy, bằng ngược lại chẳng nghe gì hết. Ngày nọ, đang ngồi Thiền, Ngài chợt quên mất thân tâm, cho đến âm thanh cũng tịch nhiên bất động. Từ đó, mọi âm thanh bên ngoài không còn ảnh hưởng tâm tư của Ngài nữa. Trong những ngày tự rèn luyện thân tâm tu đạo. Ngài sống trong cảnh gió rét tuyết sương, ăn uống khổ cực vô ngần, chẳng ai chịu nổi. Món ăn hằng ngày chỉ có bột gạo cùng rau

dại. Lúc vừa đến Ngũ Đài, có người cúng dường ba đấu gạo mà cho đến nửa năm vẫn ăn chưa hết. Trong đói rét khổ cực, Ngài tự tu tâm dưỡng tánh. Ngày nọ, vừa dùng cháo xong, Ngài đi kinh hành, rồi đột nhiên nhập định, không thấy thân tâm, duy chỉ có một hào quang lớn chiếu sáng chói cả năm tạng, viên mãn thâm tịch như một tấm kiếng tròn lớn. Núi, sông, đất đai đều hiển hiện trong đó. Khi cảm giác trở lại, tự tìm chẳng thấy thân tâm. Cảnh ngộ này không giống như lúc ở Bàn Sơn, Ngài không còn thấy thân tâm mình ở đâu nữa. Có thể tính đây là lần khai ngộ đầu tiên. Việc khai ngộ tâm tánh khiến Ngài tràn đầy niềm sung sướng, thấy rõ manh mối Thiền cơ. Nhờ dụng công tu hành khổ hạnh, Ngài mới đạt đến cảnh giới này. Vì vậy, Ngài viết kệ:

"Khoảnh khắc nhất niệm, tâm cuồng ngưng
Căn trần nội ngoại, đều thấu suốt
Thân bay độc phá, thái hư không
Vạn tượng sum la, từ đây diệt."

Khi ấy, trong ngoài thân tâm lắng đọng, âm thanh sắc tướng không còn làm chướng ngại. Những nghi hoặc trước đây, nay đã hiểu rõ. Nhìn vào nồi cơm, chỉ thấy mốc meo, chẳng biết đã nhập định bao lâu.

Năm đó Ngài được ba mươi một tuổi. Tuy khai ngộ nhưng không được ai chứng minh, nên Ngài mở kinh Lăng Nghiêm ra để cầu ân chứng. Ngài nhận thấy sở ngộ của mình rất phù hợp với lời Phật giảng giải trong kinh. Trong vòng tám tháng, do dùng tâm chất trực, không phân biệt hay vọng động, Ngài hiểu rõ nghĩa lý ý chỉ thâm sâu vi diệu của kinh Lăng Nghiêm mà trước đây chưa từng biết đến.

Trải qua năm năm chia cách, thầy Tuyết Lãng luôn nhớ đến, nên thường hỏi han tin tức và tìm kiếm Ngài. Cuối cùng thầy Tuyết Lãng mới thực sự biết tin tức về Ngài đang ở tại núi Ngũ Đài đã hơn nửa năm. Thế nên, thầy Tuyết Lãng tìm đến, gặp Ngài nơi đánh núi tuyết băng. Vì nơi núi Ngũ Đài, đã quen chịu đựng tu hành khổ hạnh, nên khi gặp lại sư huynh mình, Ngài cảm thấy rất khác biệt về tư tưởng cùng cách thức tu hành. Hiện tại, hai ngài đã trưởng thành. Mỗi người đều tự chọn lựa con đường tu hành riêng cho mình, nhưng đạo tình huynh đệ vẫn nồng thắm. Vừa gặp mặt nhau, thầy Tuyết Lãng liền bảo:

- "Lần này, lên đây huynh muốn mời sư đệ trở vào Nam tu hành."

- Ngài đáp: "Sư huynh chắc đã biết tánh của đệ, một khi đã quyết định làm việc gì rồi thì khó mà thay đổi."

- Thầy Tuyết Lãng nói: "Nếu vậy thì sư đệ có cho phép huynh ở lại đây đồng tu hành chăng?"

- Ngài đáp: "Núi Ngũ Đài là nơi giá hàn tuyết lạnh. Sư huynh là người miền Nam, chắc không thể chịu đựng nổi thời tiết lạnh lẽo. Năm xưa, sư huynh đã từng khuyên đệ chớ nên lên đây tu hành. Nhận thấy sức khỏe của sư huynh không được mạnh cho lắm, nên khó lòng ở lại nơi đây."

Thầy Tuyết Lãng bảo:

- "Sư đệ ở được thì huynh cũng ở được. Huynh quyết cùng tu hành sống chết với sư đệ."

- Ngài nói: "Mỗi người chúng ta đều có trọng trách riêng. Nhân duyên tan hợp đều khác với người thế tục."

- Thầy Tuyết Lãng bảo: "Cơ duyên chúng ta gặp nhau hôm nay thật là hiếm có."

- Ngài nói: "Tùy theo nhân duyên, mỗi chúng ta có chí hướng tu hành riêng biệt. Sư huynh có trọng trách rất lớn, phải lo kế thừa y bát của pháp sư Vô Cực, tương lai xiển hưng đạo pháp, chớ nên tu hành như đệ, chỉ ngồi Thiền Định suốt ngày nơi núi khô rừng vắng, cả đời đi du phương khắp giang hồ. Phật giáo vùng Giang Nam hiện nay rất suy vi, chỉ còn nương nhờ vào tài đức của sư huynh, làm con mắt cho trời người, giáo hóa thế nhân, khiến họ phát tâm tu đạo trở về với chánh pháp, thì mới không phụ công ơn dạy dỗ cùng niềm hy vọng của pháp sư Vô Cực năm xưa."

Nghe thế thầy Tuyết Lãng nói:

- "Lời khuyên của sư đệ, huynh nguyện xin lãnh thọ."

Thầy Tuyết Lãng biết rõ, ngay lúc còn nhỏ, Ngài đã có chí hướng cao cả. Ngài tu hành khổ hạnh nơi núi Ngũ Đài vì muốn cầu liễu giải đạo lý thâm sâu cao thượng, hầu mong mai sau đem ra giúp ích xiển dương đạo pháp. Tối hôm đó, hai ngài đàm luận suốt đêm. Cuối cùng, thầy Tuyết Lãng quyết định trở về miền Nam hoằng dương Phật pháp. Ngày kế, Ngài trịnh trọng tiễn đưa thầy Tuyết Lãng trở về vùng Đông Nam hoằng dương pháp. Trong ba mươi năm giảng kinh thuyết pháp, hoằng dương chánh giáo, thu hút rất nhiều tín chúng, thầy Tuyết Lãng trở nên vị giảng sư nổi tiếng trong vùng Giang Nam, thật sự kế thừa sự nghiệp của pháp sư Vô Cực. (còn tiếp)

Chú Đại Bi tiêu trừ tai nạn

Sự lợi ích chân chính thường khó diễn bày.

Giống như người uống nước,
lạnh hay nóng chỉ tự mình biết.

Ngay trong lúc thời tiết nóng bức tột độ mà quý-vị không sợ nóng cũng chẳng sợ đường xa núi cao, tới đây tham gia đả thất thì như vậy có điều gì lợi chẳng? Sự lợi ích chân chính thường khó diễn bày. Giống như người uống nước, lạnh hay nóng chỉ tự mình biết. Duy người có tâm chân thật mới lãnh hội được sự diệu kỳ.

Làm thế nào để thu hoạch được điều lợi ích này? Không gì khác hơn là thành tâm niệm danh hiệu Bồ-tát. Chân tâm tức là chuyên tâm vậy. Cho nên nói: "*Chuyên nhất tất linh, phân chi tất tệt.*" Tức là chuyên nhất thì linh ứng, phân chia thì bết tắc. Khi tâm chuyên nhất, tự nhiên sẽ được cảm ứng đạo giao. Sự cảm ứng đạo giao vốn không thể nghĩ bàn. Tuy nhiên, tự mình phải dụng công mới được, người khác không thể làm thay mình đặng, lại càng không thể cầu may mà được.

Giống như "nói về chuyện ăn cơm hay đếm tiền giùm kẻ khác." Có kẻ thường hay đề cập đến những thứ dinh dưỡng thế này thế nọ, nhưng tự họ chẳng hề ăn, thì đồ ăn dù có bổ dưỡng cách mấy đi nữa họ cũng không thể tận hưởng được. Cho nên nói:

Chung nhật sở tha bảo, tự vô bán tiền phần.

Y pháp bất tu hành, kỳ quá diệc như thị.

Nghĩa là:

Suốt ngày đếm tiền người, tự mình không một xu.

Học pháp không tu hành, lỗi lầm cũng như vậy.

Mình niệm Phật cũng thế. Không phải hiểu biết hay bàn luận về công đức niệm Bồ-tát là đủ; phải thật sự niệm đến chỗ nhất tâm bất loạn; thậm chí đến độ nước chảy, gió thổi mà tai mình cũng chỉ nghe tiếng danh hiệu Bồ-tát mà thôi. Cho nên nói:

Hữu tình, vô tình,

Đồng diên Ma-ha diệu pháp.

Nghĩa là:

Loài hữu tình hay vô tình,

Đều nói diệu pháp đại thừa.

Nếu mình không thể niệm tới chỗ nhất tâm bất loạn thì gió có thổi vi-vu, nước có chảy róc-rách, mình cũng chẳng tài nào cảm nhận được sự kỳ diệu của nó. Cho nên mình phải thành tâm niệm và đừng để vọng tưởng lôi kéo thì mới gặt được lợi ích của Pháp.

Khi đả thất, quý-vị phải tôn trọng qui củ của thất. Bởi vì "*Vô qui củ bất năng thành phương viên.*" Tức là không có qui củ thì không thành phương viên. Qui củ của Tây Lạc Viên là không nói năng ồn ào để tránh làm chướng ngại kẻ khác tu hành.

Trong thời gian bảy ngày này, chúng ta còn niệm thêm Chú Đại-bi. Công đức của Chú Đại-bi rất khó nghĩ bàn. Nếu người không có thiện căn, thì họ khó nghe đặng ba chữ "Chú Đại-bi." Bấy giờ đại chúng không những đã được nghe mà lại còn thọ trì đọc tụng, đủ biết quý-vị có đầy đủ thiện căn rồi. Nếu đã có thiện căn, quý-vị không nên coi thường và đừng để kiếp sống này trôi qua một cách lãng phí.

Tôi còn nhớ khi Chùa Tây Lạc Viên đả thất lần đầu tiên, trong mười vị cư sĩ thì tám, chín vị chẳng thể niệm được Chú Đại-bi. Nhưng nay, mười người thì có đến tám người có thể niệm được. Đây chứng tỏ rằng sự tiến bộ của các vị cư sĩ. Tôi kể cho quý-vị nghe một câu chuyện để chứng minh về công đức của Chú Đại-bi.

Ở Mãn-châu có một vị tài chủ, tậu rất nhiều điền sản. Vào một mùa thu, vị tài chủ này tự mình đi theo bốn, năm xe hàng chở đầy cao lương xuống phố để bán. Bởi vì từ nông thôn đến thành thị cách hơn 150 dặm, nên một giờ sáng y đã khởi hành. Chẳng may đi được nửa đường thì gặp cướp. Thấy thế y lập tức niệm Chú Đại-bi. La thay! Bọn thổ phỉ bỗng như đui mù không nhìn thấy xe của y, nên y an toàn qua khỏi nguy hiểm. Đó là một trong những sự linh cảm của Chú Đại-bi mà chính tôi chứng kiến.

Kinh Đại Bi Tâm Đà-la-ni dạy rằng: "*Ké tụng trì chú Đại-bi có thể tiêu trừ tai nạn: Lửa không thiêu được, nước chẳng chìm đắm.*" Bởi thế, tôi khuyên các vị mỗi ngày trì tụng tối thiểu ba lần. Nếu vị nào chưa biết niệm thì mau mà học. Công đức trì tụng Chú Đại-bi không những có thể đẩy lui trộm cướp, mà còn tiêu trừ trăm bệnh, thoát khỏi sự quấy rối của chur ma. Cho nên các vị nên thành tâm tụng trì.

Hôm nay là ngày bắt đầu đả thất, bầu không khí của pháp hội rất phấn khởi và nghiêm trang. Tôi hy vọng các vị nỗ lực, ra công tinh tấn.

H.T Tuyên Hoá giảng trưa ngày 13/06/1958
tại Tây Lạc Viên, Hồng Kông

Hãy học cho giỏi mới trọn vẹn đạo hiếu

Hoà Thượng Tuyên Hoá

Quán Âm thất kỳ này có nhiều học sinh tới tham gia. Các em phải hiểu rõ đạo lý hiếu thảo với cha mẹ. Lúc còn ở nhà thì mình nghe lời, giúp đỡ cha mẹ dọn dẹp phòng ốc nhà cửa, quét tước sạch sẽ, giúp cha mình cắt cỏ, làm những việc cần làm, lúc đi học ở trường thì phải nghe lời thầy giáo, chuyên tâm nghe giảng bài, dụng công học tập, không nên để thời gian trôi qua lãng phí. Một ngày mình phải biết được một chữ, một ngày mình phải học một câu hay, đó là biểu hiện hiếu thảo với cha mẹ rồi đấy.

Các em nhớ lấy, ở trong trường mình phải làm người học sinh giỏi, về tới nhà, mình phải làm người con tốt. Không những mình phải nghe lời cha mẹ dạy dỗ, mà mình phải nghe lời những người lớn tuổi hơn chỉ bảo. Cần hiếu thảo với cha mẹ, cần cung kính với người lớn tuổi, bởi vì họ là người có kinh nghiệm nhiều hơn mình, họ có học vấn phong phú dồi dào hơn mình. Do đó các em cần phải học tập nơi họ, coi họ là gương, mới có tiền đồ quang minh xán lạn, nếu không thì con đường trước mặt của mình sẽ mờ tối, tương lai đời em sẽ chẳng còn hy vọng nữa.

Là học sinh, các em cần có mục tiêu rõ ràng, định chí nguyện kiên cố, phải có lòng kiên nhẫn, chẳng hề bị lay chuyển, dù gặp trăm ngàn khó khăn cũng không thoái lui, có tinh thần như vậy, thì sau này mới làm nên việc vĩ đại, thành bậc anh hùng hào kiệt. Lúc các em học hành thì phải dụng công đọc sách, không thể chơi đùa phá phách mất thì giờ, phải nhận chân học hành tất cả mọi thứ cần thiết. Như vậy, thì mới không phụ lòng cha mẹ, không phụ lòng thầy cô, không phụ lòng nhà trường.

Các em nên biết, đây là trường học của Phật giáo, chuyên môn giáo dục, dạy dỗ bậc hiền tài, để tương lai các em ra trường sẽ trở thành người hữu dụng cho thế giới. Hy vọng các em vì thế giới

nhân loại mà mưu đồ hạnh phúc, không nên để cho thế giới trở nên suy đồi. Đó là hy vọng của trường mình. Các em ở đây học hành mọi thứ cần phải học tập một cách chân thật, nghĩa là dù một phút thời gian cũng không nên lãng phí, rằng "Thư sơn hữu lộ cần vi kinh, học hải vô nhai khô tác châu," núi sách vở có đường, con đường ấy là siêng năng; biển học vấn thì vô bờ bến, nhưng phải lấy sự gian khổ làm thuyền, thì có thể vượt qua được.

Các em phải có tinh thần nhẫn khổ nại lao, không nề hà gian nan, chẳng nên làm biếng mà phải tập tành cần kiệm, đối với một trang giấy hay một cây viết cũng phải quý trọng nó, đừng nên tùy tiện vứt bỏ đi, trong sinh hoạt cần có qui luật, tối ngủ sớm, sáng dậy sớm, bớt coi ti vi, đọc nhiều sách có trí huệ, trong trường học có bài vở nào, về nhà phải làm cho hết, lúc nào cũng ôn tập nó, bởi vì "ôn cố nhi tri tân," do ôn tập sách xưa mới học được trí thức mới. Sách coi qua một lần cũng có cái tốt của nó, các em chớ coi những sách hoạt họa vô ích.

Ở Trung Quốc, vào thời Đông Hán có một em nhỏ tên là Khổng Dung, thông minh vô cùng, lại biết hiếu thảo. Một ngày nọ, bạn bè tặng gia đình em một trái lê, người anh lớn của Khổng Dung chọn một trái lê lớn nhất, lúc ấy Khổng Dung chỉ mới bốn tuổi mà đã biết lễ nghĩa đạo lý, cho nên em chỉ chọn trái lê nhỏ nhất, cha em mới hỏi rằng:

- "Vì sao con không lấy trái lê lớn nhất?"

- Khổng Dung trả lời: "Bởi vì con tuổi nhỏ, con chỉ ăn trái nhỏ mà thôi, những trái lớn xin nhường lại cho cha mẹ và anh con."

Các em nghĩ xem, Khổng Dung mới có bốn tuổi, mà nó đã biết được phong cách khiêm nhường, thương yêu anh em, hiếu thảo với cha mẹ. Đức hạnh như vậy không phải là trẻ em nào cũng có, tiếng thơm của em ấy, lưu truyền thiên cổ, người nào cũng biết, bởi vậy mới có câu rằng: "Dung tứ tuế, năng nhường lê," nghĩa rằng Khổng Dung mới bốn tuổi đã biết nhường trái lê.

Cũng tại thời Đông Hán có một em bé tên là Hoàng Hương, lúc em mới chín tuổi thì mẹ em chết, em đối với cha vô cùng hiếu thảo. Lúc trời mùa đông thì em dùng thân mình để sưởi ấm giường chiếu của cha mình, em sợ rằng cha mình bị lạnh. Đến lúc mùa hè, em dùng quạt để quạt

giường cha mình, vì sợ cha nóng bức, đó cũng là tâm hiếu thảo mà nhân gian mãi mãi lưu truyền, rằng: "Hương cứu tuế, năng ôn tịch," nghĩa rằng Hoàng Hương mới chín tuổi mà đã biết quạt giường cha mình.

Hai em bé đó hành động như vậy của chúng là do tâm chơn thành bộc lộ ra, không phải là chỉ bề ngoài giả tạo để lừa bịp người khác, hành vi như vậy đáng để mình bắt chước. Các em đều là những trẻ thơ, cần học tập gương của hai em bé này, hiếu thảo với cha mẹ như thế nào, hãy lấy đó mà làm gương.

Các em rất may mắn, được sanh trong nước giàu có, sinh hoạt an định, vật chất phong phú. Ở trong hoàn cảnh ưu việt tốt như vậy, các em không học cho giỏi là cô phụ niềm hy vọng của cha mẹ và thầy cô của các em.

Trên đất nước vô cùng sung sướng này, chúng ta luôn cần những người lương thiện, cần những người hiểu rõ đạo lý, hiểu thế nào là thương yêu đất nước, thế nào làm kẻ công dân ưu tú. Các em ở trong trường học Phật giáo mà học thì tương lai phải là mô phạm, là cái gương cho xã hội, lãnh đạo người đời hướng vào con đường thiện. Các em phải lấy sáu tông chỉ của Vạn Phật Thánh Thành làm tiêu chuẩn: Không tranh, không tham, không cầu, không ích kỷ, không tự lợi, và không dối trá. Nếu các em thật sự làm được sáu điều này thì tương lai các em sẽ trở thành người ưu tú nhất trong thế giới. Tôi hy vọng các em sẽ trở thành người thập phần toàn vẹn, thành kẻ có thể ảnh hưởng người đời cải ác hướng thiện, làm người có tâm đại từ bi, ban sự khoái lạc cho chúng sanh, diệt trừ những nỗi thống khổ của họ. Được như vậy thì thế giới này sẽ trở thành chốn đại đồng. (còn tiếp)

Cuộc đời của h.t Tuyên Hoá

Tiếp theo kỳ trước

14. Mười tám Đại Nguyên.

1. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Bồ Tát ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp pháp giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh giác.

2. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Duyên Giác ở mười phương ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp pháp giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh giác.

3. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Thanh Văn ở Mười phương Ba đời, trong tận cùng hư không, biến khắp pháp giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh giác.

4. Nguyên rằng nếu có một vị thuộc hàng Trời, người ở trong Tam giới, mà chưa thành Phật thì tôi sẽ không thủ Chánh giác.

5. Nguyên rằng nếu có một người ở trong mười phương thế giới chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh giác.

6. Nguyên rằng nếu có một vị trời, người, A-tu-la chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh giác.

7. Nguyên rằng trong thế giới loài súc sinh, nếu còn một loài nào chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh giác.

8. Nguyên rằng trong thế giới loài ngựa quý, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh giác.

9. Nguyên rằng trong thế giới loài địa ngục, nếu còn một kẻ chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh giác.

10. Nguyên rằng trong tam giới, nếu những kẻ từng Quy y với tôi, hoặc là Trời, Người, A tu la, các loài bay, lặn, động vật, thực vật, linh giới, rồng súc sinh, quỷ thần mà chưa thành Phật, tôi sẽ không thủ Chánh giác.

11. Nguyên rằng tất cả những phước lạc mà tôi được hưởng thấy, đều hồi hướng phổ thí cho tất cả chúng sanh trong Pháp giới.

12. Nguyên rằng một mình tôi nhận chịu hết tất cả khổ nạn của chúng sanh trong pháp giới.

13. Nguyên rằng tôi sẽ phân linh vô số, phổ nhập tâm chúng sanh nào không tin Phật Pháp, làm cho họ bỏ ác, hướng thiện, sám hối, sửa mình, Quy y Tam Bảo, rồi cuối cùng thành Phật.

14. Nguyên rằng tất cả chúng sanh nào, khi thấy mặt tôi, cho đến chỉ nghe tên tôi, đều phát tâm Bồ-đề, mau đắc thành Phật đạo.

15. Nguyên rằng luôn tôn kính điều Phật dạy, và thực hành mỗi ngày ăn một bữa.

16. Nguyên giác ngộ loài hữu tình, phổ nhiếp thọ các loài có căn cơ.

17. Nguyên trong đời này tôi sẽ đắc ngũ nhãn, lục thông, phi hành tự tại.

18. Nguyên rằng tất cả mọi cầu nguyện đều được thành tựu viên mãn.

15. Mưa dầm nhện dới.

Trong thời kỳ thủ hiếu và quyết chí tu đạo, Ngài phát nguyện tôn thủ giới luật Phật chế là ăn mỗi ngày một bữa trước Ngọ, vì Ngài biết rằng trên thế gian này nhiều người bị đói và Ngài muốn cúng dường thức ăn của Ngài cho họ. Khi ngồi ngoài mộ phần mẹ, Ngài không nấu ăn cho mình và nếu không ai đem thực phẩm đến Ngài đành nhịn đói; Lúc bấy giờ có một lão cư sĩ tên là Đường Ngọc Minh tự phát tâm đem thức ăn cúng dường Ngài mỗi ngày.

Khi đó vào đầu mùa hè ngày ngày mưa rơi tầm tã đường xá lầy lội, đi lại khó khăn. Ngài thương cho cư sĩ Đường tuổi cao sức yếu nên bảo ông rằng:

- Ngày nào trời cũng mưa không dứt, không tiện đi lại, vả lại Thầy còn lương khô, cụ hãy đợi khi nào mưa tạnh hãy mang thức ăn trở lại, lương khô ở đây Thầy có thể dùng đến hơn hai mươi ngày, Lão cư sĩ tin lời Ngài cho nên khi mưa đến, ông ta ở nhà; Tất nhiên Ngài đã không có đến một hạt gạo trong lều.

Đợi hơn hai mươi ngày qua, khi trời đã tạnh mưa, thời tiết trong lành Lão cư sĩ mới mang thức ăn trở lại cúng dường Ngài. Nhưng khi đến lều tranh, ông Lão mới biết được rằng trong suốt hai mươi ba ngày liền Ngài nhắm mắt, đoan chánh tọa thiền dụng công, không ăn chi cả. Khi ông lão trở lại, Ngài hỏi:

- Từ lần chót ông viếng thăm cho đến nay đã được bao lâu rồi?

- Hai mươi ba ngày.

Lão cư sĩ trả lời và hỏi về tình trạng sức khỏe của Ngài với vẻ lo lắng; Ngài đáp rằng mỗi ngày, Ngài chuyên tâm tọa thiền nên không thấy đói. Ông Lão lại càng khâm phục hạnh tu trì của Ngài.

16. Y nguyện cứu người.

Trong mười tám đại nguyện của Ngài có nguyện thứ mười hai là: Tôi nguyện thọ nhận tất cả khổ đau của mọi chúng sanh trong Pháp giới để chịu thay cho họ. Để hoàn thành đại nguyện này, mỗi khi có người lâm trọng bệnh khó chữa xin Ngài giúp đỡ nếu Ngài thấy họ thành tâm, Ngài hết

lòng tìm đủ mọi cách để giúp họ toại nguyện, vì Ngài biết rõ rằng tất cả bệnh hoạn đều không phải từ ngoài thân mà phát khởi và thân thể có được là do Tứ Đại: đất nước gió lửa giả hợp, nếu người ta không chấp vào nó và có thể xả thân thì làm gì có bệnh.

“Xả thân” tức không chấp, nghĩa là bỏ ra ngoài sự khoái lạc vật chất để học và hành Phật pháp gây lợi lạc cho chúng sanh, phá trừ chấp ngã, nhất tâm niệm Phật; hành trì phương pháp này giúp con người thoát khỏi sông mê bể khổ và đạt được

thường, lạc, ngã, tịnh của Niết-bàn.

Những việc xảy ra ghi lại sau đây đều là những chứng tích cho thấy nhờ đạo lực của Ngài, phối hợp với sự thành khẩn của tín chủ nên Ngài đã cứu sống rất nhiều người. Do đó danh tiếng của



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

Ngài ngày một vang xa.

a). Sám hối được cảm ứng

Trong thôn của Ngài có một vị phu nhân tên là Trương Lý Thị tuổi ngoài bốn mươi. Trong bốn năm liền, bà này bị bệnh nôn mửa kinh niên, cả Đông lẫn Tây y đều bó tay không chữa được chứng bệnh này, và mọi thứ thuốc đều vô hiệu. Bà nghe đức hiếu hạnh và sự cứu giúp vô số dân làng của Ngài nên bà đến bên mộ phần kính cẩn quỳ xin Ngài giúp đỡ. Ngài quán sát căn nguyên sanh bệnh rồi giảng cho bà rõ đạo lý làm người và nguyên do của bệnh tật là một sản phẩm của luật nhân quả. Ngài khuyên bà sám hối những tội lỗi xưa cùng kiên thành niệm Phật, Bà ta y lời, hành trì thật nghiêm túc và mỗi ngày thành tâm hồi lỗi. Trong vòng hai mươi một ngày bệnh của bà lành hẳn mà không cần đến thuốc.

b). Sản phụ thoát hiểm.

Ngoài làng có một bà họ Đường lâm bồn qua bốn ngày liền mà chưa sanh con được. Bác sĩ đã không có cách gì cứu chữa, thấy cánh sản phụ mạng sống mỏng manh, người nhà nóng lòng, dò hỏi khắp nơi mới biết đến Ngài. Họ vội chạy đến mong Ngài cấp cứu, Ngài bảo họ hãy trở về nhà và bảo hết cả nhà đồng dâng hương niệm “Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát” và phát nguyện ăn chay một trăm ngày; Nếu làm được như vậy thì sản phụ sẽ sanh con được bình an vô sự.

Họ trở về nhà làm y lời Ngài; chẳng bao lâu hài nhi được hạ sanh, mẹ tròn con vuông.

c). Bệnh liệt được chữa.

Tại Thôn Bình Phòng có Trương phu nhân bị tê liệt toàn thân đã ba năm, chạy chữa biết bao bác sĩ, cùng các thuật sĩ mà bệnh vẫn không bớt. Khi nghe tiếng cứu người của Ngài, gia đình mượn xe chở bà đến tận lều của Ngài và xin chữa trị.

-Tôi không biết gì về y dược cả; nhưng những người có đức tin có thể được lành bệnh nhờ sự thành tâm của họ. Bà chỉ cần thành tâm sám hối tội lỗi của mình trong quá khứ cùng cải ác hành thiện. Nếu bà niệm Phật và ngưng không ăn thịt nữa thì nhất định sẽ được cảm ứng và bệnh bà sớm phục hồi.

Sau khi về nhà, mỗi ngày bà lễ bái trước chân dung Ngài, ăn chay niệm Phật. Qua một trăm ngày, bệnh tê liệt biến mất và bà có thể cử động được như thường. Toàn gia đình bà không khỏi kinh ngạc, quỳ lạy tôn Ngài làm Thầy cùng phát nguyện hộ trì Tam Bảo và tinh tấn làm lành.

d). Ăn chay được cảm ứng.

Cách làng Ngài khoảng bốn mươi dặm có một người tên là Đới Quốc Hiền bị bệnh phổi đến thời kỳ nghiêm trọng, các bác sĩ đều nói rằng bệnh của anh ta vô vọng, nhưng anh ta vẫn muốn sống, nên tìm đến và quỳ xuống khẩn cầu Ngài cứu giúp. Ngài thấy ông rất thành tâm, nên bảo ông ta nhất tâm xưng niệm “ Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát” cùng phát nguyện ăn chay trường, chấm dứt nghiệp sát sanh. Anh ta hoan hỷ tín thọ. Rồi Ngài

vừa rưới nước nhè nhẹ lên đầu anh ta mà gia trì niệm Phật tụng chú. Ngay lúc đó anh cảm giác toàn thân mát rượi, tinh thần sáng khoái. Sau đó anh ta quy y Tam Bảo, kiên thành trì chú Đại Bi cùng niệm thánh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát không ngưng nghỉ. Chẳng bao lâu sau ông được lành bệnh.



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

e). Trong mơ được cứu.

Càng ngày Ngài càng có đông đệ tử. Toàn gia đình hơn ba mươi người của Vương Phụng Nghi ở Làng Đông Tĩnh Tử đều quy y Ngài. Họ đều ăn chay và đặc lực ủng hộ hoàng dương Phật pháp, em của Vương Phụng Nghi là Vương Phụng

Cửu, có một đứa con trai đột nhiên bị bệnh nặng. Cha đứa bé đã khẩn cầu Ngài cứu đứa con, mỗi ngày ông đều ở trước bàn thờ Phật cầu nguyện, trải qua một tuần lễ, đêm nọ, ông mơ thấy Ngài đến nhà và cho con ông uống một viên thuốc, khi thức dậy ông Vương phát hiện con ông đã được lành bệnh; Kể từ đó ông càng thêm kính Phật pháp và khuyên khắp thân bằng quyến thuộc bạn bè Quy y Tam Bảo.

f). Lòng hiếu được cảm.

Cao Đức Phú tại Thành phố Hợp Nhĩ Tân, Đại Nam Câu, thiên tánh hiếu thảo. Khi mẹ ông bị bệnh hiểm nghèo, ông phát nguyện đến Chùa Tam Duyên chắt tay cúng Phật, cầu mong chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ cho mẹ mình sớm được bình phục. Đến Chùa lễ Phật xong, ông lấy dao ra định chặt cánh tay, nhưng người bên cạnh phát giác nên ngăn cản. Khi hỏi ra nguyên nhân, mới biết ông là người con chí hiếu, xả thân vì mẹ. Thấy vậy Cư sĩ Lý Cảnh Hoa dẫn ông đến cầu kiến Lão Hòa Thượng Thường Nhân, lão Hòa Thượng cho người dẫn ông đến gặp Ngài. Ngài rất cảm động về lòng hiếu thảo của ông, nên liền nhận lời đến nhà cứu bà mẹ ông; Ngài bảo Cao Đức Phúc hãy chạy xe đạp về nhà trước còn Ngài sẽ đi bộ theo sau. Nhưng khi Cao Đức Phúc vừa về đến nhà thì thấy Ngài đã có mặt trong nhà từ hồi nào rồi. Lúc vào nhà, Ngài phát hiện bà mẹ ông đã bất tỉnh mê man trong bảy tám ngày rồi tình huống thật nguy

cấp, bệnh nhân lúc ấy môi và đầu lưỡi đã bị thâm đen, hơi thở dường như đứt đoạn, Ngài bắt đầu viết sao vắn, rồi khép mắt trì chú cho đến nửa đêm, tới 3 giờ sáng mới nghỉ. Sáng sớm hôm sau, bệnh nhân chợt ngồi dậy trên giường kêu tên con bà. Cao Đức Phúc kinh hãi, vui mừng khôn xiết. Mẹ ông bảo:

- Mẹ bị lạc đường đã mấy ngày liền, không biết đã đi tới đâu nữa? May thay chiều hôm qua, mẹ gặp một vị Tăng đưa mẹ về nhà; Bây giờ mẹ cảm thấy đói lắm con mau nấu cháo cho mẹ ăn.

Cao Đức Phúc nghe thế cả mừng chỉ Ngài và hỏi mẹ rằng:

- Vị Tăng mà mẹ vừa nói đó, có phải là vị này không?

Mẹ ông nhìn Ngài một hồi rồi nói:

- Đúng rồi! Chính ông Sư này đã dẫn mẹ về nhà đó mà.

Qua việc này, toàn gia đình của Cao Đức Phúc lập tức Quy y Tam Bảo.

g). Hóa giải bệnh truyền nhiễm.

Mùa thu, năm Dân Quốc thứ ba mươi bốn, sau khi quân Nhật đầu hàng không lâu vùng Đông Bắc rất hỗn loạn dân miền quê lại bị bệnh truyền nhiễm khiến rất nhiều người bị chết: trẻ có, già có... Tại Đồn Du Phường phía Nam Thành phố Hợp Nhĩ Tân, có gia đình họ Mai chỉ trong ba ngày mà tất cả mười một người trong nhà đều bị lây bệnh chết;

Lúc bấy giờ chỉ còn có một người làm công và một người rề đang trong tình trạng nguy kịch.

Nghe qua chuyện thảm thương như thế, Ngài liền đi vòng đến các thị trấn, làng xã kề cận, vừa rải nước sái tịnh, vừa trì tụng chú Đại Bi. Có điều là Ngài rải nước đến nơi nào thì nơi đó không còn nghe đến việc người chết vì bệnh truyền nhiễm nữa.

h). Giải nạn rít độc.

Lần nọ có một em bé đang chơi ngoài sân, vô ý bị con rít bò vào lỗ tai rồi bò lên não bộ của em, em bị nhức đầu dữ dội, sắc mặt tái mét, hơi thở hỗn hển la khóc không ngừng. Rít này thuộc loại rít

độc, thông thường nếu dụng phải rít này thì hết cách cứu chữa. Người nhà mang em đến Ngài cầu cứu, Ngài thành tâm trì chú. Qua vài giờ sau thần sắc em bé hồi phục như thường. Do đây mới biết công dụng của thần chú thật không thể nghĩ bàn; nhưng người niệm chú, nhất định phải chuyên tâm chánh ý, lại phải trì giới thanh tịnh, chân chánh tu hành thì tự nhiên sẽ được Bồ Tát hộ trì, Thiên Long ủng hộ. Nếu không thì dầu cho có mỗi hơi niệm chú, vẽ bùa mà không nghiêm trì giới luật tất sẽ đọa lạc vào đường ma, biến thành ma vương vậy.

i). Cứu người tự vẫn.

Tại Tỉnh thượng Hiệu Nam, Đồn Đông Bình Tử, Phố Hợp Nhĩ Tân, có một vị Đồn trưởng tên là Lý Thắng Ti vì một chuyện nhỏ mà sinh ra cãi vả với người vợ. Vợ ông nhất thời nóng nảy không sáng suốt mà tự vẫn bằng cách uống cạn hai chén nước lợ (Nước lợ là một hóa chất cực độc, đừng nói chỉ uống một chén, chỉ cần uống một ngụm thôi cũng đủ chết người rồi.) Đến khi người nhà

của bà phát giác ra thì bà đã trong hồi nguy kịch, mọi người trong nhà đều rất sốt ruột, lo âu.

Cũng may, lúc bấy giờ có một người biết Ngài đang ở trong đồn này bèn mách cho người nhà của bà ta hay:

- Thầy An Từ vừa đúng lúc có việc nên đến Đồn này, hiện

giờ đang ở bên nhà họ Quách, các người hãy mau đi cầu cứu Ngài đi, may ra Ngài có cách cứu chữa.

Con trai của Lý Thắng Ti nghe vậy cấp tốc chạy qua nhà họ Quách, vừa mới gặp được Ngài sụp quỳ thỉnh cầu Ngài mau đến cứu mẹ.

- Ta không có cách nào hay, người hãy mau đi tìm thầy thuốc đến trị đi.

Người con lúi thủi quay về báo cho cha hay. Người mách hộ rất am tường Ngài, vì vậy một lần nữa kêu người con đến lạy cầu Ngài ra tay, người này còn dặn thêm:

- Con phải thành tâm khấn cầu bằng không thì Ngài không màng chuyện rồi đâu!



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

Người con lại một lần nữa chạy nhanh đến trước mặt Ngài, quỳ xuống cầu xin, khóc lóc suốt cả bốn mươi lăm phút. Biết người con thật cố lòng thành, nên Ngài cùng đi với người con về nhà họ. Lúc đó tay chân của người mẹ đã phát lạnh, người nhà đang chuẩn bị tang sự cho bà.

Vừa thấy Ngài đến, mọi người đều hướng về Ngài cúi đầu đánh lễ, thỉnh cầu Ngài cứu mạng. Ngài bảo họ đừng quá đau lòng, rồi dùng nước gia trì chú Đại Bi, kế lấy chiếc đũa tre vạch miệng của bệnh nhân mà đổ nước vào. Chẳng bao lâu, bệnh nhân bắt đầu ói mửa, ói một lúc thì dần dần tỉnh lại.

Cả nhà họ Lý đều cảm kích Ngài đến rơi nước mắt, và cũng thâm cảm sức linh ứng không thể nghĩ bàn của Phật Pháp. Về sau họ tặng cho Ngài một bức đối liên.

Câu trên: “Từ bi phổ độ, tín giả đắc cứu thành Chánh Giác.”

(Từ bi cứu độ được tất cả, người có tín tâm được giải thoát để chứng được Chánh Giác.)

Câu dưới: “Quá hóa tồn thân, lễ chi hộ phúc ngộ Vô Sanh.”

(Tai họa được tránh khỏi, phục lại tinh thần được để giác ngộ Vô Sanh.)

Kèm theo một tấm biểu viết rằng: “Tự Tại Như Lai.” (còn tiếp)

tam bộ nhất bái

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 15 Tháng 11 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Trời lại đổ mưa. Theo trên bản đồ thì xa lộ chạy dài dọc theo bờ biển có đến hơn tám mươi dặm nữa, nó sẽ uốn cong vào nội địa Rock Port. Thỉnh thoảng mới có một căn nhà, còn chung quanh đây hầu như là những dãy đồi xanh mướt và dĩ nhiên cả biển nữa. Xe cộ chỉ lưa thưa không mấy gì nhiều.

Chiều nay tôi lạy qua Sea Ranch, một cộng đồng vùng biển đang phát triển. Có hàng chục căn nhà được xây lên bằng những vật dụng thiên nhiên trên những khoảnh đất cách đều nhau, khiến phong cảnh trông rất đẹp. Trong lúc Thầy Hằng Do đi trước tìm chỗ cắm lều, có chiếc xe Ford cũ chạy tới rồi đạp thắng ngừng ken két bên tôi. Trong xe có năm ông đã say mèm. Tôi vẫn tiếp tục lạy, chí tâm thâm niệm “Nam Mô Quán Thế

Âm Bồ Tát” như lời Sư Phụ thường dạy. Song tôi vẫn cảm thấy phẫn hận tuyền tó trong người như đang ra sức bơm mạnh lên, đồng thời toàn bộ các cơ quan trong cơ thể như sẵn sàng chuyển mình vào cuộc chiến. Nhưng sau đó tôi lại nhớ đến bài thơ mà Sư Phụ thỉnh thoảng có nhắc đến:

Đạo cao nhất xích, ma cao nhất trượng
Đạo cao nhất trượng, ma tại đầu thượng.

Nghĩa là:

Đạo cao một gang, ma cao một tầm
Đạo cao một tầm, ma trên đầu ta.

Chiếc xe cứ chạy rờ rờ bên tôi, trong khi mấy ông say chồm ra cửa xe la lối những lời thô tục. Khoảng vài phút, không thấy tôi có phản ứng gì nên xe ngừng hẳn, rồi một ông bước ra khỏi xe, bắt đầu đi theo phía sau tôi. Không biết là ông ta có muốn đá tôi không nữa, vì ông có vẻ đã say lết bết, miệng thì la lối om sòm:

- “Ê! Mày đang bày cái trò khỉ gì vậy? Mày nghĩ nó tốt cái....gì mà làm như vậy hả?”

Chẳng thèm để ý chỉ đến hẳn, tôi chỉ lo chăm chú quan sát tâm mình. Thật ra lúc đó tôi không cảm thấy sợ sệt gì, mà cũng chẳng giận hờn chi và tâm rất tập trung. Pháp này thật hiệu nghiệm!

Vài phút sau, tôi biết là ông ta đang dụ dỗ và ông nói:

- “Ê! Mà ông làm gì vậy chứ? Ông đã làm như vậy được bao lâu rồi?”

Cuối cùng tôi cũng phải ngừng lạy và đứng lên từ từ đi về phía ông ta.

Tôi trả lời với thái độ bình tĩnh, thân mật. Thấy dáng điệu ông ta từ một kẻ say sưa cao ngạo, trong phút chốc đã trở thành một người đang hoảng, tỉnh rượu hẳn ra. Thật ra hẳn ta cũng có vẻ là người tốt chó. Sau mấy phút trò chuyện, ông trở lại phía xe đậu với mấy người bạn đang nao nức chờ đợi kết quả. Khi xe chạy ngang qua, tôi nghe giọng nói như muốn hét to:

- “Một trăm dặm à? Mãi tận từ San Francisco ư?”

NHÀ LỬA

Chánh pháp Phật hoàng dương cõi thế

Giúp đưa người khỏi bể ái hà

Mau lo tìm cách thoát ra

Khởi ngôi nhà lửa Ta Bà thế gian!

Nguyễn Phước Huệ

Lúc sự việc đang diễn biến, có một bà trên chiếc Volkswagen cũng đang chú ý và định sẵn sàng xen vào can thiệp nếu thấy có chuyện bị áp bức hay bạo động xảy ra. Sau đó bà chạy trời tới và tự giới thiệu là Judy Bruff, là giáo đồ thuộc phái Tân Giáo Quaker ở Anh Quốc, hiện sống trên đồi. Bà nói ở vùng Sea Ranch này không cấm trại được vì toàn là đất của tư nhân, nên mời chúng tôi về nhà nghỉ qua đêm, riêng Bà sẽ đến tá túc với người thân.

**Ngày 16 Tháng 11
Năm 1973. Hằng Do
viết:**

Qua khỏi ranh giới quận Sonoma Mendocino, khi trên đường về phía Gualala, một ông chạy xe kiểu đời mới rà tấp vào lề, chăm chú nhìn Thầy Hằng Cụ lạy. Ông chạy rề rề theo để có thể quan sát thêm. Nhưng sau đó ông ngừng hẳn bên lề chờ tôi đi tới. Ông này độ khoảng năm mươi, tóc hai bên màng tang đã điểm bạc. Trong bộ quần áo tươm tất, qua tư cách, trông ông như một thương gia phát đạt.

- Với thái độ dè dặt hỏi: "Xin lỗi cho tôi hỏi, anh bạn của ông đang làm gì vậy?"

Tôi giải thích ngắn gọn về chuyên bán hương, và trả lời quả quyết sẽ thành công khi ông thắc mắc nghi ngờ không biết chúng tôi có làm nổi hay không.

- Ông lại hỏi: "Mấy ông có còn cách nào khác để cũng có thể diễn đạt giống hệt nguyện vọng này không? Có nghĩa là tại sao các ông lại tự hành hạ khổ sở đến như vậy?"

Sư Huỳnh tôi vẫn tiếp tục lạy không ngừng nghỉ, đôi giầy và bao tay Thầy chà sát mặt lộ, khiến vang lên những tiếng sột soạt như để nhấn mạnh thêm câu hỏi của ông này.

- Tôi đáp: Đau khổ hay vui sướng chỉ là những danh từ đơn giản, quan trọng là ở cái nhìn của ông về cảnh giới. Ví như nếu ông đeo kính đỏ thì thế giới hiện rõ cảnh tươi thắm hồng hào. Nếu ông nghĩ những hành động có tác dụng đưa đến đau khổ thì sẽ thấy khổ đau. Riêng tôi không nghĩ việc mình đang làm là đau khổ, dù đã từng bị ướt ngói ngớp dưới cơn mưa, vì đó chỉ là bị ướt mà

thôi. Tôi tiếp với câu thơ mà Sư Phụ thường dùng để giải thích rất thâm thúy:

Thọ khổ tức thị liễu khổ,
Hưởng phước tức thị liễu phước.

Nghĩa là:

Chịu khổ thì dứt khổ,
Hưởng phước thì hết phước.



lễ kỷ niệm 10 năm thành lập

Tôi định sẽ giải thích thêm về ý nghĩa mấy câu thơ, dẫn chúng đến nghiệp lực và luật nhân quả, và cũng để trả lời thắc mắc của ông. Nhưng ông ta liếc mắt nhìn quanh rồi ngắt lời xin

lỗi và cảm ơn. Ông bảo là rất vui khi được trò chuyện với tôi, rồi lên xe chạy tuốt.

Có lẽ tôi đã nói gì làm đụng chạm đến ông chăng! Hay là ông đã nghe đủ những gì ông muốn biết! Hoặc ông chợt nhớ ra cái hẹn gì đó! Tôi bắt đầu hiểu ra rằng con người cũng giống như cái bình đựng nước. Có cái chứa được nhiều, có cái thì chứa rất ít. Một khi cái bình đựng gần đầy thì người ta cảm thấy tinh thần bất an, đến khi cái bình bắt đầu đầy tràn thì thường cũng là lúc họ thay đổi cuộc đời. Chúng ta nắm giữ được bao nhiêu tức cũng có thể trực tiếp xả ra bấy nhiêu. Đến khi bạn đã buông bỏ hết thì bạn sẽ được tất cả. (còn tiếp)

NÓI VỚI MÌNH

Đã biết có sanh là có tử
Sao còn chưa thức giấc lo tu
Thân mình như án tử tù
Trần gian danh lợi phù du tiếc gì ?
Tiền rường bạc biển chung qui
Cũng đâu mua được ngày ra nhị tỳ
Đừng chờ quí đến đưa đi
Mau mau tầm đạo từ bi cứu mình !

Nguyễn Phước Huệ

le Sutra du Merveilleux Dharma du Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Dans la lumière du signe du cheveu blanc de Celui Ainsi Venu, on pouvait voir comment après l'entrée des Bouddhas dans le Nirvana, leur corps était incinéré et réduit en cendres et leurs Shariras. Ensuite on construisit de stupas pour les conserver. En Sanscrit, stupa signifie un tombeau carré mais aussi un lieu élevé et bien visible avec de grandes structures qui peuvent être vues facilement.

A quoi servent les stupas ?

Ils servent à conserver les Shariras des Bouddha afin que les gens puissent vénérer et leur faire offrandes. Partout où se trouvent les Shariras des Bouddhas, le corps du Dharma des Bouddhas est aussi présent. Voilà le sixième miracle, celui du Parinirvâna des Bouddhas.

Le cinquième et le sixième miracles représentent le début et la fin. Le cinquième représente les Bodhisattvas cultivent la voie. Et le sixième, ils atteignent l'état ultime de Bouddha.

Ceci clôt la discussion au sujet des six miracles.

Je fais cet exposé à votre intention mais je me rends compte que vous n'y prêtez guère attention. Or, vous devriez vous concentrer entièrement pour suivre l'enseignement du Bouddha afin de le comprendre pleinement. Cela ne sert à rien si mon discours entre dans une oreille pour ressortir de l'autre. Si c'était le cas vous pourriez écouter pendant cent ans ce serait comme si vous n'aviez rien entendu. Pourquoi ? Parce que vous ne le gardez pas en mémoire, car vous n'en prenez pas note.

Aujourd'hui vous écoutez les Sutras et étudiez le Bouddhadharma. Si vous deviez aller quelque part

et étiez invité à parler, bien sûr, vous pourriez discourir avec éloquence, vos paroles coulant à flots sans hésitation. Vos lèvres seraient comme un fleuve en cru. Toute l'assistance serait charmée. Mais, si quelqu'un vous arrête et vous demande :

- Excusez-moi, j'ai une question. Combien de Nirvanas existe-t-il ? S'il vous plaît, dites-le moi. Vous resteriez bouche bée :

- Oh ! Ah ! Je les ai oubliés !

- Bien. Avec qui avez-vous étudié ?

- J'ai étudié avec un Maître du Dharma pendant plusieurs années. Je les ai entendus mais je les ai oubliés maintenant.



Diriez-vous

que cela fait perdre la face ou non. Vous pourriez ne pas comprendre aucun de ces aspects profonds du Dharma, mais si vous ne connaissez même pas quelles sont les quatre Nirvanas, vous perdriez franchement la face, n'est-ce pas ?

Il ne me reste pas beaucoup de temps, alors je vais seulement vous citer leur nom. Je suis certain que vous n'aurez aucune difficulté à vous en souvenir. Si je ne vous les avais pas appris, vous ne pourriez bien entendu pas vous les rappeler.

Si vous les connaissez déjà, c'est très bien. Mais si vous attendiez que je vous les dise et vous oblige à les retenir, reconnaissez alors que ce ne serait guère brillant. Je vous les rappelle quand même :

1. Le Nirvana de la pureté originel du moi.
2. Le Nirvana avec résidu.
3. Le Nirvana sans résidu.

4. Le Nirvana sans demeure.

Sutra : Ensuite le Bodhisattva Maitreya avait cette réflexion : « A présent, seul Honoré du Monde manifeste des signes de transformations spirituelles. Quelle est la raison de ces miracles ? Le Bouddha, le seul Honoré du Monde était entré maintenant dans le Samadhi, ces miracles sont des événements inconcevables et rares. A qui dois-je me renseigner a propos de ces événements ? Il poursuivait ses réflexions : Le prince du dharma Manjusri était très propre d'innombrables Bouddhas du passé et leur a fait souvent de nombreuses offrandes. Il aurait sûrement vu de pareils signes rares. Je dois le lui demander maintenant ».

Commentaire : Dans ce passage du texte, le Bodhisattva Maitreya avait des doutes. Il ne comprenait pas ce qu'allait faire Bouddha. Le Bouddha émit de la lumière et la terre trembla. Ces six miracles apparurent dans ce monde ainsi que dans les autres mondes. Le Bodhisattva Maitreya ne comprenait pas la signification de ces miracles. Pour cette raison, il s'est mis à douter. Lorsque le Bodhisattva éprouvait des doutes, le reste de l'assemblée partageait aussi ce sentiment.

« ENSUITE LE BODHISATTVA MAITREYA EUT CETTE REFLEXION ». Qui est ce Bodhisattva. Il est très gros, toujours en train de rire extrêmement compatissant. Que vous soyez une personne méritante ou un criminel, son affection vous est également partagée. Il traite tous les êtres vivants avec d'une égale compassion et ne fait aucune différence entre eux.

A PRESENT, LE SEUL HONORE DU MONDE MANIFESTA DES SIGNES DE TRANSFORMATIONS SPIRITUELLES. A

présent, le Seul Honoré du Monde a manifesta des états de pénétrations, des transformations et des changements spirituels. Il émit de la lumière à partir du signe du cheveu blanc et les six sortes de tremblements de terre se produisirent par suite des pouvoirs spirituels du Bouddha.

Le Bodhisattva ne les avait jamais vus auparavant et ne savait pas ce que cela signifiait. Car à l'époque il n'était que son successeur, un futur Bouddha. Il attendait que le Bouddha Sakyamuni se retirât pour réaliser à son tour l'état de Bouddha dans le monde Saha. Malgré sa grande sagesse, il ne savait toujours pas ce qu'allait faire le Bouddha.

Pourquoi ne le savait-il pas. Ceux du niveau inférieur ne peuvent pas comprendre ceux du niveau supérieur. Les Bodhisattvas de la première terre ne connaissent pas l'état de ceux de la deuxième terre. Ceux de la dixième terre ne connaissent pas le monde de l'illumination totale. Et les Bodhisattvas de l'illumination totale ne comprennent pas la merveilleuse illumination du Bouddha. Les profanes sont incapables de comprendre l'état des sages. Pourquoi ? Parce qu'étant simples d'esprit, leurs réflexions sont limitées et superficielles. Soit ils sont abrutis et restent à la même place, soit ils foncent dans les bêtises. Ceux qui ont des pensées dispersées ne comprennent pas ceux qui sont dans le Samadhi. Ceux qui sont dans un état perpétuel d'agitation parcourent inlassablement le nord, l'est, le sud ou l'ouest ne connaissent pas l'expérience acquise de celui demeuré assis là dans le Samadhi.

Les gens ordinaires ne comprennent pas les sages. Ceux qui ne sont pas parvenus au fruit de sainteté ne peuvent connaître l'état des dignes sages. Les sages pénétrés d'une sagesse ordinaire ne peuvent comprendre la grande sagesse de Shariputra, le plus grand sage des disciples du Bouddha. Shariputra était connu comme le grand sage Shariputra mais même lui ne peut pas pénétrer la sagesse des Bodhisattvas. Il est simplement un Arhat et comparé aux Bodhisattvas, sa sagesse est petite. Les Bodhisattvas en général ne peuvent pas connaître l'état des Bodhisattvas successeurs de Bouddha, ceux-ci ne comprennent pas l'état des Bouddhas.

Le Bodhisattva Maitreya est un Bodhisattva successeur. Dans le futur, il deviendra un

Bouddha et succèdera au Bouddha Sakyamuni. C'est pourquoi quand le Bouddha Sakyamuni manifestait des transformations spirituelles, Maitreya ne les a pas comprises et alors surgit dans son esprit la fausse réflexion. Oui, même le Bodhisattva Maitreya peut avoir une réflexion fausse. Il pensait : Le Bouddha Sakyamuni révèle maintenant ces apparitions. Pourquoi ? Quelle en est la raison ? Pourquoi ? Pourquoi ces signes ? En principe les Bodhisattvas ne s'adonnent pas à la réflexion fausse pourtant le Bodhisattva Maitreya eut trois doutes :

1. D'abord, voyant ces transformations spirituelles du Bouddha en se demanda : « Quelle est la raison de ces miracles ? LE BOUDDHA, LE SEUL HONORE DU MONDE ÉTAIT ENTRÉ MAINTENANT DANS LE SAMADHI. CES MIRACLES SONT DES EVENEMENTS INCONCEVABLES ET RARES qui dépassent l'imagination des hommes et qui ne peuvent pas être décrits avec des mots. Personne ne sait ce qu'ils signifient. Que vais-je faire. De pareilles choses n'étaient jamais arrivées auparavant.

2. Deuxièmement, il se demandait à qui il devait demander. A QUI DOIS-JE ME REINSEIGNER ? Qui serait capable de me renseigner ?

3. Surgit alors sa troisième pensée était : « Bodhisattva Manjusri pourrait me renseigner. A qui dois-je demander. LE PRINCE DU DHARMA MANJUSRI DANS LE PASSÉ, ÉTAIT TRÈS PROCHE D'INNOMBRABLES BOUDDHAS ET LEUR A FAIT SOUVENT DE NOMBREUSES OFFRANDES. IL AURAIT SUREMENT VU DE PAREILS SIGNES RARES. JE DOIS LE LUI DEMANDER MAINTENANT. Puisqu'il avait déjà de l'expérience, je vais maintenant le lui demander ». Cette troisième pensée éliminait la deuxième car il a trouvé quelqu'un pour se renseigner.

Sutra : **La dessus les bhikshus, les Bhikshunis, les upasakas et les upasikas ainsi que les dieux, les dragons, les démons, les esprits et**

les autres, tous avaient cette pensée : auprès de qui devrions nous nous renseigner au sujet de la brillante lumière du Bouddha et des signes de pénétrations du Bouddha ?

Commentaire : Ce passage exprime les doutes de l'Assemblée. Non seulement le Bodhisattva avait des doutes mais tout le monde dans l'Assemblée du Dharma en avait aussi. Ils se demandaient ce que le Bouddha allait faire. Les dieux, les dragons, les démons et les esprits ne comprenaient pas non plus. A partir du signe du cheveu blanc, pourquoi le Bouddha émettait-il de la lumière et manifestait-il des pouvoirs spirituels ? A qui devons-nous demander ? C'étaient les deux doutes de l'Assemblée.

1. Ils voulaient connaître la signification des six miracles.

2. Ils se demandaient qui serait capable de fournir des explications les concernant.

Est-ce que le Bodhisattva Maitreya était réellement perplexe devant ces deux questions ?

Avait-il vraiment des doutes ?

Je ne crois pas.

Pourquoi ?

Parce que dans le passé il aurait pu aussi être proche d'innombrables

Bouddhas. Et comprenait très bien la signification de ces apparitions, mais par compassion pour les êtres vivants, il fit semblant d'avoir des doutes et posait des questions pour que toute l'assemblée en profite. Par contre les doutes de l'Assemblée étaient réels, ce passage exprime leur confusion.

(à suivre)



Le Sutra Shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Sutra : **Par exemple, quand quelqu'un met les bols de cristal sur ses yeux, les bols couvrent ses yeux mais n'obstruent pas sa vision. L'organe de vision est ainsi capable de voir et de distinguer les objets à travers les bols de cristal.**

Commentaire : Ananda donner un exemple au Bouddha pour expliquer sa nouvelle version.

Quand quelqu'un place les bols de cristal sur ses yeux, les bols couvrent ses yeux mais n'obstruent pas sa vision.

Ananda emploie l'analogie de quelqu'un qui met des monocles.

Qu'au temps du Bouddha, on appelait des bols de cristal. Les verres couvrent les yeux, mais ceci n'empêche pas les yeux de voir à travers. Dans l'analogie d'Ananda, la conscience est représentée par les yeux et les yeux, où Ananda prétend que la conscience est cachée sont représentés par les verres. Notre esprit, Ananda prétend, est caché dans nos yeux, mais ceux-ci n'empêchent pas notre esprit de voir à l'extérieur.

L'organe de vision est ainsi capable de voir, et de distinguer. C'est-à-dire, dès que vous voyez, votre esprit le sait, la distinction se passe dans l'organe de la vision où l'esprit se cache d'après Ananda. "Cette fois-ci, la Doctrine que j'ai exprimée est

juste." Dit Ananda. Il pense toujours être très intelligent. Voyez comme je suis intelligent. J'ai une réponse à tout ce que le Bouddha me demande. Pourquoi Ananda continue-t-il à faire erreur ? C'est parce qu'il se sert de l'esprit de production pour juger. Quelle que soit la circonstance, il se sert toujours de ses processus réfléchis pour examiner tous les côtés. Ses considérations sont fondées sur sa conscience et il prend la conscience pour le vrai esprit. Il ne sait pas que le vrai esprit existe et n'existe pas et que le vrai esprit est l'essence de la nature. Il est comme celui qui descend le mauvais chemin et plus il va loin, plus il perd son chemin et plus il

s'éloigne du bon chemin, mais il pense toujours qu'il est sur la bonne route. Ainsi il apporte encore une autre analogie à laquelle Bouddha porte son jugement.

Sutra : **Et ainsi, mon esprit qui connaît qui comprend et qui a**

conscience, ne voit pas l'intérieur parce qu'il réside dans l'organe de la vue : Il peut contempler dehors clairement, sans obstruction pour la même raison : il est dissimulé dans l'organe de la vue.

Commentaire : « Et ainsi » se réfère à la doctrine qu'il venait juste d'expliquer. Mon esprit qui connaît, qui comprend et qui a conscience ne voit pas l'intérieur parce qu'il réside dans l'organe de la vue. Pourquoi ne puis-je pas voir



l'intérieur de mon corps ? C'est parce que mon esprit se trouve dans mes yeux. Il peut contempler clairement l'extérieur, sans obstruction, pour la même raison : il est dissimulé dans l'organe. Pourquoi puis-je voir l'extérieur mais pas l'intérieur ? C'est parce que mon esprit, qui se reporte aussi à la vision, au pouvoir de la vision est caché dans l'œil. Alors, il n'y a pas d'obstruction quand je regarde dehors. Si Ananda a raison, alors sa théorie deviendra évidente dans les passages suivants.

Le Bouddha utilise le même Dharma pour montrer que l'analogie est discutable, elle n'est pas juste.

Sutra : le Bouddha dit à Ananda : "en admettant qu'il se cache dans l'organe, comme vous affirmez dans votre analogie des cristaux : quand une personne couvre ses yeux avec des cristaux et regardent les montagnes et les rivières, est-ce qu'il voit aussi les cristaux ?"

"Oui, Seul Honoré du Monde, quand cette personne couvre ses yeux avec des cristaux, il voit en fait les cristaux."

Commentaire : Ayant entendu l'analogie des cristaux d'Ananda, le Bouddha dit à Ananda : "En admettant qu'il se cache dans l'organe comme vous affirmez dans votre analogie des cristaux. Autrement dit, l'esprit se cache dans les yeux. Quand une personne couvre ses yeux avec des cristaux et regarde les montagnes et les rivières, est-ce qu'il voit aussi les cristaux." Quand la personne, dans votre analogie, met des lunettes pour voir, et il voit les montagnes, les rivières et le grand espace de la terre, est-ce qu'il voit ses lunettes.

"Oui, Seul Honoré du monde, quand cette personne couvre ses yeux avec des cristaux, il voit en réalité les cristaux." Quand une personne porte des lunettes, il voit les montagnes, les rivières, l'immense espace de la terre et il voit aussi les lunettes. C'est ce que le Bouddha demande à Ananda et comment Ananda lui répondit.

Sutra : le Bouddha dit à Ananda : "si votre conscience est analogue aux yeux couverts de cristaux, alors quand vous voyez les montagnes et les rivières, pourquoi ne voyez-vous pas vos yeux ?"

Commentaire : Le Bouddha dit à Ananda : "Vous mettez des lunettes vous pouvez voir les montagnes, les rivières et la vaste étendue de la terre et vous pouvez aussi voir les lunettes. Si votre esprit est analogue aux yeux couverts de cristaux, si votre conscience demeure dans votre organe de vision, alors vos yeux sont comme des lunettes dans l'analogie. Ainsi quand votre conscience observe les montagnes, les rivières et la vaste étendue de la terre, alors quand vous observez les montagnes et les rivières, pourquoi ne voyez-vous pas vos yeux ?"

- Quelqu'un peut dire : "Je vois mes yeux."

Je vois aussi mes yeux. Oui, si vous vous regardez dans un miroir, vous pouvez voir vos propres yeux mais vous ne pouvez pas voir vos propres yeux. Les yeux ne peuvent pas voir les yeux eux-même. Et quoiqu'Ananda eût atteint la première étape de la position d'Arhat, ses yeux en chair ne pouvaient pas regarder ses propres yeux non plus.



Alors le Bouddha lui demande : "Vous avez fait l'analogie selon laquelle la conscience était cachée dans les yeux,

comme les yeux couverts de lunettes, n'est-ce pas ? Ainsi vos yeux seraient comme les cristaux dans l'analogie et puisque vous dites que vous pouvez voir les cristaux alors pourquoi ne pouvez-vous pas voir vos propres yeux ?" C'est ce que le Bouddha lui a demandé. (à suivre)

le Mantra Shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra 49.

NA MWO PE CHYE PE DI.

Verset :

Du ciel Tushita il descendit sur terre et entra dans les flancs de sa mère.

Quittant la vie de famille, il réalisa la voie, exerça une pratique rigoureuse.

Tournant amplement la roue du Dharma, il sauva une multitude d'êtres.

A travers son inégalable esprit Bodhi, le juste Dharma fut révélé.

Commentaire : Vous avez entendu expliquer cette ligne plusieurs fois auparavant mais vous pouvez aujourd'hui l'entendre à nouveau. Du ciel Tushita il descendit sur terre et entra dans les flancs de sa mère. Le Bouddha Sakyamuni était resté dans le palais intérieur du ciel Tushita jusqu'à ce qu'il soit temps à son tour de devenir un Bouddha. Lorsque le bon moment arriva de descendre sur terre, il devait choisir qui seraient son père et sa mère. C'était difficile parce que s'il trouva un homme qui soit digne d'être son père, sa mère ne l'était pas. Ou inversement, s'il trouvait une femme qui soit digne d'être sa mère, son père ne l'était pas. Finalement, il alla consulter le roi Riz Pur en Inde. Celui-ci lui conseilla de choisir : Le roi Suddhodana et son épouse : La reine Maya, c'étaient des gens respectables ; ce fut alors, il descendit du Palais intérieur du ciel Tushita dans le monde humain et entra dans l'utérus de sa mère.

Puis il y restait pendant dix mois. Durant ce temps, l'utérus de sa mère était aussi immense qu'un grand pavillon. Là il prêchait du Dharma pour les démons et les esprits. Ensuite il quitta les flancs de sa mère, entra dans le monde des humains, quitta ensuite le palais royal, pour pratiquer la voie. Après avoir pratiqué pendant six ans, la voie ascétique dans la forêt, il réalisa que cette pratique austère ne mène pas à la libération, il quitta cette voie, s'isola dans la forêt, s'installa au pied de l'arbre Bodhi, assis sur un « siège diamant », là, il pratiquait la méditation et parvint à l'illumination suprême de Bouddha. Il aurait pu devenir roi et profiter de la vie royale, mais Bouddha a préféré tout quitter pour mener une vie monastique qui l'a conduit à l'illumination. Après quoi il tournait la grande roue du Dharma pour enseigner et transformer les êtres vivants.

Tournant amplement la roue du Dharma, il a sauvé une multitude d'êtres vivants, le juste Dharma fut révélé. Il sauvait toutes les créatures sensibles. Il tournait la grande roue du Dharma et enseignait les êtres vivants. Après avoir obtenu le suprême, inégalable et parfait Eveil. Il propageait le trésor de l'œil du juste Dharma en enseignant et transformant toutes les créatures sensibles (y compris vous, moi, eux). Grâce à ses profondes racines vertueuses, Bouddha a pu supporter d'immenses amertumes durant la pratique de la voie. Sommes-nous aussi viroureux et vigilants que lui dans notre pratique ?



Parmi les esprits de l'herbe, de l'arbre, de la rivière, de l'océan, certains sont des Bouddhas et des Bodhisattvas qui grâce à leurs pouvoirs surnaturels apparaissent comme des esprits durant un certain temps. D'autres se sont frayés leur chemin pour arriver à cette position en passant par la pratique. De manière analogue, dans l'armée, certains officiers sont élus d'office et d'autres après avoir grimpé toute. Ils obtiennent la hiérarchie leurs positions de diverses manières. Ceux qui sont élus d'office sont ceux qui se manifestent durant un certain temps. Ceux qui ont grimpé toute hiérarchie sont comme ceux qui se frayent leur chemin. Ceux qui se manifestent durant un certain temps n'ont pas besoin que nous nous prosternions devant eux. Ainsi peu importe ce que vous dites, il y a toujours plusieurs points de vue à considérer. Il n'y a pas une manière unique pour expliquer les choses. Jetez un coup d'œil sur les gens ici présents: Certaines ont été ici depuis plusieurs années et d'autres viennent juste d'arriver. Les gens qui ont été ici il y a longtemps peuvent être comparés analogiquement à ceux qui se manifestent provisoirement. Ceux qui viennent juste d'arriver peuvent être comparés analogiquement à ceux qui s'avancent pas à pas. Mais s'il vous arrive de vous manifester



provisoirement, vous ne pouvez pas être arrogant, et dire: Je suis maintenant une manifestation provisoire, vous devriez vous prosterner devant moi ! C'est faux. Et ceux qui se frayent simplement leur chemin ne peuvent pas dire non plus: Eh bien, je suis juste comme vous, pourquoi devrais-je me prosterner ? Si cela arrive, il n'y aura pas de justice.

se frayent simplement leur chemin ne peuvent pas dire non plus: Eh bien, je suis juste comme vous, pourquoi devrais-je me prosterner ? Si cela arrive, il n'y aura pas de justice.

Tous les jours, le nombre de gens qui viennent à la Cité des Dix Mille

Bouddhas s'accroît. De même, un arbre grandit de jour en jour. Il ne grandit pas tout d'un coup. Dans le passé, quand j'étais à Sutter Street, il y a plus de dix ans, il y avait très peu de gens qui venaient. Pendant les Assemblées du Dharma, il y avait seulement trois ou quatre personnes, dix tout au plus. Plus tard dans la Salle de Conférence Bouddhiste il y avait habituellement

huit ou dix, parfois plus. Au monastère de la Montagne d'Or, il y avait plus de vingt personnes qui venaient régulièrement pour écouter les Sutras. Aujourd'hui à la Cité des Dix Mille Bouddhas vous pouvez voir

que chaque fois, il y a plus de quarante personnes qui assistent à des conférences. Jour après jour un développement se manifeste et cela continuera dans le futur – j'en suis sûr. (à suivre)

huit ou dix, parfois plus. Au monastère de la Montagne d'Or, il y avait plus de vingt personnes qui venaient régulièrement pour écouter les Sutras. Aujourd'hui à la Cité des Dix Mille Bouddhas vous pouvez voir que chaque fois, il y a plus de quarante personnes qui assistent à des conférences. Jour après jour un développement se manifeste et cela continuera dans le futur – j'en suis sûr. (à suivre)



Le Mantra de la Grande Compassion

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Mantra : 83. BA TWO YE

Ba Two Ye veut dire “total et plein” selon votre cœur. Par exemple, si je pense que mon atome de poussière ne devrait pas être détruit il ne le sera pas. Si je ne veux qu’aucun des atomes de poussière ne soit détruit, ils resteront parfaitement intacts. Si je récite Nam Syi Man Du Nan Dwo La Ba Two Ye Swo Pe He en espérant qu’il n’y aura pas de tremblements de terre à San Francisco, les grands tremblements de terre deviendront des petits tremblements, et les petits tremblements ne se produiront pas. Résultat : Pas de tremblements de terre, pas de peur. Tout vient du cœur, tout dépend de vous. Si vous y croyez, c’est

merveilleux. Si vous n’y croyez pas, passeriez à côté de quelque chose d’aussi merveilleux.

Mantra : 84. SWO PE HE

« L’accomplissement » ! Qu’est-ce qui est accompli ? Vos désirs, tout ce que vous souhaitez. Quelque soient vos désirs vous les obtiendrez si vous récitez Nam Syi Dyan Du Nan Dwo La Ba Two Swo Pe He. Pour ceux qui ont quitté leur vie de

famille pour se faire moines, quand ils récitent cette phrase. Elle signifie que tout sera parfait, accompli, favorable comme ils le souhaitaient.

Le Sutra du cœur Dharani de la Grande Compassion et le Mantra de la grande compassion ont maintenant été expliqués. L’année dernière, un de mes disciples a expliqué son souhait d’écouter ces Sutras, un an plus tard, l’explication du Sutra et du Mantra a été donnée. J’espère que vous tous, vous obtiendrez tout ce que vous souhaitez selon vos désirs c’est-à-dire que vous serez tous Ba Two

Ye Swo Pe He que tous vos vœux soient exaucés. La force des vœux de chaque personne est différente ainsi que les souhaits.

J’ai un souhait

pour ceux d’entre vous qui ont entendu le Sutra du Cœur Dharani de la grande compassion : j’espère que vous réaliserez bientôt la Voie du Bouddha parce que c’est le désir de ceux qui croient en Bouddha. A ce moment là, tout vous sera favorable, parfaitement accompli selon votre cœur, alors que vous ne l’aviez jamais eu auparavant. (fin)



le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Quand vous récitez les Sutras, si les gens se moquent de vous, vous ridiculisent et vous traitent de superstitieux, une telle insulte ne fait que contribuer au développement de votre conduite vertueuse. Pourquoi les gens vous déshonorent-ils de cette façon ? Pourquoi vous ridiculisent-ils, vous méprisent-ils, et vous traitent-ils de stupides ? En vous traitant de cette manière, ils favorisent la disparition de vos fautes des vies antérieures. Sans ces mauvaises considérations, vos fautes karmiques ne pourraient pas être dissipées. Pourquoi ? “Le Dharma ne s’élève pas seul. En réponse à un état, il est né.” Si vous n’avez pas quelqu’un pour vous ridiculiser, il n’y aurait aucun test pour votre Paramita de la patience. Si vous dites, ” vous me ridiculisez ? C’est vraiment Mahaprajnaparamita !” Et avoir le goût des paroles amères soient aussi sucré qu’ananas (po lo mi, Paramita). Alors vous pouvez arriver à l’autre rive. Alors vous devriez le remercier : “Vous êtes vraiment mon bon conseiller, votre moquerie dissipe mes fautes karmiques. Quand je réalise la Bouddhité ce sera vous qui m’a sauvé.” Si vous pensez à cette façon, comment pouvez-vous avoir de la colère ? Etant naturellement patient aux insultes a été réalisé le Paramita de la patience.

Le texte dit qu’il est certain par cela une particule de doute que les fautes karmiques antérieures d’une personne qui tient ce Sutra et supporte la moquerie, sera dissipé et qu’il obtiendra le fruit du Bouddha de la juste illumination suprême, propre et égal. N’ayez aucun doute. Vous tous qui récitent les Sutras devriez réaliser qu’étant critiqué est excellent. Si vous êtes battus, (prosternez) vous inclinez devant votre bourreau. Dites “Amitabha Bouddha !” vous êtes vraiment un Bouddha. Vous me frappez et mes fautes karmiques antérieures fondèrent comme la neige à la chaleur du soleil.” Avec notre Karma déraciné, vous pouvez certifier au fruit du Bouddha, et obtenir l’Anuttarasamyaksambodhi.

Sutra : **“Subhuti, je me rappelle que dans le passé, depuis des**

Asamkhyeya Kalpas illimités, avant le Bouddha de la Lampe Brûlante, je rencontrais quatre vingt quatre milles de millions de billions de Nayutas de Bouddhas, et fis offrande à eux tous, et les servais tous sans exception. Mais s’il y a une personne à la fin de la période, qui peut recevoir, tenir, lire et réciter ce Sutra, le mérite et la vertu qu’il obtient est cent fois plus, mille fois plus, un million, billion fois plus, au point d’étant si grand qu’il dépasse tout calcul et toute comparaison, que le mérite et la vertu que j’ai eu lorsque j’ai fait offrandes à tous ces Bouddhas.”

Le Bouddha Sakyamuni parlait de lui-même en disant “Je”. Après le Bouddha Sakyamuni atteignait la Bouddhité, il certifia les huit grands aspects indépendant du “Je” :

1. Il pouvait manifester un corps autant de corps.
2. Il pouvait faire preuve d’un corps dont la taille d’un atome de poussière qui remplissait trois milliers de grands milliers de systèmes du monde.
3. Il avait un grand corps qui pouvait flotter et voyager de longues distances.
4. Il pouvait se transformer de manières illimitées.
“De manières infinies” comprennent le corps d’un Bouddha, d’un Bodhisattva, d’un Auditeur de Son, d’un illuminé aux conditions, d’un Dieu, d’un homme, d’un Asura, d’un fantôme, d’un animal, etc.
5. Il avait le fonctionnement mutuel de toutes les facultés du sens. Il peut paraître étrange aux gens qui n’ont jamais entendu les Sutras avant que les yeux peuvent manger, les oreilles peuvent voir, le nez peut parler, et la bouche peut entendre et voir aussi bien que manger.

Toutefois, il est possible pour les six facultés des yeux, des oreilles, du nez, de la langue, du corps et d'esprit pour fonctionner mutuellement à tel point que chacun a les capacités de tous les autres.

6. Il obtenait toutes les lois sans la pensée des lois.

7. Il pouvait parler la signification d'un gatha pendant des Kalpas illimités.

8. Il avait un corps qui pouvait se répondre à tous lieux comme l'espace vide.

Le Bouddha Sakyamuni se rappelait "... des Asamkheya Kalpas infinis avant le Bouddha de la lampe brûlante..." Lorsque le Bouddha Sakyamuni, d'abord, déterminait d'appliquer la voie, il était maître potier nommé magnificence expansive. A ce temps, il y avait un Bouddha dans le monde nommé Sakya Tathagata qui vit que les conditions étaient mûres pour aider le maître potier. Quand le potier de la Magnificence Expansive vit que Sakya Tathagata était venu, il souhaite la bienvenue à lui passionnément. C'était avec grand plaisir qu'il dit, " Ah, moi aussi je vois le Bouddha." Il regarda le Bouddha et puis lui demanda de parler du Dharma. En entendant le Dharma, le potier immédiatement fit vœu : " Bouddha, vous êtes réellement superbe. Dans le futur, lorsque je réalise la Bouddhité, je serai un Bouddha juste comme vous. Mon nom sera aussi Sakyamuni." Il fit vœu de pratiquer la voie devant ce Bouddha. Soixante-quinze mille Bouddhas apparaissaient dans le monde après ce Bouddha Sakya, la dernière d'entre eux était l'Accumula Tathagata des bijoux. La période de ces soixante quinze Bouddhas est appelée le premier Asamkheya Kalpa. La réelle longueur du temps dans ce premier asamkheya Kalpa est certainement incalculable. De l'Accumulation du Tathagata des bijoux au Bouddha de la lampe brûlante est une période dans laquelle soixante seize mille Bouddhas apparaissaient dans le monde, et est appelé le seconde asamkheya Kalpa. Du Bouddha de la lampe brûlante au Bouddha de la contemplation victorieuse est une période dans laquelle les soixante dix sept Bouddhas apparaissaient dans le monde et est appelé le troisième grand asamkheya kalpa. C'était pendant ces trois grands asamkheya kalpas que le Bouddha Sakyamuni pratiquait la Voie pour la réalisation de la Bouddhité.

Pas conséquent le Bouddha dit, « avant le Bouddha de la Lampe brûlante, je rencontrai quatre-vingt quatre milliers de millions de billions de Nayutas de Bouddhas, et fis offrandes à eux tous et leur servais tous sans exception. »

A travers cette longue période de la culture du Bouddha Sakyamuni ne manquait jamais à servir aux Bouddhas qui apparaissaient dans le monde. Il fit offrandes à eux tous.

Toutefois le Bouddha montra de plus que "S'il y a quelqu'un vers la fin de l'âge du Dharma qui peut recevoir le Sutra avec son cœur et le tenir avec son corps et qui peut le lire ou le réciter, son mérite et sa vertu est plus grand que le mien d'ayant fait offrandes pendant trois grand asamkheya kalpas à tous les quatre vingt quatre mille de millions de nayutas de Bouddhas, pendant plusieurs centaines, milliers, million, billion de fois. Ni calcul, ni analogie, ni comparaison ne peut adéquatement l'exprimer.

"Subhuti, si je devais exprimer entièrement le mérite et la vertu d'un bonhomme, ou une bonne femme, qui à la fin de la période reçoit, tient, lit, et récite le Sutra, ceux qui entendaient pourraient être fou et refuser de croire. Subhuti, vous devriez savoir que la signification du Sutra est inconcevablement, et que son châtement résultant est aussi inconcevable.

"Subhuti, vous devriez savoir que si je (devais par) avais à parler en détail du mérite et vertu obtenu par un bonhomme ou une bonne femme qui reçoit et garde les cinq préceptes et pratique les dix bonnes actions, et qui reçoit, maintient, lit et récite le Sutra Vajra, et si j'avais à faire éloges le mérite et la vertu du Sutra, ceux qui entendaient mes éloges ne croiraient pas. Ils deviendraient fous, confus, sceptiques et plein de doute." Dans le langage chinois, le mot doute est exprimé en deux mots "le doute du renard". Le renard, qui (apparaît) semble être très malin, est en fait tout à fait stupide, parce qu'il existe dans un état incessant de doute. Par exemple, quand un renard traverse une rivière gelée, il met une jambe avec précaution et puis s'arrête pour écouter. Il attend pour entendre si la glace craquera sous le poids de son corps avant de (mettre les deux) prendre le prochain pas. Doutant à chaque pas de la route, il fait sa traversée avec grand soin. (à suivre)

le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

SUDDHIPANTHAKA

SUDDHIPANTHAKA et MAHAPANTHAKA étaient frères. Le nom de SUDDHIPANTHAKA veut dire, « Petit au bord de la route » et le nom de son grand frère signifie « Le grand au bord de la route ». En Inde, c'est la coutume pour des femmes qui vont donner naissance de rentrer chez leurs parents. Mais la mère MAHAPANTHAKA ne voulait pas rentrer et alors elle attendait jusqu'à la dernière minute pour partir. Par conséquent, son fils était né sur le bord de la route.

Lorsque le temps est venu pour mettre au monde son deuxième enfant, elle devait avoir mieux su, mais de nouveau elle attendait. Il se passait de nouveau, et son deuxième enfant était appelé « Le petit au bord de la route ».

Quoique nés dans des circonstances semblables, les deux frères étaient très différents en nature. Le frère aîné était remarquablement intelligent, mais le plus jeune était remarquablement bête. Il était si stupide qu'il ne pouvait même pas se souvenir d'une demi-ligne d'un vers.

Le Bouddha avait instruit cinq cents Arhats pour lui enseigner un vers, et ils se relayaient jour et nuit essayant de lui enseigner.

« Gardez votre bouche, unissez votre esprit,
A votre corps, ne pêchez pas.

Ne chagrinez pas un seul être vivant.

Restez loin des pratiques amères non avantageuses.

Vous comportez comme ceci peut sûrement sauver le monde ».

Les trois Karmas du corps, de la bouche et de l'esprit devraient être parfaits. Ne causez pas des afflictions aux autres et ne pratiquez pas les pratiques ascétiques qui ne sont pas en accord avec le Dharma. Ces pratiques amères non-avantageuses comprennent le maintien de la moralité des chiens ou des vaches, vénérant le feu, dormant dans les cendres et dormir ou s'asseoir sur les lits de clous qui, évidemment, fait beaucoup de mal. Celui qui pratique la

vertu et en même temps évite ces pratiques dénuées de sens peut vraiment sauver le monde.

Pendant plusieurs jours, les cinq cents Arhats joignent leurs grands pouvoirs spirituels pour essayer d'enseigner au Petit Bord de la Route le poème. Ils lui ont appris maintes et

maintes, maintes et maintes fois et il l'oubliait. « Récitez le poème », disaient-ils.

« Mais je ne peux pas me souvenir », répondrait le Petit Bord de la Route. Finalement, son frère l'a grondé. « Vous n'êtes bon à rien ! », cria-t-il. « Vous ne pouvez pas quitter la maison. Vous êtes inutile ! », et il l'a chassé.

Le Petit Bord de la Route ne peut pas avoir beaucoup de mémoire mais il avait certainement de la trempe. « Si vous ne me laissez pas me faire religieux, » cria-t-il, « je vous montrerai ! je me tuerai ! ». Il empoigna



une corde, courut dans le jardin derrière et grimpa sur un arbre, prêt à se pendre.

A ce moment là, le Bouddha SAKYAMUNI se transforma en un esprit d'arbre et lui expliqua le Dharma. « Votre frère est votre frère », dit-il, « et vous êtes vous. Il dit que vous ne pouvez pas vous faire religieux, mais vous ne devez pas l'écouter. Vous pouvez pratiquer maintenant. Pourquoi devriez-vous vous tuer ? ».

« C'est logique ! » Renifla le Petit Bord de la Route. « Il est lui et je suis moi. Il n'a pas le droit de me dire que je ne peux pas me faire religieux ».

« Juste ! », dit le Bouddha SAKYAMUNI. « Puisque vous ne pouvez pas vous souvenir d'un demi-poème, je vous donnerai deux mots, « Balayer propre ». Rappelez-vous de ces deux mots et les utiliser pour balayer votre cœur au propre. Nettoyez le plancher et nettoyez votre cœur libre de la poussière ».

Le Petit Bord de la Route dit, « Oui, je balaierai mon cœur, balayer... quoi ? ».

« Propre », dit le Bouddha, « balayer propre ».

« Oh oui », dit le Petit Bord de la Route. « Propre. Quel était le premier mot déjà ? ».

« Balayer », souriait le Bouddha.

"Nettoyer à propre" ! dit le Petit Bord de la Route et il récitait et balayait en rappelant les indications du Bouddha pour nettoyer son cœur à propre. En moins d'une semaine, tout d'un coup, il était illuminé, comprit tout très nettement, pénétra la vraie Réalité de tout Dharma et était même plus intelligent que son frère.

Le Petit Bord de la Route n'était pas comme nous. Nous récitons « Namo Amitabha Bouddha » tous les jours, mais plus nous récitons, plus nous avons la fausse réflexion. Si les gens stupides travaillent dur et pratiquent, ils peuvent aussi devenir illuminés. Ne dites pas, « Je suis trop stupide pour comprendre les Sutras ». Si vous ne les comprenez pas, ne les lisez pas ; il suffit de contempler, observer votre cœur, et quand vous l'avez vu clairement, vous serez illuminé. Comment devriez-vous observer votre propre esprit ? Pensée ? Observez attentivement la fausse réflexion et balayez-la hors de votre pensée. Alors vous pouvez être illuminé.

Le Petit Bord de la Route, stupide comme il était, est devenu éveillé. Nous sommes tous beaucoup plus intelligents que lui, et pourrons sans aucun doute

nous souvenir « Balayer à propre » en l'entendant seulement une fois. Alors, ne vous dupez pas ou prenez à la légère. Avancez courageusement et étudiez la doctrine du Bouddha.

Devais-je parler le Dharma le plus merveilleux, à moins que vous l'ayez cru, il serait inutile pour vous. Mais si je disais de grandes bêtises, vous devriez vraiment pratiquer, il serait le merveilleux Dharma. Si vous ne pratiquez pas le merveilleux Dharma, il n'est pas merveilleux pour vous. Vous devez toujours faire des progrès vigoureux. Ne tombez pas en arrière ou être paresseux. Ceci est plus important, si vous pouvez toujours faire des progrès, le jour viendra certainement quand vous reconnaîtrez votre visage original.

NANDA

Il y avait trois disciples avec le nom « Nanda » : Ananda, SundarAnanda et Nanda. NANDA, dont le nom signifie « La totale bénédiction » était un bouvier avant qu'il entendit le Bouddha parler et décida de quitter la vie de famille. Il doit être différencié d'ANANDA, le premier cousin du Bouddha et SUNDARANANDA, le petit frère du Bouddha.

Avant de quitter la vie de famille, NANDA était un bouvier. Quand il a écouté le Bouddha prononcer les onze façons de mener les vaches, utilisant la garde des vaches comme une analogie pour la pratique de la Voie, NANDA savait que le Bouddha possédait toutes les connaissances et il a décidé de quitter la vie de famille et peu après atteint le feu de l'illumination.

Une fois, le Bouddha a instruit NANDA de prêcher pour un groupe de cinq cents Bhiksunis. L'entendant parler, elles atteignent toutes l'état d'illumination. Dans le passé, les cinq cents Bhiksunis avaient été des concubines d'un roi. Le roi était un grand protecteur du Dharma et il a construit une grande pagode en honneur d'un Bouddha. Les concubines ont cru en Bouddha et ont fait offrandes tous les jours à la pagode, faisant vœu qu'elles obtiendraient toutes dans le futur la libération avec le roi. Le roi était une incarnation antérieure de NANDA. (à suivre)

Le Sutra en Quarante Deux Chapitres Parle par le Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

"Il est difficile d'étudier la voie quand on est honore et riche".

"Honore" veut dire d'avoir le statut légal et l'influence sur beaucoup de gens. Vous êtes très riche et honore, alors bien sûr votre vie est très agréable. Ce n'est certainement pas aussi difficile qu'il était pour le couple que je venais de parler qui n'avait rien d'autre à l'exception d'un pantalon. Vous avez beaucoup de vêtements pour vous vêtir et beaucoup d'argent pour dépenser et de plus vous avez des relatifs très hautement places et des amis influents. Si c'est votre position dans la vie, ce sera très difficile d'enseigner pour quelqu'un de vous, comment pratiquer la voie, de quitter la vie de famille et d'étudier la voie.

Pourquoi? Parce que vous avez tout ce que vous voulez et tout vous est si agréable, vous êtes très indépendant. Vous habitez dans une maison comme le palais d'un empereur et vous mangez les choses que la plupart des gens ne peuvent se permettre. Vous mangez les délicatesses les plus rares. Ce n'est pas une chose facile pour les gens comme cela de pratiquer la voie.

"Il est difficile de renoncer à la vie et d'affronter la certitude de la mort."

Il y a deux façons de regarder cela. Il peut signifier que peut-être vous ne voulez plus vivre, mais que même si ce n'est pas pour sûr que vous puissiez mourir. Par exemple, vous voulez vous suicider et vous prenez des somnifères mais vous n'en prenez pas suffisamment et vous êtes toujours en vie. N'est-ce pas une difficulté?

Il y a une autre façon d'expliquer cette partie. Peut-être que vous voulez vivre, mais se rendre compte qu'il est impossible de trouver un moyen pour prolonger votre vie indéfiniment. Tout le monde mourra. Personne ne peut dire qu'elle peut vieillir pour toujours et ne meure jamais. Et ainsi, on dit qu'il est difficile de renoncer à la vie et affronter la certitude de la mort.

"Il est difficile de rencontrer les Sutras Bouddhistes".

Vous ne devriez pas regarder légèrement le fait que vous puissiez entendre les Sutras et lire les livres. Ceci n'est pas une chose simple. C'est quelque chose qui est difficile à rencontrer dans un certain millier de million de périodes cosmiques.

Le merveilleux Dharma, subtile et sans égal
Est difficile à rencontrer pendant des millions de périodes cosmiques

Maintenant que nous le voyons et l'entendons personnellement

Et sommes capable de le recevoir et de le maintenir (conserver)

Nous devrions faire voeu de comprendre la vraie, Et véritable signification du Tathagata.

Songez-y bien, ce n'est pas facile de rencontrer les Sutras Bouddhistes et il est aussi difficile d'obtenir le corps humain. Et cependant, dans cette vie nous avons obtenu un corps humain, avons rencontré les Sutras Bouddhistes et avons écouté les conférences. Ceci est le résultat des bonnes racines que nous avons planté à travers des périodes cosmiques illimitées dans le passé, ceci n'est pas facile.

"Il est difficile d'être né au temps d'un Bouddha."

Cela n'est pas aussi facile pour nous qu'étant donné que le Bouddha ait été dans l'extinction totale mais que son enseignement demeure toujours. Alors nous pouvons toujours étudier le Bouddhisme et y appliquer ceci est très favorable.

"Il est difficile de souffrir la convoitise et le désir."

Le sexe signifie la convoitise. Le sexe et le désir, l'amour émotif et le désir entre homme et femme n'est pas un effet simple de s'en débarrasser car la plupart des gens ressentent qu'il est naturel que l'homme et la femme se marient. Ainsi, il n'est pas facile d'être patient avec l'impulsion sexuelle et le désir et n'être pas affecté par les circonstances liées entre eux. Vous êtes patient la première fois, patient la deuxième fois et puis vous ne pouvez plus être patient; vous ne pouvez résister à votre désir et vous êtes mis sens dessus-dessous.

"Il est difficile de voir les bonnes choses et ne pas les rechercher".

Quiconque voit quelque chose de bonne la veut et c'est cupide. Alors, si on voit quelque chose de bonne et n'en pas être avide, c'est vraiment difficile.

"Il est difficile d'être insulté et ne pas se mettre en colère."

Par exemple, sans raison quoique ce soit, quelqu'un vous frappe soudainement ou vous insulte ou vous gronde. Il dit "Vous êtes vraiment horrible, affreux!". Si à ce moment, vous ne vous mettez pas en colère, si dans votre esprit c'est comme si rien n'était, ce n'est pas facile, mais si vous pouvez le faire, alors, vous quelqu'un qui a vu de dures.

"Il est difficile d'avoir du pouvoir et ne pas en abuser."

Par exemple, il se peut qu'un officier décide qu'il aime tuer quelqu'un et qu'il le fait alors. Cela est abuser du pouvoir. Vous usurpez sur les droits de quelqu'un d'autre. Ne pas abuser du pouvoir est de l'avoir et toujours respecter les gens. Alors vous ne tuez pas par hasard les gens ni les opprimer. S'abstenir d'abuser du pouvoir est bien mais ce n'est pas facile.

"Il est difficile d'entrer en contact avec les choses et ne pas avoir y penser."

Quoi qu'il se passe, ce n'est rien. Vous allez tout droit et le négocier. Si quelque chose se passe, encore moins d'être un problème. Lorsque vous rencontrez une situation, vous réagissez et quand la situation cesse d'exister, vous demeurez calme, restez silencieux. Les problèmes surviennent et vous réagissez, les problèmes disparaissent et vous restez calme, silencieux, on appelle cela avoir aucune pensée. Il n'y a aucune attache et il n'y a aucune fausse pensée.

"Il est difficile d'être grandement savant et largement informé."

Ceci veut dire faire beaucoup d'études et de recherches n'est pas aussi facile.

"Il est difficile de se débarrasser de la satisfaction de soi-même."

Tout le monde a l'autosatisfaction et si vous voulez l'en débarrasser, l'extirper, vous remarquerez que ce n'est pas facile.

"Il est difficile de traiter les gens qui n'ont pas encore étudié."

Ceux qui ont quitté la vie de famille devraient savoir à propos de ça, vous ne voulez pas traiter les

gens qui n'ont pas encore étudié l'enseignement du Bouddha. Vous ne les méprisez pas et n'êtes pas impoli. Si vous rencontrez quelqu'un qui ne comprend pas l'enseignement du Bouddha, vous devriez employer toutes sortes de méthodes pour les enseigner et les transformer. Dans le Bouddhisme, il y a une liste de quatre choses que vous ne pouvez ignorer. Le Bouddha les parlait souvent.

La première est un feu. Même si c'est petit, vous ne pouvez pas y être insouciant et l'ignorer. Si vous ne le faites pas attention, il est probable qu'il enflamme/brûle tout.

La deuxième est un dragon. Même si un dragon est petit, vous ne pouvez pas l'ignorer car il peut se passer du petit au grand et parce qu'il a des pénétrations et transformations spirituelles.

La troisième est un prince. Bien qu'il peut être jeune, vous ne pouvez l'ignorer parce que comme fils d'un roi, il est probable qu'il soit roi lui-même à l'avenir.

La quatrième est un Shramana. Bien qu'il soit petit, vous ne pouvez le négliger car à l'avenir il deviendra un Bouddha.

Ainsi, vous ne devriez pas traiter ceux qui n'ont pas encore étudié l'enseignement de Bouddha. Cependant, bien que vous ne devriez pas les traiter, ce n'est pas facile.

"il est difficile de pratiquer l'égalité de l'esprit."

Pour pratiquer la compassion et l'égalité avec l'esprit n'est pas facile. Cependant, vous devriez vous avancer et le faire.

"Il est difficile de ne pas parler des biens et des maux."

Pour la plupart, les gens aiment discuter du bien et du mal. N'ayant pas à parler de ceci est chose très difficile à faire, mais vous devez apprendre à l'éviter.

"Il est difficile de trouver/rencontrer un bon conseiller."

Trouver veut dire qu'il est dur de rencontrer un bon conseiller. Interrogez votre propre pratique de la voie : la plupart des gens que vous rencontrez sont embrouillé et confus. Un bon conseiller n'est pas embrouillé. Il ne vous permettra pas de descendre la mauvaise route. Les gens qui appliquent la voie devraient certainement écouter les instructions d'un bon conseiller. Si vous écoutez un bon conseiller, préalable à votre propre certification à la

réalisation, si vous écoutez vous-même, si vous acceptez simplement vos propres instructions, vous faites une erreur. Si vous faites de cette façon, vous êtes perdu. Vous serez éventuellement retombe dans les obstructions du démon. Ainsi, vous devriez définitivement ..??? .. vers un bon conseiller et écoutez ses instructions, donc, il est difficile de trouver un bon conseiller.

"Il est difficile de voir sa propre nature et étudier la voie."

Ce n'est pas facile pour les gens d'étudier la voie pour comprendre leur esprit et voir leur nature. Si vous voyez votre nature à travers votre étude de la voie, vous avez fait ce qui n'est pas facile de faire.

"Il est difficile de se transformer par voies appropriées, pour guider les êtres humains à l'illumination."

Pour choisir la bonne voie pour faire sortir les gens des problèmes.

"Il est difficile de voir un état et ne pas être ..??"
N'importe quelle situation que vous rencontrez ..??"

"Il est difficile d'avoir une bonne habilité de compréhension."

Pour comprendre les significations convenables, devrait être..??"

(à suivre)

le sutra du sixième fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Texte : Il grandissait, et à 24 ans, il entendit le Sutra (Le Sutra du Prajna Paramita Vajra, appelé aussi le Sutra de Diamant.) et éveillait la voie. Il allait à Huang Mei pour chercher le sceau de l'approbation.

Commentaire : certains disent que le Sixième Patriarche avait 24 ans, d'autres disent qu'il avait

22 ans. Quand les chinois comptent, il avait 24 ans et quand les occidentaux comptent, il avait 22 ans. S'il avait 22 ans ou 24 ans n'est pas vraiment important.

Quand le Sixième Patriarche entendit le laïc réciter le SUTRA du DIAMANT et arriver à la ligne : « On ne devrait pas produire cette pensée qui n'est nulle part supportée ». Le Sixième Patriarche dit : « Oh ! Ne pas supporter nulle part ! » Il fut immédiatement éveillé.

Un grand nombre de gens avait entendu le SUTRA DU DIAMANT, mais aucun d'entre eux n'était devenu éveillé. Maintenant, à l'Ouest, peut-être quelqu'un entendra : « On devrait produire cette pensée qui n'est nulle part supportée » et en comprenant le principe, devint éveillé. C'est ce que j'espère. Si oui ou non, cela se produira réellement, est une autre affaire.

Après être devenu éveillé, il ne disait pas : « Ha ! je suis éveillé ». Il n'était pas comme les gens d'aujourd'hui qui ne comprennent même pas la largeur d'un cheveu du Dharma du Bouddha, prétendent pourtant être éveillés.

Les anciens, même où ils étaient devenus éveillés, ne disaient imprudemment : « Je suis éveillé ! » Même moins les gens qui n'étaient pas devenus éveillés, prétendaient voir fait. Il est nécessaire de chercher la certification chez un bon conseiller savant, une personne qui est déjà éveillé. C'est pourquoi le Sixième Patriarche allait à Huang Mei pour chercher le sceau de certification du Cinquième Patriarche.

Les anciens éveillés ne tentaient pas à certifier eux-mêmes. Aujourd'hui, il y a pourtant ceux qui ne sont pas devenus éveillés et disent pourtant qu'ils sont. L'Eveil et le non-éveil sont aussi différents que le ciel et la terre.

De plus, beaucoup de jeunes gens naïfs prennent des produits stupéfiants et prétendent être « allés dans le vide ». les démons embrouillés, en se faisant passer pour des bons conseillers savants, les certifient en disant : « Oui, vous avez atteint la vacuité. Cependant, il n'y a pas de place pour vous pour vivre dans la vacuité. RETOURNEZ. Venez vers moi. J'ai des bâtiments et des maisons ; j'ai une commune ! »

Les jeunes gens disent : « Ce n'est pas mal du tout ! » Ils prennent les démons pour leurs maîtres. En fin de compte, ces « mauvais conseillers savants » ne connaissent pas eux-mêmes s'ils sont réels ou faux. Vous et moi ne connaissons pas non plus.

Mais, maintenant, vous devriez vous servir des Sutras pour la certification. Les Sutras ne disent pas qu'une personne folle a une commune dans l'espace. Même si les fusées vont maintenant vers la lune, les établissements de l'espace n'ont pas encore été construits.

Maintenant, nous sommes extrêmement occupés. Le matin, tout le monde se lève à quatre heures pour réciter les Sutras. Nous sommes occupés à construire des maisons sur terre, pas dans le ciel. Pourquoi ? Nous sommes des gens sur terre et alors, nos maisons devraient être bâties sur la terre. Nous fabriquons nos corps en des corps de Vajra indestructible. Nos corps sont nos maisons, mais parfois, ils vont mal. Maintenant du matin au soir, nous sommes occupés à les construire, à les cultiver pour être enfin comme les corps de vajra indestructible.

Avec un corps de vajra indestructible, vous pouvez aller partout où vous voulez. Vous pouvez entrer dans l'espace vide, jusqu'aux cieux ou au palais du Roi-dragon. C'est très simple et vous n'avez pas besoin un passeport ou un plan. Vous êtes libre de quitter à votre bon plaisir. Mais vous devez construire d'abord votre corps indescriptible. Alors, vous pouvez le faire.

Texte : Le cinquième Patriarche mesurait sa capacité et transmettait la robe et le Dharma afin qu'il héritait du système patriarcal. La période était la première année de la période de règne de Lung Shuo, l'année cyclique de Hsin Yu (A.D. 661).

Il retournait au Sud et se cachait pendant 16 ans.

Commentaire : Après avoir quitté Huang Mei, le Sixième Patriarche n'avait aucun lieu en sécurité pour vivre. Parce que les disciples de Shen Hsiu et les compagnons des religions non-Bouddhistes désirent lui faire mal, le Grand Maître allait vivre avec les chasseurs pendant 16 ans.

Pendant ce moment, personne ne savait qu'il était le sixième patriarche. Il travaillait dur pour pratiquer la méditation Dhyâna en veillant les animaux et les oiseaux que les chasseurs avaient attrapé et en libérant secrètement ceux qui avaient été légèrement blessé et pouvaient encore voyager seuls. Il consacrait beaucoup de temps pour

pratiquer et perfectionner son talent, car personne ne venait le déranger.

Si vous ne pratiquez pas vraiment, tout est facile, mais si vous pratiquez réellement, les obstacles du démon s'élèvent des quatre coins et des huit directions. Des circonstances inattendues prédominent et les choses que vous n'avez jamais rêvées, pouvaient se produire.

Pendant ses seize ans avec les chasseurs, le Sixième Patriarche demeurait sans dérangement, vivre juste comme eux. C'est vraiment une cachette. Il ne cherchait pas la réputation ou le profit et il n'essayait pas de tirer l'avantage des circonstances. Il pratiquait la vraie pratique.

Texte : Le 8è jour du premier mois de la première année de la période de règne de I Feng (A.D. 676), l'année cyclique de Ping Tsu, il rencontra Maître Dharma Yin Tsung. Ils discutaient ensemble le profond et le mystérieux, et Yin Tsung devenait éveillé et s'unissait à la doctrine du Maître.

Commentaire : Ils discutaient longtemps en se contestant le principe. Qui demanda à qui ? Maître Dharma Yin Tsung demanda au Grand Maître, le Sixième Patriarche. Le Grand Maître avait résolu la dispute sur si le drapeau ou le vent agitait, en expliquant que c'était l'esprit qui agitait, et Maître Dharma Yin Tsung avait été stupéfié d'entendre un laïc parler d'une telle profonde et merveilleuse manière. Il descendait de son fauteuil de dharma et accompagnait le Sixième Patriarche dans sa chambre pour un bavardage. « D'où venez-vous et comment vous appelez-vous ? » demanda-t-il. Maître Dharma Yin Tsung savait que ce laïc était un disciple qui entre dans la chambre du Cinquième Patriarche, celui à qui le Cinquième Patriarche avait transmis le Dharma. Il se prosternait immédiatement au pied du Grand Maître. Ils étudiaient ensuite le profond et le mystérieux ; ils parlaient du vent et du drapeau. Jusqu'à son discours avec le Sixième Patriarche, Maître Dharma Yin Tsung n'avait pas compris correctement le principe de l'école Dhyâna.

Texte : Le 15^e jour de ce mois, à la rencontre de toutes les quatre Assemblées, la tête du Maître fut rasée. Le 8^e jour du 2^e mois, tous ceux de la vertu bien connue se réunissaient pour transmettre les préceptes complets. Maître Vinaya Chih Kuang de Hsi Ching était le transmetteur de préceptes.

Commentaire : Durant la semaine du 8^e jour jusqu'au 15^e jour du premier mois, Maître Dharma Ying Tsung réunissait les quatre Assemblées ensemble : les Bhikshus, les Bhikshunis, les Upasakas et les Upasikas. Le but de la rencontre était de raser la tête du Maître pour qu'il ait pu quitter la vie de famille et devenir un Bhikshu.

Les gens quittent la maison pour des raisons différentes. Certains trouvent qu'il est différent d'obtenir la nourriture et le vêtement. Ils voient que ceux qui ont quitté la maison ont grandement de quoi vivre, et alors ils quittent la maison, ils peuvent donc manger et être vêtu. Les autres quittent la maison parce qu'ils sont vieux et n'ont pas d'enfants. Ils pensent : « Je me ferai religieux et prendrai un jeune disciple qui me prendra soin comme un fils ferait ». On ne sait pas si les gens deviennent religieux pour ces raisons, peuvent réellement pratiquer.

D'autres deviennent religieux parce qu'ils sont des bandits. Ils quittent la maison et rasent les cheveux pour que le gouvernement ne les trouvera pas et coupera leurs têtes ! D'autres deviennent religieux quand ils sont jeunes, mais on ne sait pas s'ils peuvent pratiquer.

Certaines personnes ont « des croyances embrouillées ». Même s'ils croient encore et cela est bien. Par exemple, les parents d'un enfant malade peuvent dire : « L'enfant peut mourir de maladie. Nous devrions le donner au temple et il peut devenir un Bhikshu et nous pouvons venir lui rendre visite. C'est mieux que de le laisser mourir ! » Alors, par cette croyance embrouillée, les parents donnent leur enfant au temple.

Les gens de croyance confuse ne sont pas nécessairement mauvais, mais les gens qui « croient en des principes embrouillés » ne sont définitivement pas bons. Ils ont foi, mais elle est

mal placée. Il s'agit de la confusion dans la confusion et ce n'est pas bien.

D'autres sont « confus et sans croyance. » Dans leur confusion, ils ne croient en rien. Finalement, il y a les croyants et les sans confusion. « Ces gens étudient le Dharma du Bouddha avec un cœur loyal jusqu'à ce qu'il ne sont plus confus ».

Parmi ces quatre derniers types de gens qui ont quitté la maison, on ne peut pas dire qu'aucun d'eux ne sera capable de pratiquer, ni on ne peut dire avec certitude qu'ils ne peuvent pas. Peut-être, seulement un ou deux pour cent peut pratiquer le Dharma. Cependant, si vous déterminez d'obtenir l'éveil pour finir la naissance et la mort, vous pouvez sûrement pratiquer en quittant la maison.

De plus, il y a ceux qui n'ont plus de famille et alors quittent leur vie mondaine.

Certains quittent la maison des trois mondes : le monde de désir, le monde de la forme et le monde de la sans forme. Une fois, hors de ces trois mondes, il n'y a pas de conscience des désirs, des formes et des non-formes. A cause de leur non-attachement, ces gens voient que les trois mondes comme vide, et alors il est dit qu'ils ont quitté la maison des trois mondes.

D'autres quittent la maison des afflictions. Il est essentiel de laisser derrière les afflictions. Si vous ne les coupez pas, vous pouvez quitter la maison, mais vous ne pouvez pas connaître la voie.

Le Sixième Patriarce ne peut pas être mis dans une de ces catégories, car il était un cas spécial. Il avait atteint la maîtrise et alors si oui ou non il quittait la maison, cela ne faisait aucune différence. Même, quand il semblait être un laïc, il pratiquait la conduite profonde d'un Bodhisattva et il ne se comportait pas comme un laïc. De cette manière, son acte de devenir moine ne ressemblait pas à celui des autres dans l'assemblée.

Le 8^e jour du deuxième mois est le jour où Bouddha Sakyamuni quittait la famille. Les maîtres Dharma chinois et les maîtres Dharma indiens sont venus pour administrer les préceptes complets pour le Sixième Patriarce.

Maître Dharma Yin Tsung invitait Maître Dharma Chih Kuang de Hsi Ching pour administrer les préceptes complets pour le Sixième Patriarce. Hsi Ching est un autre nom pour Ch'ang an.

La personne qui administre les préceptes est appelé Le Transmetteur de précepte. Les

préceptes ont une substance, une marque et un dharma. Si vous désirez une explication plus détaillée, même les belles discriminations peuvent être faites.

Je n'utilise pas le commentaire de Ting Fu Pao parce qu'il est souvent faux. Dans ce cas, il dit que les trois personnes sont exigées pour administrer les préceptes, tandis qu'on a seulement besoin d'un seul. A cette époque, Maître Dharma Chih Kuang agissait comme Le Transmetteur.

Chih Kuang était aussi un Maître Vinaya, celui qui étudie avec assiduité les préceptes et comprend entièrement les règles. Marcher, rester debout, s'asseoir et s'allonger, dans chacun de ces quatre grands comportements il doit se comporter de manière impressionnante, n'osant pas s'écarter pendant l'espace d'un seul pas. Tout mouvement qu'un Maître Dharma fait, doit être en accord avec les règlements. Cependant, le SUTRA SHURANGAMA dit : « sévère et pur en Vinaya, ils sont des nobles modèles pour le Triple Monde. » (à suivre)

Le Mantra de l'Immense Compassion neutralise les accidents

Les bienfaits vrais et justes se manifestent parfois difficilement.

**Comme celui qui boit de l'eau,
Lui, seul, sentira la température de cette eau.**

Malgré la chaleur excessive, le long trajet, la hauteur de cette montagne, vous venez tout de même participer à ce Séminaire, cela prouve qu'il doit y avoir quelque utilité. La vraie et juste utilité parfois se manifeste difficilement. Comme celui qui boit de l'eau, lui seul sentit la température de cette eau. De même, seule, la personne d'un tempérament sincère et dévoué arrive à pénétrer cette connaissance si merveilleuse.

Comment faire pour acquérir cette connaissance ? Rien, en dehors du fait d'invoquer en récitant d'un cœur absolument sincère, le Nom du Boddhisattva. L'esprit sincère c'est précisément l'esprit absolument concentré. C'est pourquoi, on dit :

Báo Phât Pháp/Bouddhadharma 37-08/2010

« L'esprit concentré communique, par contre, l'esprit dispersé bloque ». Quand l'esprit se concentre absolument, on communique naturellement. Cette communication spirituelle est fondamentalement inexprimable et indiscutable. Néanmoins, on peut y arriver, si on s'efforce de tout son cœur, personne ne peut le faire à votre place, encore moins, n'espérez pas l'obtenir par la chance.

De même : « En discutant de la gastronomie ou en comptant l'argent appartenant aux autres ». On a beau discuter de la valeur nutritive des aliments, mais sans jamais en manger, alors quelle que soit la valeur nutritive de ces aliments, on ne peut pas en profiter. C'est pourquoi, on dit :

« Comptant l'argent appartenant aux autres, on n'obtient aucun centime »

« Apprenant le Bouddhadharma sans le pratiquer, on commet la même erreur »

Il en est de même à propos de la récitation du Nom du Bouddha. Il ne suffit pas de connaître ou de discuter des avantages bénéfiques de la récitation du Nom du Bouddha, mais il faut se lancer personnellement dans la pratique, réciter d'un esprit absolument concentré, à tel point qu'on n'entend plus rien, ni l'écoulement de l'eau, ni le souffle du vent, rien que la récitation du Nom du Bouddha dans nos oreilles. D'où il a été dit :

« Tout être vivant sensible ou insensible »

« Est capable de sentir ce Merveilleux Dharma du Grand Véhicule »

Si nous n'arrivions pas à nous concentrer de cette façon, même si le vent soufflait légèrement, l'eau s'écoulait doucement, il nous serait impossible de sentir cet état merveilleux. C'est la raison pour laquelle, nous devons nous y investir entièrement, d'un cœur absolument sincère sans nous laisser entraîner par nos pensées embrouillées, illusoire, nous récolterons alors des effets bénéfiques du Dharma.

Pendant le Séminaire, nous devons nous plier aux disciplines du Séminaire. Car, sans discipline, on ne réussira jamais, et la discipline de la pagode Tây-Lạc-Viên interdit tout bavardage, afin de ne pas gêner les autres pratiquants.

Durant ces sept jours, nous récitons aussi : « Le Mantra de l'Immense Compassion ». Les mérites

de ce Mantra sont indiscutables et inconcevables. Toute personne qui n'a jamais semé de bonnes causes, n'a aucune chance d'entendre ces trois termes : « Mantra de l'Immense Compassion ». Aujourd'hui, non seulement, vous pouvez l'entendre, mais vous pouvez aussi le lire, le réciter, l'appliquer, l'exercer, cela prouve clairement que vous avez planté suffisamment de bonnes causes. Vous ne pouvez pas Le sous-estimer, ni LE laisser passer sans vous en tenir compte, ce serait du gaspillage, ce serait vraiment dommage !

Je me rappelle lors du premier Séminaire, sur dix fidèles pratiquants, huit ou neuf n'étaient pas capables de réciter par cœur le Mantra de l'Immense Compassion. Mais aujourd'hui, huit sur dix sont capables de LE réciter par cœur. Cela prouve que vous avez beaucoup progressé. Pour prouver les mérites de ce Mantra, je vais vous raconter une histoire.

En Mandchourie, il y avait un commerçant très fortuné, propriétaire de plusieurs concessions. Un certain automne, il accompagnait un convoi composé de quatre ou cinq chariots transportant des produits alimentaires de très haute qualité. Pour aller de la campagne au centre ville situé à cent cinquante lieues, comme la route était longue, il a dû partir très tôt (1 heure du matin). Pas de chance, en chemin, il fut attaqué par des bandits. N'y pouvant rien devant une telle agression, il se mit à réciter le Mantra de l'Immense Compassion. Quel miracle ! Tout d'un coup, les bandits n'y voyaient plus rien, résultat, le convoi passa sans aucun incident. Ce fut l'un des effets miraculeux et merveilleux du Mantra de l'Immense Compassion dont j'ai été témoin.

Dans le Sutra Karunika-Hridaya-Dharani, il a été conseillé : « Celui ou celle qui pratique le Mantra de l'Immense Compassion est capable de neutraliser les accidents, le feu n'arrive pas à le brûler, l'eau n'arrive pas à le noyer ». C'est pourquoi, je vous conseille vivement de LE réciter au moins trois fois par jour, jusqu'à ce que vous l'ayez su par cœur. Celui ou celle qui ne LE sait pas encore par cœur, qu'il se dépêche de l'apprendre. Les bénédictions résultant de la pratique de ce Mantra, non seulement sont capables de faire reculer les brigands, mais aussi, de guérir des centaines de maladies et d'échapper aux actes malfaisants et perturbateurs des démons. C'est

pourquoi, vous devriez LE réciter d'un cœur absolument sincère et concentré.

Aujourd'hui, c'est le premier jour du Séminaire, l'ambiance est très motivante et solennelle. J'espère que vous allez vous y investir entièrement, déployer tous vos efforts pour progresser.

Le vénérable Maître Hsuan Hua conférence du 13-06-1958, A la pagode Tây-Lạc-Viên, Hongkong

Le monde de Félicités se trouve juste devant nous

Il suffit que nous pratiquions de tous nos efforts, que nous progressions, alors nous pourrons y revenir

Revenons-y !

Pourquoi avoir laissé nos champs, nos jardins en friche, à l'abandon ?

Pourquoi n'y retournons-nous pas ?

Pourquoi avoir gardé notre cœur meurtri pendant si longtemps ?

Pourquoi souffrons-nous ? De quoi nous plaignons nous ?

Prenons conscience que le passé n'est pas encore réparé,

Qu'il est temps de rattraper l'avenir.

Qu'heureusement, nous ne nous sommes pas trop engagés dans le chemin de l'ignorance.

Qu'aujourd'hui nous avons raison et que dans le passé, nous avons tort.

Ce poème a été écrit par Ngũ Liễu (Đào Uyên Minh). Toutefois, je doute que le poète ait très bien pénétré le sens profond de ces paroles. Si on en juge sur la base du Bouddhadharma, ce poème renferme un sens étroitement en harmonie avec la Vérité.

Pourquoi dit-on « Retour au passé » ? Nous savons très bien que la nature originelle du Corps du Dharma de tous les Bouddhas est immense et éternellement sereine et illuminante. Dans les Sutras, il a été dit aussi : « Les êtres vivants possèdent tous la nature du Bouddha ». Notre nature originelle et celle du Bouddha sont

identiques. S'il n'en est pas ainsi, pourquoi dit-on « possèdent tous la nature du Bouddha » ? Aujourd'hui, si nous n'arrivions pas à recouvrer cette nature du Bouddha, c'est parce que nous sommes aveuglés, souillés par la poussière de nos cinq désirs sensoriels de ce monde Saha. Comme nous nous éloignons de l'Eveil en nous rapprochant de ce monde poussiéreux, nous ne comprenons jamais clairement le fond de notre esprit, nous ne nous éveillerons jamais à notre nature originelle.

Toutefois, nous ne pouvons pas nous plonger éternellement dans cet état embrouillé, illusoire. Mais nous devrions nous réveiller, faire l'introspection afin de retrouver notre nature originelle, enfin « nous éloigner de la poussière (l'ignorance) et nous rapprocher de l'Eveil ». C'est ce qu'on appelle : « Retour au passé ». Cela veut dire que nous rétablissons notre visage originel. Par ailleurs, quand nous nous appuyons sur la force des vœux des Bouddhas et des Bodhisattvas, grâce aux bénédictions résultant de la récitation de leurs noms, nous pourrions accéder à la Terre Pure (Monde de Félicités). Cela aussi s'appelle : « Retour au passé ».

Une fois retrouvé notre nature originelle, parvenus à la Terre Pure, nous devrions formuler d'immenses vœux de conduire le bateau de compassion, revenir au monde Saha afin de sauver les êtres vivants hors de la mer des souffrances et les emmener au rivage du bonheur éternel. Cela s'appelle : « Retour » ou « Revenir au présent ».

Que veut dire : « Champ » ? Il s'agit ici du « champ spirituel ». Si nous ne purifions pas notre esprit, il se laisse envahir par de folles pensées embrouillées, illusoire, semblable à un terrain envahi par de mauvaises herbes. Quand notre champ spirituel était en friche, il serait envahi par de mauvaises herbes (pensées), impossibles de déraciner, donc il nous serait impossible de recouvrer notre visage originel, notre nature du Bouddha.

« Pourquoi ne retournez-vous pas ? » Ce sont les paroles de tous les Bouddhas des dix directions et de tous les Saints. Ces Honorables nous ont diligemment conseillés : « Que vous êtes stupides et pitoyables ! Qu'attendez-vous pour vous retourner pour voir le rivage et y revenir ? »

« L'esprit commandé par le corps ». Cela veut dire que : si l'être vivant n'est pas éveillé, c'est parce qu'il privilégie toujours ses désirs sensoriels, qu'il se laisse entraîner par les plaisirs du monde extérieur, toujours préoccupé du matin au soir, courant après la célébrité et l'intérêt en dépit de leur existence, circulant dans le cycle éternel de naissances et de morts subissant d'innombrables souffrances. Que de milliers d'années de souffrances inexprimables, inimaginables ! Comme disait la phrase : « Souffrances comme celles du poison ».

N'existe-il pas de remède pour nous sauver ? Sauver les êtres vivants ? Sommes-nous condamnés à rester éternellement dans ce gouffre de naissances et de morts ? Absolument pas. Quoique, dans le passé, nous ayons commis des fautes, mais dans la perspective de l'avenir, nous avons encore une chance. Sachons que : « Reconnaître que l'avenir peut être rattrapé, il nous reste encore une chance de nous sauver ».

Dans l'avenir, nous ne répéterons plus l'erreur du passé, c'est-à-dire : nous éloigner de l'Eveil, nous rapprocher de l'ignorance, laisser notre corps commander notre esprit. Dans le passé, nous ne croyions pas au principe de Causalité, ne pratiquions pas la bonne Voie, créant ainsi d'innombrables mauvais Karmas, de tueries, etc. Que d'erreurs ! Aujourd'hui, vous avez bien fait de pratiquer une semaine de récitation de noms des Bouddhas. Vous avez réalisé que : « le présent est juste et que le passé est faux ». Vous devez garder ce qui est juste et pour ce qui est mauvais vous devez le corriger de tout cœur. Les Anciens disaient : « Un décimètre de temps vaut un décimètre d'or ». En réalité, pour les pratiquants, une portion de temps représente une portion de leur existence. Autrement dit, une portion de temps passe, en même temps, leur existence se raccourcit d'une portion.

« Un jour passe, autant raccourcit votre existence »

« Disciples du Bouddha ! Soyez vigilants, assidus ! Progressez ! Comme pour éteindre le feu brûlant au-dessus de votre tête ».

Dépêchez-vous de réformer vos mauvaises actions et d'accomplir de bonnes actions. Car vous ne vous êtes pas encore trop engagé dans le pire chemin. Le monde de Félicités se trouve

juste devant, il vous suffit de doubler vos efforts, de progresser pour pouvoir y revenir.

Le Vénérable Hsuan-Hua, conférence du 14/06/1958

En faisant de bonnes études scolaires, vous témoignerez de la parfaite piété filiale envers vos parents

Le vénérable Maître Hsuan Hua

A ce séminaire de prières en l'honneur du Bodhisattva Avalokitecvara participent beaucoup de jeunes élèves. Mes enfants ! Vous devriez bien comprendre ce qu'est la piété filiale. A la maison, vous devriez aider vos parents dans les tâches ménagères, les aider à mettre de l'ordre dans la maison, à balayer, à tondre la pelouse, à faire tout ce qui est nécessaire ; à l'école, vous devriez écouter vos professeurs, bien écouter leurs explications, apporter tous vos efforts à étudier, ne pas laisser le temps s'écouler inutilement. Si chaque jour, vous arriviez à apprendre, ne serait-ce qu'un mot, ou qu'une phrase, vous auriez témoigné de votre piété filiale envers vos parents !

Retenez bien ceci, mes enfants ! A l'école, soyez de bons élèves, à la maison, soyez de bons enfants. Non seulement, écoutez les conseils de vos parents, mais aussi ceux de tous vos aînés. Ayez de la piété filiale envers vos parents, du respect vis-à-vis des adultes, car ils ont plus d'expériences, plus de connaissances que vous. Donc, vous devriez apprendre sur leur personne, les considérer comme des modèles, de cette façon, vous auriez un avenir brillant, sinon, le chemin qui

s'ouvre devant vous serait sombre, vous n'auriez aucune chance d'avoir un bel avenir.

Etant élèves, vous devriez vous fixer clairement un objectif, ensuite vous munir d'une ferme et solide volonté, de la patience. Ne vous laissez jamais fléchir, jamais capituler, ni reculer devant d'innombrables difficultés qui vous attendent. Avec cet état d'esprit, vous pourriez dans l'avenir accomplir des actions grandioses, devenir de grands héros. Durant vos études, investissez-vous dans la lecture, ne vous abandonnez pas à la perturbation, aux jeux, vous y perdrez votre temps, mais apprenez tout ce qui est nécessaire. Agissant ainsi, vous ne trahirez pas la confiance de vos maîtres et de votre école.

Sachez que : ici c'est l'école du Bouddhisme, destinée à éduquer, à former des Sages, pour qu'à la sortie de cette école, vous deveniez des hommes utiles à la société. J'espère qu'au nom du

bonheur de l'humanité, vous vous investissiez à fond pour que ce monde ne tombe pas dans la déchéance. C'est le seul espoir de notre école. Il suffit, pour cela, que vous vous mettiez à étudier, à travailler sérieusement, assidûment, à ne pas gaspiller du temps, ne serait-ce qu'une minute, que vous vous rendiez compte que, dans cette montagne de livres et de cahiers, il existe un chemin, et ce chemin c'est l'assiduité ; l'océan des études est tellement immense, servez-vous de misères et de peines comme navire, ainsi vous pourriez le franchir pour parvenir au rivage.

Armez-vous de la patience, du courage pour

braver tous les obstacles, ne soyez pas fainéants, sachez économiser, ne gaspillez ne serait-ce qu'un bout de papier ou de crayon, ne les jetez pas délibérément. Dans vos activités quotidiennes, appliquez un règlement : dormir tôt,



se lever tôt, moins de télévision, beaucoup de lectures de livres classiques, faire tous les exercices à la maison, réviser, toujours réviser, car bien connaître le passé vous permettra d'acquérir plus facilement de nouvelles connaissances. Même en n'étant lu qu'une seule fois, un livre peut vous apprendre de bonnes choses. Ne lisez pas des bandes dessinées inutiles.

En Chine, à l'époque de Đông Hán, il existait un petit garçon nommé Khổng Dung, extrêmement intelligent et pieux envers ses parents. Un jour, les amis ont offert à sa famille un panier de poires. L'aîné prit la plus grande, Khổng Dung, un garçon de quatre ans mais connaissant déjà les règles de la morale, prit la plus petite. Voyant cela, son père lui demanda :

« Pourquoi tu n'as pas pris la plus grande ? »

Khổng Dung répondit : « Je suis le cadet de la famille, donc je dois prendre la plus petite, je laisse toutes les grandes à mes parents et à mes grands frères »

Mes chers enfants ! Réfléchissez un peu, Khổng Dung n'avait que quatre ans, il savait déjà se comporter modestement, aimer ses frères, témoigner de la piété filiale envers ses parents. Une telle conduite vertueuse ! N'importe quel autre enfant ne l'aurait jamais eu. Cette bonne réputation s'est propagée partout dans le monde, s'est transmise jusqu'à aujourd'hui, c'est pourquoi il existe une phrase disant : « Khổng Dung, un jeune garçon de quatre ans a su céder la poire ».

A cette même époque de Đông Hán, existait un autre petit garçon nommé Hoàng Hương. A l'âge de neuf ans, sa mère mourut, il vivait avec son père, lui témoignant d'une grande piété filiale. En hiver, il se servait de son corps pour chauffer le lit, la natte de son père, de peur qu'il ait trop froid en se mettant au lit. Lorsqu'arrive l'été, il se sert d'un éventail pour rafraîchir le lit de son père de peur qu'il ait trop chaud en y allant se coucher. C'est une preuve de piété filiale digne d'être propagée dans le monde et transmise jusqu'à aujourd'hui : « Hoàng Hương, à neuf ans, sait déjà chauffer et rafraîchir le lit de son père ».

Ces deux garçons agissaient sincèrement selon leurs sentiments, ce n'était pas simplement une apparence pour tromper les gens, de telles actions méritent d'être des modèles exemplaires pour nous. Vous êtes encore de jeunes enfants, vous devriez

prendre ces deux garçons comme modèles, savoir comment témoigner de la piété filiale envers vos parents.

Vous avez de la chance d'être nés dans des familles riches, vivre dans le luxe, dans la sécurité matérielle. Dans d'aussi bonnes conditions, si vous ne faites pas de bonnes études, si vous ne travaillez pas à l'école, vous trahiriez l'espoir de vos parents et de vos enseignants.

Sur cette terre pleine de malheurs, nous avons toujours besoin des gens honnêtes, qui comprennent bien le sens de la morale, du patriotisme, d'un bon citoyen. Disciples dans une école bouddhiste, dans l'avenir vous serez des hommes vertueux, des modèles pour la société, capables de guider les mauvais vers le bon chemin. Prenez comme conseillers, les six conceptions primordiales de la « Cité des Dix Mille Bouddhas » qui sont : pas de rivalité, pas de cupidité, pas de désirs, pas d'égoïsme, pas d'intéressement, pas de mensonges. Si vous arriviez à observer ces six conceptions, dans l'avenir vous deviendriez de meilleurs individus dans le monde. J'espère que vous seriez des personnes absolument parfaites, capables d'influencer jusqu'à réformer, transformer les mauvais en de bons citoyens, doués de grande compassion, capables d'apporter de la joie aux autres, de mettre fin à toutes leurs peines et leurs souffrances. S'il en était ainsi, le monde serait en paix.

Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 07 novembre 1973. Hằng-Do écrit :

Nous ne pouvons rien changer des caprices de la nature. Par contre, nous avons la capacité d'assurer un contrôle permanent de notre tempérament. Mais tout d'abord, nous devons nous décider de tourner notre regard vers le fond de nous mêmes, et d'avoir conscience que parfois

notre tempérament pourrait refuser de nous obéir. Comme il est difficile de reconnaître que la colère est la source de tous nos actes, même en ayant bien compris cela, il ne nous est pas toujours facile de nous débarrasser de ce tempérament coléreux. C'est la raison pour laquelle, nous devons tourner petit à petit notre regard vers l'intérieur, contrôler scrupuleusement et sérieusement chacun de nos faits et gestes. Les principes vertueux instaurés par Bouddha visent à nous guider dans notre activité quotidienne ainsi que dans les circonstances particulières. Imprégnés de ces qualités vertueuses, nous modérons petit à petit nos désirs qui finalement nous quittent définitivement. Une fois que nos désirs n'existent plus, notre cupidité ne disparaît également. Au lieu de dépenser notre énergie dans des crises de colère ou de haine, de vengeance, nous ferions mieux de l'utiliser dans notre pratique de la Méditation (Dhyâna).

Nous devrions renforcer, développer la force de notre énergie afin de pouvoir faire face à toute attitude provocante, insultante ainsi qu'aux mauvais temps. En plus, la force du Dhyâna est la clé capable d'ouvrir la porte de notre Sagesse fondamentale, de dissiper peu à peu notre obscure stupidité et de nous amener vers la lumière éclatante. C'est pourquoi, nous devrions procéder à une introspection constante et développer l'observation des préceptes, de la Méditation et de la Sagesse. De cette façon, nous pourrions nous débarrasser définitivement de notre cupidité, notre colère et notre stupidité. Evidemment, il est toujours facile d'apprendre la théorie, mais la pratique est beaucoup plus ardue.

D'après les bornes kilométriques installées le long des conduites d'eau et du pont, aujourd'hui, nous avons réussi à nous prosterner sur une distance de plus de trois lieues.

Le 08 novembre 1973. Hăng-Do écrit :

Nous avons l'intention de suivre l'itinéraire à l'intérieur du centre ville pour éviter de marcher sous la pluie, mais après, d'un commun accord, nous avons décidé qu'il vaudrait mieux suivre les côtes de l'océan. Ayant remarqué que depuis quelques jours nous n'avions pas beaucoup progressé, aussi pour rattraper le temps perdu, nous nous sommes décidés de redoubler nos efforts et de nous arrêter seulement quand le trop mauvais temps ne nous permettrait pas.

Le long de l'autoroute Un, il n'y avait pas de trottoir, il nous fallait beaucoup de courage pour pouvoir continuer à nous prosterner juste à vingt ou trente centimètres à côté de gros camions-routiers transportant des tonnes de bois et roulant à toute vitesse. Au début, je croyais que les conducteurs de ces camions voulaient nous renverser en roulant si près de nous, car ils nous considéraient comme des fous en train de gêner la circulation. Mais après, j'ai compris qu'ils ne pouvaient pas faire autrement pour éviter de rentrer dans des voitures roulant en sens inverse, si près d'eux et à toute vitesse aussi. La route n'était pas assez large pour laisser passer en même temps deux voitures et un Bhiksu en train de pratiquer des prosternations. Parfois, nous sortions carrément de l'autoroute pour nous en éloigner et pour éviter de nous faire écraser par ces voitures roulant à toute vitesse.

Cette situation me rappelle une histoire du vénérable Hur-Vân. Durant son pèlerinage, une fois, il a rencontré un Bhiksu en train de réparer un chemin qu'empruntaient souvent les fidèles bouddhistes pendant leur pèlerinage. Décidé fermement de réparer ce chemin pour le garder toujours en bon état, tous les jours ce Bhiksu s'efforçait de transporter des blocs de pierre, des tas de sable etc. sans jamais penser à son profit personnel. A l'âge de quatre-vingts ans, il avait consacré quarante ans de sa vie à entretenir ce chemin sans se reposer. Accomplir une tâche pénible pour le profit des êtres vivants sans penser à la moindre récompense, ne peut être que la conduite totalement désintéressée d'un Boddhisattva.

Nous campions sur la pente d'une colline où paissaient paisiblement quelques moutons. Durant les moments où cessait la pluie, on entendait murmurer venant de l'océan, le bruit des vagues heurtant les rochers de temps à autres. Chaque fois que je pensais à ce vieux Bhiksu réparateur de chemin, toutes mes fatigues dans la journée s'adoucissaient et se volatilisaient.

Le 09 novembre 1973. Hăng-Do écrit :

Depuis quelque temps, le conducteur d'un camion blanc, roulant lentement derrière nous, nous observait, puis partit. Mais un instant après, il fit demi-tour et se dirigea droit vers moi. A ce moment, Bhiksu Hăng-Cụ était en train de se

prosterner devant moi. Le conducteur, âgé d'environ 30 ans, rangea son camion au bord de la route, coupa le moteur, descendit et s'approcha de nous. D'habitude, j'avais souvent une légère appréhension avant de prononcer les premières paroles, que ce soit devant un ami ou un ennemi.

Celui-ci, en guise de politesse, engagea la conversation : « Bonjour ! Auriez-vous l'obligeance de me permettre de vous poser une question ? ».

Il avait l'air d'apprécier notre pèlerinage, puisqu'il était prêt à supporter le froid et à rester sous la pluie pour discuter avec nous.

Durant la conversation, il avait l'air très surpris à propos de plusieurs choses, surtout en apprenant que la pagode Kim-Son se trouvait en plein milieu de San Francisco. Il disait :

- « Je ne comprends pas pourquoi vous ne voulez pas quitter cette ville bruyante, remplie de pollutions, de cruautés. Je suis sûr que vous avez traversé plusieurs régions banlieusardes, jolies et paisibles aux environs d'ici. Ce sont des régions idéales pour construire des monastères ».

Il avait raison en disant cela ; au fond de moi-même je pensais : nous avons fait presque une centaine de lieues sur une autoroute tortueuse longeant la côte du Pacifique, malgré la pluie battante, nous avons apprécié de nombreuses beautés de la nature. Je me rends compte que parfois la nature est profondément mystérieuse. Comme par exemple la pluie, elle peut transformer la fumée des voitures en des arcs-en-ciel multicolores, arroser les plantes qui, grâce à l'eau de pluie, poussent en abondance, faire fondre les blocs de neige, les transformer en eau alimentant les rivières serpentant au fond des vallées. Quoique j'aie bien vu toutes ces choses, je n'approuvais pas entièrement l'opinion de ce jeune homme. Voici

mes explications : dans le Bouddhisme, on s'intéresse surtout à la vie intérieure de l'homme ; le but de la Voie Bouddhiste ainsi que la pratique visent à balayer tout incident extérieur ainsi que toute pensée illusoire en train de couler comme des conduites d'eau dans notre esprit. Cette pratique de la Voie peut être appliquée n'importe où et n'importe quand.

Une fois, quelqu'un a demandé à mon Maître s'il serait convenable d'interrompre la récitation du nom du Bouddha durant les heures de travail au bureau. Mon Maître a répondu : « Si vous travaillez consciencieusement, vous obtiendrez le résultat identique à celui que vous obtiendrez si vous récitez un Mantra ». En réalité, il en est de même quand vous pratiquez la Méditation, si les bruits tumultueux de la ville vous dérangent (cela diminue quand vous vous éloignez de la ville), si vous n'arrivez pas à vous concentrer à cause des bruits, vous devriez vous exercer à les surmonter ! Si vous deviez dépendre du silence environnant pour avoir la paix dans l'âme, vous auriez encore un endroit pour vous accrocher, vous auriez encore un attachement. Nous devrions nous débarrasser, nous desservir de tous ces bruits tumultueux, de toutes ces pollutions, de tous ces péchés occupant entièrement notre âme, ainsi, partout où nous irons, nous aurons la paix, par conséquent en ce monde, rien ne vaut qu'une introspection.

Il semblait prêter toute son attention en écoutant ces rares paroles précieuses. Puis, il nous quittait en nous souhaitant bonne chance. Ensuite, Quã Đôn arrivait pour nous aider à trouver le vieux garage délabré d'une entreprise de mécaniques à Timber Cove pour que nous puissions passer la nuit. (à suivre)

Ứng hộ Báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp

Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.

Họ và Tên / Nom et prénom :
Địa Chỉ / Adresse :
Điện Thoại / Téléphone :
 Cúng dường ủng hộ tùy hỷ :
 Votre don :



Lễ Phật Đản 2010



Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail: kimquangtu@hotmail.com
website : chuakimquang.com



- **A**i ai cũng biết nhẫn nhục thì đưa mình tới bờ giải thoát. Nhưng khi gặp phải cảnh giới (chuyện nghịch với lòng mình) thì không thể nhẫn nhịn nổi. Lửa vô minh cao ba thước chỉ trong thoáng chốc đốt sạch hết mọi công đức tích lũy trong bao năm tháng.
- **B**ạn hãy đọc kinh Không Nổi Nóng, đọc kinh Không Chửi Bới, đọc kinh Không Sân Giận. Đọc được ba bộ kinh này rồi thì rất mau sẽ thành Phật.
- **T**rong gan nếu không lửa, (không nổi giận), Bệnh gì cũng tránh thoát. Đây là thuốc nhiệm màu, Lại bị cắt một xó. (không chịu dùng)! Ta bà ha!
- **T**u hành chẳng phải chuyện gì khác đâu: Ngay nơi thân tâm tính mạng này mà dụng công phu.
- **Đ**ừng để danh lợi làm đầu óc mê muội. Tới chết thì vẫn hai tay trắng. Rằng: Đừng để tới già mới học đạo, mộ phần đây đây đám thiếu niên.
- Không có lòng tham dục thì phiền não gì cũng chẳng có. Một khi có lòng tham dục thì chuyện gì cũng xảy ra. Thế giới, vạn sự vạn vật vạn loài, thứ gì cũng do lòng tham dục sinh ra cả.
- **N**gười học Phật chớ nên hể nghe người ta khen là vui vẻ cao hứng lắm. Nghe một câu không vừa ý thì phiền não vô cùng. Đó là biểu hiện chẳng có định lực. Có định lực thì bạn không bị cảnh giới của tám gió làm lay chuyển.
- **U**ne bonne pensée est une augure propice pour le monde ; une mauvaise pensée provoque tempête et ouragan. Pour cette raison, un pays peuplé de gens honnêtes qui suivent les Cinq Interdits, qui pratiquent les Dix Bonnes Actions (ne pas tuer et sauver les êtres, pratiquer la charité, éviter la luxure, prêcher l'amour entre les hommes, prononcer des paroles apaisantes, ne pas mentir, ne pas être vulgaire, éviter la cupidité, être serein en toutes occasions, garder sa sagesse d'esprit) ne risque pas d'avoir des calamités.
- **S**ubir la misère c'est achever la misère. Jouir le bonheur c'est épuiser le bonheur.
- **E**tudier à pratiquer la doctrine du Bouddha, c'est apprendre à ne pas faire du mal et ne pas affliger l'autrui.
- **U**ne personne qui n'a pas du toute la vertu est une personne très pauvre.